

BÁT NHÃ TÂM KINH CHÚ GIẢI

般若心經註解

Tục Tạng Kinh Vol. 26, No. 573

Triều nhà Đường, Thiền sư Đại Diên Bảo Thông giải thuật.¹

Việt dịch: Quảng Minh.

¹ Đại Diên Bảo Thông 大顗寶通 (732-824), người xứ Dĩnh Châu, họ Trần, pháp hiệu Bảo Thông, tự hiệu là Đại Diên Hòa Thượng. Trong niên hiệu Đại Lịch (766), Sư theo học với ngài Dục Sơn Duy Nghiễm (751-834), rồi qua Nam Nhạc tham yết ngài Thạch Đầu Hy Thiên (700-790), đại ngộ tông chỉ, được nối pháp Tào Khê. Sư dựng Linh Sơn thiền viện tại dưới rừng Tây U ở Triều Châu, ra vào thường có cộ đi theo, môn nhân hơn ngàn người. Lúc ấy, Đường Hiến Tông thờ phụng xá-lợi trong cung, cảm được xá-lợi phóng quang, quần thần dâng biểu chúc mừng, riêng Hàn Dũ (768-824) lại dâng sớ can vua đừng mê tín đạo Phật, đòi đốt kinh Phật, dẹp chùa, đuổi Tăng về làm dân. Vua tức giận, đày Hàn Dũ đi Triều Châu. Tới Triều Châu, nghe danh Đại Diên, Hàn Dũ bèn mời tới, giữ lại hơn mười ngày, định dùng lời lẽ đánh bại Sư. Rốt cuộc, Hàn Dũ hết sức khâm phục Sư, thường lui tới hỏi đạo, tà kiến bóng Phật cũng giảm dần. Sư từng tự chép kinh Kim Cương một ngàn năm trăm biến, chép Pháp Hoa, Duy Ma mỗi kinh ba mươi bộ. Trước thuật gồm hai bộ Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh Chú Giải và Kim Cương Kinh Thích Nghĩa. Tháp Sư được dựng bên chùa. Cuối đời Đường, giặc giã phá tháp, thấy xương sọ đã tiêu hết, chỉ còn lưỡi vẫn tươi nhuận như khi còn sống, bèn chôn đằng hoàng, gọi là Ế Thiệt Trùng (瘞舌塚, mồ chôn lưỡi). Đến niên hiệu Chí Đạo đời Tống, người trong vùng lại đào lên, chỉ thấy lưỡi vẫn còn, bèn chồng đá dựng tháp, đặt tên là Thiệt Kính Tháp (舌鏡塔, Tháp gương lưỡi). [Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển 14; Tổ Đình Sự Uyển, quyển 4; Ngũ Đẳng Hội Nguyên, quyển 5.]

Bài Tựa

Tâm kinh ấy chưa từng nêu lên để biện minh, sao phải chú giải? Nhưng mà đức Thế Tôn xuất thế, thị hiện ra nhiều tướng, giảng nói đủ loại pháp, năm sự² thi hóa, năm chủng lập đề³, rộng mở huyền môn, dẫn dắt chúng sinh. Ở thời kỳ thứ năm⁴, đức Thế Tôn thuyết kinh Đại Bát-nhã tối thắng này, được Tam tạng Pháp sư Huyền Trang ở đời Đường phụng chiếu dịch, lưu truyền nơi quốc độ này. Kinh Đại Bát-nhã gồm sáu trăm quyển, thuyết một vị Không, bày nhiều cửa pháp, ở trong số ấy, tinh túy bậc nhất là Tâm Kinh năm mươi bốn câu, tính ra hai trăm sáu mươi

² Ngũ chủng thành tựu 五事成就: Năm nghĩa thành tựu trong phần tựa chung của mỗi bộ kinh. Trong luận Đại trí độ, quyển 2, bồ tát Long Thọ có nêu Lục sự thành tựu là: Tín thành tựu (Như thị), Văn thành tựu (ngã văn), Thời thành tựu (nhất thời), Chủ thành tựu (Phật), Xứ thành tựu (tại xứ ...), Chúng thành tựu (dữ chúng câu). Nhưng, ngài Trúc Đạo Sinh đem Chủ thành tựu và Xứ thành tựu trong Lục sự thành tựu hợp chung lại làm 1 mà thành Ngũ thành tựu: Tín thành tựu (Như thị), Văn thành tựu (ngã văn), Thời thành tựu (nhất thời), Chủ xứ thành tựu (Phật tại...), Chúng thành tựu (dữ chúng câu). Ngoài ra, ngài Cảnh Hưng cũng đem Tín thành tựu hợp lại với Văn thành tựu làm 1 mà thành Ngũ sự thành tựu: Tín văn thành tựu (Như thị ngã văn), Thời thành tựu (nhất thời), Chủ thành tựu (Phật), Xứ thành tựu (tại xứ...) và Chúng thành tựu (dữ chúng câu).

³ Thất chủng lập đề 七種立題: Chỉ cho 7 cách đặt tên kinh. Tông Thiên thai cho rằng tất cả tên kinh không ngoài 3 yếu tố Nhân, Pháp và Dụ, trong đó, lại do đơn, phức và cụ túc khác nhau mà có phân biệt, tức đơn 3, phức 3 và cụ túc 1, cộng chung là 7 thành phần. 1. Đơn nhân lập đề: Như kinh Phật thuyết A di đà. Phật là người năng thuyết, A di đà là người sở thuyết. Đây là dùng quả và nhân của 2 thế giới để đặt tên kinh. 2. Đơn pháp lập đề: Như kinh Niết bàn. Niết bàn là pháp sở thuyết trong kinh. Đây là dùng pháp để đặt tên kinh. 3. Đơn thí lập đề: Như kinh Phạm võng. Phạm võng là màn lưới của Phạm thiên, dùng các mắt lưới để ví dụ các tiết mục của giới luật giao xen nhau vô tận. Đây là dùng ví dụ để đặt tên kinh. 4. Nhân pháp lập đề: Như kinh Văn thù vấn bát nhã. Văn thù là nhân (người), Bát nhã là pháp. 5. Pháp thí lập đề: Như kinh Diệu pháp liên hoa. Diệu pháp là pháp, liên hoa là ví dụ. 6. Nhân thí lập đề: Như kinh Như lai sư tử hống. Như lai là người, sư tử là ví dụ. 7. Cụ túc lập đề (Nhân pháp thí lập đề): Như kinh Đại phương quảng Phật hoa nghiêm. Đại phương quảng là pháp, Phật là người và hoa nghiêm là ví dụ. Ngũ chủng lập đề thì bỏ Nhân thí lập đề và Nhân pháp thí lập đề.

⁴ Có lẽ là thời thứ 4 trong Ngũ thời giáo: thời Hoa nghiêm, thời A-hàm, thời Phương đẳng, thời Bát-nhã, thời Pháp Hoa và Niết-bàn.

bảy chữ. Bản kinh ấy, văn ý thẳng thắn, trở thành khó hiểu, mong muốn truyền trao đạt đạo, ngõ hầu tiếp dẫn sơ cơ. Nếu ai biết phản chiếu tự thân, thì phải qua năm bước: (1) Giùi mài sự thấy nghe, (2) Giữ lấy sự kiến tánh, (3) Nhập vào đốn môn⁵, (4) Không có sự ngưng trệ, (5) Đi đến lao quan⁶. Nếu như chưa thành tựu, xin nghe một câu cuối cùng⁷!

Hòa thượng Đại Điền chú Tâm Kinh⁸

⁵ Nhập đốn: Nhập vào đốn môn. Kinh Lăng Già nói: “Có tướng để đắc là Thức, không có tướng để đắc là Trí”. Đây thật là Đốn môn, liền chứng Bồ-đề vậy.

⁶ Lao quan 牢關: Cửa ải kiên cố khó vượt qua, ví dụ cảnh giới hướng thượng không thể dùng tư duy phân biệt mà đạt đến được. Cảnh đức truyền đăng lục, quyển 16 (Đại 51, 331 trung), nói: “Một câu cuối cùng mới đến lao quan, bít hết đường đi không thông phàm Thánh.”

⁷ Mạt hậu cú 末後句: Hay Mạt hậu nhất cú. Tiếng dùng trong Thiền lâm. Một câu nói cuối cùng, tức là lời nói rất mực được thốt ra khi đã đạt đến chỗ tột cùng của cảnh giới đại ngộ, không có câu hoặc lời nói nào khác có thể vượt lên được. Chương Lạc phổ Nguyên an trong Cảnh đức truyền đăng lục, quyển 16 (Đại 51, 331 trung), chép: Sư dạy đại chúng rằng: ‘Một câu sau cùng, mới đến cửa ải, bít khóa tới bờ, chẳng chung phàm thánh.’ (末後一句，始到牢關，鎖斷要津，不通凡聖。)

⁸ Thiền sư Minh Châu Hương Hải (1628-1715) đã viết hai bản giải thích về Tâm Kinh bằng chữ Nôm, đó là Giải Tâm Kinh Đại Điền, 1 quyển và Giải Tâm Kinh Ngũ Chỉ, 1 quyển. Bản in Giải Tâm Kinh Đại Điền mang ký hiệu AB. 530 của Viện Nghiên Cứu Hán Nôm. Tâm Kinh Thiêm Túc của Sa-môn Hoảng Tán, Tâm Kinh Trực Thuyết của Đại sư Hám Sơn và Tâm Kinh Chú Giải của Hòa thượng Đại Điền là những bản Tâm Kinh được khắc bản và lưu hành trong Phật Giáo Việt Nam.

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh

Ma-ha

Ma-ha là Phạn ngữ, Hoa ngôn là *Đại*, cũng gọi *Bình đẳng*.

Vật lớn nhất trên thế gian cũng không qua được không gian. Kinh Kim Cương nói: “*Này Tu-bồ-đề, không gian hướng tây, hướng nam, hướng bắc, bốn góc và cả hướng trên, hướng có thể nghĩ lường được hay không? - Bạch Đức Thế Tôn, không.*” Cho nên ngài Quán Khê nói: “*Mười phương không tường vách, bốn mặt cũng không cửa, đại đạo không ngăn mé, không gian khó suy lường.*”

Ngài Tuyết Phong⁹ nói: “*Ngước lên không thấy hết trời, cúi đầu không thấy hết đất. Mặc dù chúng rất rộng lớn, ai cũng biết có một vật hơn cả trời đất. Hãy nói đó là vật gì? Không phải tâm thức thì là gì! Không gian dẫu rộng, cũng không thể che bản thể ấy; nhật nguyệt tuy sáng, cũng không thể ví ánh sáng của nó.*”

Ngài Đạt Ma nói: “*Rộng thì trùm khắp cả pháp giới, hẹp thì không chứa nổi cây kim.*” *Am tuy nhỏ trùm cả pháp giới*¹⁰, bung ra cái lớn không ngoài, thu lại vật nhỏ không trong, *giấu núi trong đầm, giấu thuyền trong khe, giấu thiên hạ nơi thiên hạ.*¹¹ Nếu thể hội được lẽ ấy thì vô số hiện tượng, hữu tình và vô tình, đều

⁹ Tuyết Phong Nghĩa Tồn (雪峰義存, 822-908) là Thiền sư Trung Quốc, môn đệ của Đức Sơn Tuyên Giám. Từ dòng thiền của sư xuất sinh ra hai tông lớn của Thiền tông, đó là Vân Môn tông và Pháp Nhãn tông. Sư ấn khả cho 56 môn đệ, trong đó các vị Vân Môn Văn Yển, Huyền Sa Sư Bị và Trường Khánh Huệ Lăng là ba vị danh tiếng nhất.

¹⁰ Câu thơ trong bài Thảo Am Ca 草庵歌 của thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên (石頭希遷, 700-790): Am tuy nhỏ, hàm pháp giới, Phương trượng lão nhân tương thể giải. 庵雖小, 含法界, 方丈老人相體解. (Am tuy nhỏ, trùm pháp giới, Ông già phương trượng hiểu tương thể.)

¹¹ Trang tử Nam hoa kinh 莊子南華經 có ghi: “Kìa như giấu thuyền vào trong khe, giấu trái núi vào trong đầm, cho thế là vững chắc rồi ư. Nhưng mà nửa đêm có kẻ sức lực vác nó mà chạy. Kẻ ngu muội mới

đồng nhất thể, mới hiểu rằng, ‘*Đầy mắt non xanh không ngọn cây, ngắm nhìn dòng biếc hết sóng nước.*’ Ánh sáng soi thấu, chiếu cả mười phương, cánh tay như ngàn mặt trời, phóng ra ánh sáng lớn lao. Người xưa dạy: “*Tận đại địa*¹², là sa-môn *Một con mắt*¹³; *tận đại địa*, là một *Pháp thân vương*¹⁴.”

Kinh ghi: “*Mắt do cha mẹ sinh, thấy khắp ba ngàn cõi*”¹⁵ hay “*Đưa ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới.*”¹⁶ Sao nói không thấy?

Ngài Vân Môn nói: “*Cây gậy hóa làm rồng, nuốt hết càn khôn rồi vậy, núi sông đất liền chỗ nào được?*”¹⁷ Nếu ở đây mà sáng tỏ hết thấy thì gọi là liễu ngộ. Hạt cải đặt trong núi Tu-di, núi Tu-di lọt vào hạt cải.¹⁸ ‘*Chỗ ẩn thân không dấu vết,*

không biết thể! Bất luận là cất giấu những vật nhỏ lớn gì đều cũng có thể bị biến mất được. Nếu đem thiên hạ mà giấu vào trong thiên hạ thì không có cách gì làm cho nó biến mất được. Đó là cái tình lớn của vật thường hằng.” (夫藏舟於壑, 藏山於澤, 謂之固矣! 然而夜半有力者負之而走, 昧者不知也. 藏小大有宜, 猶有所遷. 若夫藏天下於天下而不得所遷, 是恆物之大情也. Phù tàng chu ư hác, tàng sơn ư trạch, vị chi cố hĩ, nhiên nhi dạ bán hữu lực giả, phù chi nhi tẩu, muội giả bất tri giả. Tàng tiểu đại hữu nghi, do hữu sở độ. Nhược phù tàng thiên hạ ư thiên hạ, nhi bất đắc sở độ, thị hằng vật chi đại tình dã.)

¹² Tuyết Phong Tận đại địa 雪峰盡大地: Cũng gọi là Tuyết Phong túc lập (雪峰粟粒, Hạt gạo của Tuyết Phong), Tuyết Phong Đại địa toát lai (雪峰大地撮來, Tuyết Phong tóm lấy đại địa). Đời Đường, thiền tăng Tuyết Phong Nghĩa Tồn cầm lên một hạt gạo mà thị chúng, để phá những thiên chấp tình kiến về lớn nhỏ, rộng hẹp, v.v... khiến quay về lý vạn pháp nhất tâm bình đẳng. Bích Nham Lục, Tắc thứ 5: “Tuyết Phong thị chúng: Tận đại địa, nếu ta nắm trên tay, nó chẳng lớn hơn một hạt gạo. Ném xuống trước mặt, nếu vẫn mê mờ không hiểu, tôi sẽ đánh trống mời tất cả mọi người đến xem.”

¹³ Nhất chích nhãn 一隻眼: Đồng nghĩa: Đỉnh môn nhãn 頂門眼, Chính nhãn 正眼, Hoạt nhãn 活眼, Minh nhãn 明眼. Một con mắt. Tiếng dùng trong Thiền lâm. Chỉ cho con mắt trí tuệ có chính kiến chân thực về Phật pháp, không giống như mắt thịt của phàm phu. Tắc 8 trong Bích nham lục (Đại 48, 48 thượng) nói: “Có được Nhất chích nhãn thì đoạn được 10 phương, đứng thẳng nghìn trượng.”

¹⁴ Pháp thân vương 法身王: Phật đà 佛陀.

¹⁵ Kinh Pháp Hoa, phẩm Pháp Sư Công Đức.

¹⁶ Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Kinh A Di Đà.

¹⁷ Bích Nham Lục, Tắc 60: Vân Môn Cây Gậy Hóa Rồng.

¹⁸ Kinh Duy Ma Cật, phẩm Bất Tư Nghi.

*chỗ không dấu vết chớ ẩn thân.*¹⁹ Thần thông tự tại, hiện ẩn tự do, hoặc hiện thân lớn trùm hư không giới, hoặc hiện thân nhỏ, nhỏ trong cực vi, bé trong cực tế. Ném về những người trước mặt, đánh trống mời đến xem vẫn không thấy!

Hội chăng? *‘Đáy biển quạ vàng trên mặt nhật, Con người trong mắt nơi mặt người.’*²⁰

Bát-nhã

Bát-nhã là Phạm ngữ, Hoa ngôn là *Trí tuệ*.

Người ngu si không thấy được tự tánh, tạo tác nghiệp xấu ác, hành xử không trí tuệ, sống mắc phép vua, chết đọa A-tỳ. Hoặc có người có thể chuyển ngu thành trí, hành xử thông minh, đủ phước đức lớn, thấy biết nhân quả, khiến người cung kính, không bị nghèo khổ. Hoặc có người xem xét lại những việc xấu ác đã làm từ trước, những việc mà hằng ngày mịt mờ chạy theo, không hiểu không biết, say mê điên đảo, bỗng nhiên tỉnh ngộ, nhớ nghĩ sinh tử, tự hỏi cuối đời nương gì, khi còn đó những khổ não lớn lao, như là: khổ yêu chia lìa, khổ cầu không được, khổ bỏ không xong. Mờ mờ mịt mịt, đường trước tối đen, hồn thức loạn bay, không nhà để về, nép cỏ nương cây, đói khát khổ sở, thân thích không thấy, hoang vu lẫm

¹⁹ Thiền sư Thuyền Tử Đức Thành 船字德誠 phó chúc ngài Thiện Hội rằng: - Người ra đi phải tìm chỗ ẩn thân mất dấu vết, chỗ mất dấu vết chớ ẩn thân. Ta ba mươi năm ở Dược Sơn chỉ sáng tỏ việc này. Nay người đã được nó, sau chớ ở chỗ xóm làng thành thị, nên vào trong núi sâu bên cạnh đồng để tìm lấy một cái, nửa cái tiếp tục không để đoạn dứt. Thiện Hội liền từ giả Sư ra đi, thỉnh thoảng ngó lại. Sư bèn gọi: - Xà-lê! Thiện Hội quay đầu ngó lại. Sư liền dựng đứng cây chèo, bảo: - Người sẽ bảo riêng có. Nói xong, Sư lật úp thuyền xuống nước mà tịch.

²⁰ Hải đế kim ô thiên thượng nhật, Nhân trung đồng tử diện tiền nhân. 海底金烏天上日, 眼中童子面前人. Quạ vàng hay quạ lửa là chỉ mặt trời, Đáy biển quạ vàng, là chỉ bóng mặt trời nằm dưới đáy biển; Trên mặt nhật, là mặt trời thật thì ở trên hư không. Con người ở giữa trông con mắt, con mắt ở trên mặt người, và con mắt thấy nhờ con người. Bóng mặt trời dưới nước không phải là mặt trời thật, nếu chịu khó nhìn ngược trở lên thì sẽ thấy mặt trời thật. Con người nằm sẵn trong con mắt mà con mắt ở trên mặt, muốn tìm lại con người thì chỉ ngay nơi con mắt trên mặt mà thấy, chớ không cần tìm kiếm ở đâu xa.

đăng. Nỗi khổ ưu sầu: hoặc tại địa ngục, một ngày một đêm, ngàn chết muôn sống; hoặc đọa súc sinh, chịu mãi khổ não, không ai cứu giúp. Nhiều kiếp thọ khổ, chợt biết tự giác, ngày đêm phản tỉnh. Trần kiếp đến nay, biết bao thống khổ, nhận lấy vô thường. Thân cận tri thức, phát đại trí tuệ, thấy tự bản tánh, đốn ngộ vô sinh. Ngu si thuở trước, trí tuệ phước đức, đều về Không tịch. Thần thông diệu dụng, sản nghiệp nuôi sống, lời nói giúp đời, cùng về Bát-nhã. Chuyển phàm thành Thánh, tự biết sẽ làm Phật, tâm ấy là Phật, sinh Cực lạc quốc. Mỗi niệm từ bi, thường nói Bát-nhã, giúp người nghèo khổ, biến đất rộng thành vàng ròng, quấy sông dài thành váng sữa. Tất cả các pháp, không gì không là Phật pháp, chân pháp giới bình đẳng, Phật chẳng độ chúng sinh, mới hiểu rằng, *‘Không chúng sinh hóa độ, không ba cõi xuất ly, không niết-bàn chứng đắc, bản lai đầy đủ.’* *‘Phật tử trú địa này, chính chỗ Phật thọ dụng, thường cư trú trong ấy, kinh hành và ngồi nằm.’*²¹ Chỉ người tự nhận, quyết định không nghi, mới nói pháp khó tin này. Việc hy hữu ấy, người ngộ mới biết, bèn tham cứu: *‘Một câu cuối cùng, mới đến lao quan.’* Thế nào là một câu cuối cùng? *Đâu cần đợi rơi rụng, Sau đó mới biết không.*²²

Ba-la

Ba-la là Phạn ngữ, Hoa ngôn là *Đáo bỉ ngạn*.

²¹ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Phận Biệt Công Đức.

²² Hai câu thơ trong bài Giác Không 覺空 của thiền sư Pháp Nhãn Văn Ích (法眼文益, 885-958): Ứng thuế đối phương từng, Do lai thú bất đồng, Phát từng kim nhật bạch, Hoa thị khứ niên hồng, Diễm dã tùy triều lộ, Hình hương trực văn phong, Hà tu đãi linh lạc, Nhiên hậu thử tri không. 擁毳對芳叢, 由來趣不同, 髮從今日白, 花是去年紅, 豔冶隨朝露, 馨香逐晚風, 何須待零落, 然後始知空. (Nhà sư ngắm cụm hoa, Cảm nhận hoa chẳng đồng, Tóc ngày nay bạc trắng, Hoa năm ngoái vẫn hồng, Tươi đẹp trong sương sớm, Hương thơm theo gió nồng, Đâu cần đợi rơi rụng, Sau đó mới biết Không.)

Mê là bờ bên này, ngộ là bờ bên kia. Kinh nói: “*Qua sông phải dùng bè, Đến bờ chẳng dùng ghe.*”²³ Nếu mê bản tánh, thì ba nghiệp tối tăm, sáu căn mù lòa, ngộ nhận bốn đại, sáu căn là mình. Đây là sự điên đảo của chúng sinh, nhận giấc làm con, mê tự bản tánh, luân chuyển sinh tử, tức ở bờ này. Hồn thoát khỏi xác rồi lại nhập vào xác, triển chuyển bất giác, thay đầu đổi mặt, nhiều kiếp thọ khổ, không có ngưng dứt. Có người biết trở về bản thể chân thật, khám phá hiện tượng và bản chất của vạn pháp, tự thân thấy rõ mặt mũi xưa nay, đón ngộ vô sinh, liền lên bờ kia, đã chứng mãi chứng, đã ngộ mãi ngộ, lại không sinh nữa, luân hồi chấm dứt, sinh tử mãi đoạn, làm một người an nhàn ngoài vật. Nhậm tánh tiêu dao²⁴, tịch nhiên khoái lạc²⁵, gọi là *Cực lạc*. Thế nào là Cực lạc? ‘*Ai mà chịu làm việc trong nhà, trừ phi là học trò cưng của ta.*’

Mật-đa

Mật-đa là Phạn ngữ, Hoa ngôn là *chuẩn tắc cao nhất*.

Mật, là hòa hợp. Đa, là các pháp. Một chữ ‘mật’ được ví như thái hư ôm trọn vạn pháp, vạn pháp đều nằm trong thái hư. Nhất tánh²⁶ của chúng sinh mà được khai phóng thì có thể ôm trọn thái hư, thái hư cũng có khả năng ôm trọn mọi chủng tánh. Thái hư làm thể, vạn pháp làm dụng. Ở trong thái hư có vô số hiện tượng đang hiện hữu. Hữu tình và vô tình đều nằm trong thái hư. Tánh Phật nơi chúng sinh có thể ôm trọn thái hư. Trong thái hư có tám vạn bốn ngàn, vô số chủng tánh dị loại, đều là bất khả thuyết, đều nằm bên trong nhất tánh của chúng sinh. Nhất

²³ Lương Triều Phó Đại Sư Tụng Kim Cương Kinh 梁朝傳大師頌金剛經, No. 2732, tr. 3a07.

²⁴ Tín Tâm Minh, câu 35: Nhậm tánh hợp đạo, tiêu dao tuyệt não 任性合道, 逍遙絕惱: Sống thuận pháp tánh thì hợp với đạo, an nhàn tự tại thì không còn phiền não.

²⁵ Tịch nhiên khoái lạc: Chỉ cho Vô trú Niết-bàn.

²⁶ Nhất tánh = Phật tánh.

tánh, dụ cho ‘mật’. Mật thì có thể điều hòa, hòa hợp làm một. Nhất tánh là mật, chủng tánh là đa, nên gọi là *mật-đa*.

Tâm

Tâm, là bản nguyên của chúng sinh. Tất cả các pháp đều trở về Tâm. Vạn pháp là tên khác của Tâm, được phân làm tám vạn bốn ngàn, nói rộng là vô cùng vô tận. Tâm sinh thì mọi pháp đều sinh, Tâm diệt thì mọi pháp đều diệt, cho nên nói: “*Trên trời các vì sao đều vây quanh Bắc cực, thế gian các dòng sông đều chảy về bên Đông.*”²⁷

Lại nói: “*Hiện tiền nhất tâm, vốn đủ ngàn pháp,*²⁸ *cử tâm động niệm, đủ đại tổng trì.*” Từ trên Tổ sư, lấy tâm truyền tâm, lấy tâm ấn tâm, đến năm ngàn bốn mươi tám quyển²⁹, tám vạn bốn ngàn pháp môn, nhiều thứ phương tiện, đều từ một chữ Tâm ấy lưu xuất. Lấy núi Tu-di làm bút, dùng nước biển làm mực, viết ngay một chữ Tâm vẫn chưa hết. Mỗi người đều có một chữ này, nhưng vì không thể tự thấy, nói cũng không tin, phải đích thân thấy mới tin. Nhận làm *Pháp môn Một chữ*³⁰, nhưng chúng sinh không tin ‘*Tâm ấy là Phật*’. Phật có nhiều thứ phương tiện để chỉ dạy chúng sinh thấy tự bản tánh. Người chưa thấy [tự bản tánh] thì cần được chỉ điểm rõ ràng.

²⁷ Ngạn ngữ: Thiên thượng chúng tinh giai cùng bắc, thế gian vô thủy bất triều đông. 天上眾星皆拱北, 世間無水不朝東.

²⁸ Đại Bi Sám Pháp: Hiện tiền nhất tâm, bản cụ thiên pháp. 現前一心, 本具千法.

²⁹ Bộ Đại tạng kinh Phật giáo đầu tiên tại Trung Quốc do Tống Thái Tổ ra lệnh in năm 972 và hoàn thành năm 983, gồm cả thảy 1076 kinh, 480 tập và 5048 quyển.

³⁰ Thiền Tông Bản Hạnh: “Tâm kinh vốn thấy căn nguyên, Tâm là Nhất tự pháp môn thượng thừa.” “Ngộ tâm mình là pháp, Gọi Nhất tự pháp môn.”

Có lời rằng: “*Cành trúc xanh biếc, toàn là chân như.*” Phải tự mình thấy chân như. “*Hoa vàng thắm tươi, đâu không Bát-nhã.*” Phải tự mình thấy Bát-nhã.³¹

Ngài Giáp Sơn³² nói: “*Sáng sáng đầu trăm cỏ, sáng sáng ý Tổ sư?*” Phải tự mình thấy ý Tổ sư.

Lại nói: “*Trước mắt không có pháp, ý ở ngay trước mắt.*”³³

³¹ Vua Lý Thái Tông, khoảng niên hiệu Thông Thụy (1034-1038), một sáng mùa xuân tìm vào núi viếng thăm Thiền sư Thiền Lão. Với 4 câu thơ, đáp lời hai câu hỏi của nhà vua, Thiền sư đã lưu lại cho những câu thơ tuyệt bích trong thi ca Thiền học về không gian và thời gian.

Khi vua hỏi: Hòa thượng đến tu núi này được bao lâu rồi? Thiền sư đáp: Dẫn tri kim nhật nguyệt, Thùy thức cữu Xuân Thu 但知今日月, 誰識舊春秋 (Sống ngày nay biết ngày nay, Còn Xuân Thu trước ai hay làm gì.) Vua lại hỏi tiếp: Như vậy hằng ngày Hòa Thượng làm việc gì? - Thúy trúc, hoàng hoa phi ngoại cảnh, Bạch vân, minh nguyệt lộ toàn chân. 翠竹黃花非外景, 白雲明月露全真 (Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác, Trắng trong mây bạc hiện toàn chân.) Vua hỏi: Có ý chỉ gì? Sư đáp: Lắm lời không ích về sau. Vua liền tỉnh ngộ. Thúy trúc hoàng hoa: Cách ngữ của thiền nhằm chỉ chân lý không nằm đâu xa, nó nằm ngay trước mặt. Có vị tăng hỏi Thiền Sư Tuệ Hải: - Thanh thanh thúy trúc tận thị Pháp thân, uất uất hoàng hoa vô phi Bát nhã? 青青翠竹盡是法身, 鬱鬱黃花無非般若 (Trúc biếc xanh tươi có phải là Pháp thân, Hoa vàng rực rỡ có phải là Bát Nhã?) Ngài trả lời: - Pháp Thân vô tướng, ứng thúy trúc dĩ thành hình, Bát Nhã vô tri đối hoàng hoa nhi hiển tướng. 法身無相, 應翠竹以成形; 般若無知, 對黃花而顯相

(Pháp Thân không có tướng, ứng trúc biếc hiện ra hình; Bát nhã không được hiểu, đối hoa vàng hiện ra tướng.)

³² Giáp Sơn Thiện Hội 夾山善會 (805-881), là cao Tăng đời Đường, sư đắc pháp nơi Thuyền Tử Đức Thành 船子德誠. Sau sư đến Giáp Sơn trụ trì, môn đệ đến học tập nập. Môn đệ đắc pháp nổi danh của sư là Lạc Phổ Nguyên An 洛浦元安 (834-898).

³³ Thiền sư Viên Trí có dịp đi đến Kinh Khẩu, gặp lúc thiền sư Thiện Hội thượng đường. Có vị tăng hỏi: “Thế nào là pháp thân?” Thiện Hội đáp: “Pháp thân không tướng.” Tăng hỏi: “Thế nào là pháp nhãn?” Thiện Hội đáp: “Pháp nhãn không vết.” Thiện Hội nói thêm: “Trước mắt không có pháp, ý ở ngay trước mắt; nếu chẳng phải ở trước mắt, thì pháp chẳng phải là nơi đến của mắt tai.” Viên Trí bất chợt phát cười. Thiện Hội xuống tòa, thỉnh hỏi Viên Trí: - Tôi vừa đáp câu hỏi của Tăng, chắc có chỗ không đúng khiến Thượng tọa phát cười, xin Thượng tọa từ bi chỉ dạy. Viên Trí bảo: - Hòa thượng nhất đẳng là đúng, về xuất thế thì chưa có thầy. Thiện Hội thưa: - Chỗ nào tôi không đúng, mong Thượng tọa vì nói để phá. -

Lại nói: “*Đạo ở ngói gạch, đạo ở cắt đái, đạo ở khắp nơi.*”³⁴

Lại nói: “*Chỉ một thân kiên mật, hiện trong tất cả trần.*”³⁵

Lại nói: “*Thấy sắc liền thấy tâm.*”³⁶

Chúng sinh chỉ thấy sắc, không thấy tâm. Vì sao không thấy? Chỉ vì thức tánh tối tăm, sáu căn mù lòa, không hiểu không biết. Nếu có thể thâm nhập căn nguyên, từng bước từng bước, niệm niệm chẳng quên, gõ gõ đập đập, bỗng nhiên thấy được, gọi là *kiến tánh*. Tánh ấy, không là trí biết tri giác, không là thức biết nhận thức, mà là trông trước nhìn sau, quay đầu động não, *mới thấy ở trước mặt, bỗng hiện ở sau lưng*³⁷, *chỗ chỗ đều gặp hần, hần nay chính là ta, ta nay không là hần, phải nên như thế hội, mới mong hợp như như.*³⁸ Tánh ấy không hình, không tướng, trên cái không thấy mà tự thấy, trên cái tự thấy lại không thấy. Là các thứ tướng, thấy tự bản tánh, đó gọi là *diệu đạo*.

Tôi hoàn toàn không nói, mời Hòa thượng đi đến chỗ Hoa Đình Thuyền Tử. - Người ấy như thế nào? - Người ấy trên không có miếng ngói, dưới không có mũi dùi. Hòa thượng muốn đi xin đổi y phục mà đến.

³⁴ Trang Tử – Trí Bắc Du: Đông Quách Tử hỏi Trang Tử: “Cái được gọi là đạo và ác nó được nằm ở đâu?” Trang Tử đáp: “Vô sở bất tại” (Không đâu không có).

³⁵ Thiền sư Nguyệt Lâm Sư Quán 月林師觀: “Thử thế bất di động, Bĩ thế bất cải biến, Duy nhất kiên mật thân, Nhất thiết trần trung hiện.” (此世不移動, 彼世不改變, 惟一堅密身, 一切塵中現. Đời này chẳng di động, Đời sau chẳng đổi dời, Chỉ một thân kiên mật, Hiện trong tất cả trần.)

³⁶ Một ông tăng hỏi thiền sư Tuệ Chân: - Thấy sắc liền thấy tâm, chư pháp vô hình làm sao thấy? - Một nhà có chuyện, trăm nhà bận rộn. - Con không hiểu, xin thầy chỉ thêm. - Ba ngày sau coi lại.

³⁷ Luận Ngữ 論語, Tử Hãn 子罕: “Ngưỡng chi di cao, toàn chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu.” 仰之彌高, 鑽之彌堅, 瞻之在前, 忽焉在後. Đạo [của Khổng Tử] càng ngưỡng lên trông càng thấy cao, càng đục càng thấy cứng, mới thấy ở trước mặt, bỗng hiện ở sau lưng.

³⁸ Bài kệ của Ngài Động Sơn: “Thiết kỵ tùng tha mịch, Điều điều dữ ngã sơ, Ngã kim độc tự vãng, Xứ xứ đắc phùng cừ, Cừ kim chánh thị ngã, Ngã kim bất thị cừ, Ứng tu nhậm ma hội, Phương đắc khế như như.” (切忌從他覓, 迢迢於我疏, 我今獨自往, 處處得逢渠, 渠今正是我, 我今不是渠, 應須恁麼會, 方得契如如. Rất kỵ tìm nơi khác, Xa xôi sao nhãng ta, Ta nay riêng tự đến, Chỗ chỗ đều gặp hần, Hần nay chính là ta, Ta nay chẳng phải hần, Phải nên như thế hội, Mới mong hợp như như.) Còn có ‘thấy’, tức còn có ‘bị thấy’, là còn hai, chưa thể tự dừng.

Nhị Tổ [Huệ Khả] thưa Tổ Đạt Ma: “*Xin thầy an tâm cho con.*” Tổ Đạt Ma bảo: “*Đem tâm lại để ta an cho.*” Nhị Tổ nói: “*Con tìm tâm mà không thấy đâu cả.*” Tổ Đạt Ma nói: “*Ta đã an tâm cho con.*” Nhị Tổ ngay đó liền đại ngộ, đắc cái đạo vô tâm.

Hội chăng? ‘*Nếu được tâm Không đều đỗ đạt, Phàm Thánh nguyên lai chung một nhà.*’³⁹

Kinh

Kinh, là con đường, là đường lối cho chúng sinh tu hành. Thẳng mạch đi tới, hướng vạn lý đến chốn không cỏ cây, rất ghét đương đầu, khởi tâm động niệm liền đọa địa ngục. Cần biết kinh ấy là gì? Là năm ngàn bốn mươi tám quyển đều từ kinh ấy mà có ra. Sao không thấy?

Một vị Tăng đến hỏi ngài Vân Môn: “*Thế nào là một quyển kinh của người học?*” Vân Môn đáp: “*Đề mục rất rõ ràng.*” Lại hỏi: “*Tăng niệm kinh gì?*” Tăng đáp: “*Niệm kinh Duy Ma.*” Vân Môn nói: “*Tôi không hỏi ông niệm kinh Duy Ma, mà hỏi ông niệm cái gì?*”

Nếu ở ngay đây mà hiểu được, thì thở ra chẳng dính muôn duyên, thở vào chẳng trú âm giới, thường chuyển kinh như thế, trăm ngàn muôn ức quyển. Một quyển kinh này, mọi người vốn có, từ xưa đến nay, chỉ vì chúng sinh không ngộ, cho nên không thể tin nổi. Sao vậy? Một quyển kinh này, lưu lạc nhiều kiếp, mê lầm mà đối nghịch kinh này. Bất chợt có người đốn ngộ trong một lời nói, rồi thấu suốt nẻo đạo: Kinh này không từ bên ngoài mà được, tự biết là từ bản tâm lưu xuất, âm thanh vang dội chẳng dứt, *im lặng khi thuyết pháp, thuyết pháp khi im lặng, mở*

³⁹ Cư sĩ Bàn Long Uẩn nói: “Mười phương cùng hội tụ, Người người học Vô vi, Đây là trường tuyển Phật, Tâm không đỗ đạt về.” (Thập phương đồng tụ hội, Cá cá học Vô vi. Thử thị tuyển Phật trường, Vô tâm cập đệ qui. 十方同聚會, 箇箇學無為。此是選佛場, 心空及第歸。)

*cửa đại thí không khóa kín*⁴⁰. Dẫn rằng như thế, không thể y theo dạng [con cạp] mà vẽ con mèo⁴¹. Sao vậy? Phải tự thấy kinh này mới được.

Quán Tự Tại Bồ-tát

Nếu tin vào Bồ-tát, hãy đi tĩnh tọa, ngồi với lòng an tĩnh thực sự. Khi khởi tâm động niệm vẫn có một *chân nhân không ngôi vị* mà thường hiện hữu nơi cục thịt đỏ, đi ra đi vào.⁴² Ngay đây tự thấy Bồ-tát ấy dạo chơi tự tại trong các quốc độ ở mười phương, không đâu không hiện thân, trong khoảng sát-na biến khắp vô số thế giới. *Du lịch khắp mười phương, Không thấy hành tung Phật.*⁴³ *Không rời đương xứ thường vắng lặng, Kiếm tìm, biết anh không thể thấy.*⁴⁴ Nơi không thấy mà tự thấy, nơi tự thấy mà không thấy. Ở ngay đây mà thấy được Bồ-tát Quán Âm

⁴⁰ Chứng Đạo Ca: “Im khi nói, nói khi im, Mở cửa đại thí không khóa kín, Có người hỏi tôi giải tông gì? Xin nói là sức Đại trí độ.” (Mặc thời thuyết, thuyết thời mặc, Đại thí môn trung vô ứng tắc, Hữu nhân vấn ngã giải hà tông, Báo đạo ma ha bát nhã lực. 默時說, 說時默, 大施門開無壅塞, 有人問我解何宗, 報道摩訶般若力.)

⁴¹ Y dạng họa miêu nhi 依樣畫貓兒.

⁴² Vô vị chân nhân 無位真人: Tên gọi khác của ‘bản lai diện mục’, hoặc chân tánh. Trong bài Phổ Khuyến Sắc Thân, vua Trần Thái Tông nói: “Vô vị chân nhân xích nhục đoàn, Hồng hồng bạch bạch mạc tương mãn. Thủy tri vân quyện trường không tịch, Thúy lộ thiên biên nhất dạng san.” (Vô vị chân nhân thịt đỏ au, Hồng hồng trắng trắng đối chi nhau. Ai hay mây cuốn trời quang tạnh, Núi hiện chân trời biếc một màu.) Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền thượng đường nói: - Trên khối thịt đỏ có một chân nhân không ngôi vị, thường ra vào nơi diện môn của các ông, người nào chưa thấy, hãy xem! hãy xem! Lúc ấy có một vị Tăng ra hỏi: - Thế nào là chân nhân không ngôi vị? Sư xuống thiền sàng nằm đứng lại và nói: - Nói! Nói! Tăng toan nói, Sư buông ra và nói: - Chân nhân không ngôi vị là gì? Cục cục khô! Nói xong liền trở về phương trượng.

⁴³ Thiếu Thất Lục Môn, Tâm Kinh Tụng: Thập phương du lịch biến, Bất kiến Phật hành tung. 十方遊歷遍, 不見佛行蹤.

⁴⁴ Chứng Đạo Ca: Bất ly đương xứ thường trạm nhiên, Mịch tức tri quân bất khả kiến. 不離當處常湛然, 覓即知君不可見.

hóa độ và tùy hình, chưa từng thiếu sót. [Ta và Bồ-tát] *ngồi đứng theo nhau suốt*⁴⁵, cùng đứng và cùng té, cùng vui cùng đùa, cùng kêu cùng réo.

Hội chẳng? *‘Con mắt nghe tiếng mới biết được.’*⁴⁶

Hành

Hành, là tu hành. Muốn đi vạn lý, một bước khởi đầu. Xem một bước này từ đâu mà khởi? Nếu biết chỗ khởi đầu, liền biết cội rễ của sinh tử.

Người xưa nói: *“Đi tới chỗ dòng nước hết, Ngồi xem lúc đám mây nổi.”*⁴⁷ Sao chẳng thấy? Ngài Thạch Sư đến hỏi ngài Thạch Đầu: *“Khi khởi tâm động niệm chẳng dừng thì sao?”* Ngài Thạch Đầu chỉ bảo: *“Ôi ! Nói là ai khởi tâm động niệm?”* Thạch Sư ngay đó đại ngộ. Chỉ như thế xem xét, trong từng ý niệm không rời đương xứ. Khi khởi tâm động niệm, lúc nói năng, thiền định, phải tự quán chiếu từ đâu mà có ra.

Trong kinh có câu: *“Sao chẳng nghe lại tánh nghe của mình.”*⁴⁸ Mới biết rằng, *“Từ miêng Phật sinh”*⁴⁹, *“Từ miêng Phật xuất.”*⁵⁰

⁴⁵ Bài kệ của Phó Đại Sĩ, hóa thân của Bồ-tát Di Lặc: “Dạ dạ bảo Phật miên, Triều triều hoàn cộng khởi, Khởi tọa trấn tương tùy, Ngủ mặc đồng sở chi.” 夜夜抱佛眠, 朝朝還共起, 起坐鎮相隨, 語默同居止. (Đêm đêm ôm Phật ngủ, Sáng sáng cùng Phật dậy, Ngồi đứng theo nhau suốt, Nói nín cùng chung ở.)

⁴⁶ Trong Phật Tổ Lịch Đại Thông Tải, chương Động Sơn Lương Giới (洞山良价, 807-869) có chép: “Vô tình thuyết pháp bất tư nghĩ, Nhược tương nhĩ thính chung nan hội, Nhãn xứ văn thanh phương thủy tri.” (無情說法不思議, 若將耳聽終難會, 眼處聞聲方始知. Vô tình nói pháp khó nghĩ bàn, nếu đem tai nghe trọn khó hiểu, dùng mắt nghe tiếng mới biết được.) Ý nói nghe thuyết pháp có khi dùng mắt lại hiểu hơn dùng tai, vì âm thanh hòa nhập vào tự tánh.

⁴⁷ Thơ của Vương Duy 王維 (699-759), bài Chung Nam Biệt Nghiệp: “Hành đáo thủy cùng xứ, Tọa khán vân khởi thời.” (行到水窮處, 坐看雲起時.)

⁴⁸ Kinh Lăng Nghiêm: “Tương văn trì Phật Phật, Hà bất tự văn văn.” (將聞持佛佛, 何不自聞聞. Đem cái nghe mà nhớ lời chư Phật, sao chẳng nghe lại tánh nghe của mình.)

⁴⁹ Kinh Tạp A-hàm, Kinh Đại Bát-nhã, Kinh Bi Hoa, Kinh Pháp Hoa.

Xưa có câu: “*Muốn biết chỗ Phật đi, Chính cái nói năng đó.*”⁵¹

Ngài Bảo Công⁵² nói: “*Người chưa hiểu nghe được một câu, Chỉ là bây giờ ai mở miệng.*”⁵³

Kinh [A Di Đà] nói: “*Có một quốc độ tên là Cực Lạc. Quốc độ ấy có đức Phật giáo chủ danh hiệu A Di Đà, hiện nay vẫn còn và tuyên thuyết diệu pháp.*” Quán chiếu sự nghe trở lại tánh nghe mà vốn từ tâm mình lưu xuất. Niệm niệm không dứt, trong mười hai thời, thường đọc kinh ấy. *Kêu Phật một tiếng ứng một tiếng, bản lai diện mục rất rõ ràng.*⁵⁴ Nếu được như vậy, gọi là ‘*Phản bản hoàn nguyên*’. Thế nào là ‘nguyên’? ‘*Nước chảy xuôi nguồn biển, Trăng lặn chẳng rời trời.*’⁵⁵

Thâm

Thâm, là chỗ thấu xương, thấu tủy.

⁵⁰ Kinh Đại Bảo Tích, quyển 4, tr. 23b14.

⁵¹ Bài kệ của Phó Đại Sĩ: “Tiêm hào bất tương ly, Như thân ảnh tương tự, Dục thức Phật khứ xứ, Chỉ giá ngữ thanh thị.” 纖毫不相離，如身影相似，欲識佛性處，只這語聲是。(Mây may chẳng tách rời, Giống hệt thân với bóng, Muốn biết chỗ Phật đi, Chính cái nói năng đó.)

⁵² Bảo Chí 寶志 (418-514): Vị tăng thời Nam triều. Đời gọi là hòa thượng Bảo công 寶公 hay Chí công 志公.

⁵³ Thập Nhị Thời Ca 十二時歌, Kỳ 12: “Vị liễu chi nhân thính nhất ngôn, Chỉ giả như kim thùy động khẩu.” (未了之人聽一言，只遮如今誰動口.)

⁵⁴ Khiếu Phật nhất thanh ứng nhất thanh, bản lai diện mục thái phân minh. 叫佛一聲應一聲，本來面目太分明.

⁵⁵ Thủy lưu nguyên tại hải, Nguyệt lạc bất ly thiên. 水流源在海，月落不離天. Hai câu này có trong phần Niệm tụng kệ, Khóa Hư Lục của Trần Thái Tông.

Người xưa nói: “*Theo Đạo thì bớt rồi lại bớt.*”⁵⁶ Hãy đi tĩnh tọa, ngày đêm phản chiếu, soi chiếu đầu lâu, thấu suốt năm uẩn, *chẳng đeo một mảy may*,⁵⁷ như ‘*trước khi cha mẹ chưa sinh,*’ tương tợ thiêu cháy một vật khiến phải cởi bỏ áo lót sát da. *Trở lại xét mà trách mình*⁵⁸, vắng lặng không có gì là ngã, tự nhiên về đến nhà.

Người xưa nói: “*Không phải không về nhà, vì nhà nghèo về không được. Hang núi sâu xa tối tăm, không ai đến được.*”⁵⁹

Người xưa nói: “*Năm ngoái nghèo chưa thật nghèo. Năm nay nghèo mới thật nghèo. Năm ngoái nghèo mà còn có mảnh đất cắm dùi. Năm nay nghèo đến nỗi không có dùi để cắm.*”⁶⁰ Nếu là như vậy, mới biết ‘*người không lười giỏi nói, người không tay hay nắm*’.⁶¹

⁵⁶ Đạo Đức Kinh, chương 48: “Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn. Tổn chi hựu tổn dĩ chí ư vô vi. Vô vi nhi vô bất vi.” (為學日益，為道日損。損之又損，至於無為。無為而無不為。Theo đuổi việc học thì ngày một biết thêm, đi theo Đạo thì ngày một bớt đi. Bớt rồi lại bớt cho đến mức vô vi. Vô vi nhưng không có gì không được làm.)

⁵⁷ Ti hào bất quái 絲毫不挂: Tâm tánh không nhiễm một mảy bụi nhơ. Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển 8 (Đại 51, 258 trung) ghi: Hòa thượng Nam tuyên hồi Đại phu Lục Hoàn rằng: Trong 12 thời Đại phu làm việc gì? Lục Hoàn đáp: Chẳng đeo một tắc tơ (寸絲不挂, thốn ti bất quái).

⁵⁸ Mạnh Tử nói: “Hành hữu bất đắc giả, giai phản cầu chư己. 其身正而天下歸之. Phạm làm việc gì mà có điều chẳng được như nguyện, đều nên trách lại ở mình; cái thân mình chánh, thì thiên hạ tự quy phục mình.

⁵⁹ Chưa có ý tưởng giải thoát mạnh mẽ nên không thực sự tu hành, dù biết hồi đầu vẫn còn ngại gian khổ, nên viện đủ lý do để không cất bước tiến tu.

⁶⁰ Bài kệ của thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn (香嚴智閑, 724-814): công án Hương Nghiêm vô chùy (香嚴無錘, Hương Nghiêm không có dùi)

⁶¹ Thiền sư Nghĩa Hoài Y Thiên (義懷天衣, 993-1064) ở trong thất hồi một vị Tăng: - Người không tay hay nắm, người không lười giỏi nói! Chợt người không tay đánh người không lười, người không lười nói cái gì? Sư tự đáp: - Chim quốc đêm liền kêu, Cửa viên thông mở rộng. Tú hú suốt đêm hót, Việc gì cách mây bùn.

Bát-nhã

Bát-nhã là Phạn ngữ, Hoa ngôn là *Trí tuệ*.

Đại khái là, con người phải có trí tuệ. Nếu không có trí tuệ, thì ‘*Chỉ biết mọi việc trôi qua trước mắt, chẳng hay cái già đã đến trên đầu.*’⁶² Người nào không tin lời nói này là ngoại đạo, dầu có thông minh nhưng không có trí tuệ. Nếu là người đại trí thì ‘*biết có sinh, bèn biết có chết*’, cho nên ngời xuống tham cứu: “*Sinh từ đâu đến? Chết đi về đâu?*” Người nào phát khởi ý niệm này thì có thể thân cận thiện tri thức, quyết trạch *pháp sinh tử*⁶³. Nếu không được như thế, chỉ cần tin lời này: “*Thế gian nắm không bỏ, Chỉ có nghiệp theo mình.*”⁶⁴

Kinh nói: “*Một người trở về chân nguyên thì mười phương hư không thấy đều tiêu mất.*”⁶⁵ Cần rõ một bước sau chót, hãy đem bài tụng của Long Nha mà quán sát kỹ lưỡng: “*Trước hãy học nghèo rồi học đạo, Học nghèo sau đó đạo mới*

⁶² Chỉ tri sự trực nhãn tiền quá, bất giác lão tùng đầu thượng lai. 只知事逐眼前過，不覺老從頭上來。 Hai câu thơ trong bài Cáo Tật Thị Chúng của thiền sư Mãn Giác (1052-1096) đã bỏ đi ‘chỉ tri’ và ‘bất giác’. Quy Sơn cảnh sách chú 滄山警策註, bản Vạn, tập 63, No. 1239, do thiền sư Thủ Toại (1072-1147) soạn, có viết: “Cổ vân, chỉ tri sự trực nhãn tiền quá, bất giác lão tùng đầu thượng lai.” Thiền sư Đại Điền Bảo Thông (?-819) ra đời trước hai ngài Mãn Giác và Thủ Toại, giả thiết là hai ngài đều biết Tâm Kinh Chú Giải và đã sử dụng đoạn văn trên: ngài Mãn Giác đưa vào bài thơ của mình, còn ngài Thủ Toại trích dẫn mà không nêu tên tác giả.

⁶³ Pháp sinh tử là Khổ đế và Tập đế.

⁶⁴ “Nhất nhật vô thường đáo, Phương tri mộng lý nhân, Vạn ban tương bất khứ, Duy hữu nghiệp tùy thân.” 一日無常到，方知夢裏人。萬般帶不去，唯有業隨身。 Một mai vô thường đến, Mới biết người trong mộng. Muôn việc mang không bỏ, Chỉ có nghiệp theo mình.”

⁶⁵ Câu này trong kinh Lăng Nghiêm, quyển 9, tr. 147b10. Kinh Lăng Nghiêm, quyển 4: “A-nan, nếu các căn của ông đều được giải thoát hoàn toàn, thì cái sáng suốt trong tâm tánh phát ra; và như thế, các phù trần căn và các tướng biến hoá trong thế gian sự vật đều tiêu mất, như băng giá gặp nước sôi, ngay đó, sự nhận thức của ông trở thành tri giác vô thường.” Quyển 6: “Thấy nghe như mắt nhắm, Ba cõi như không hoa, Nghe lại, mắt nhắm trừ, Trần tiêu, giác tròn sạch.”

*thân, Một mai thân được làm bản đạo, Đạo dụng thành người nghèo nhất đời.”*⁶⁶
Ngộ được như thế, ‘*Thế gian nắm không bỏ, Chỉ có một Không thân.*’⁶⁷ Đó là đại an lạc.

Hội chẳng? ‘*Buông tay đến nhà người không biết, Còn không một vật hiển tôn đường.*’⁶⁸

Ba-la

Ba-la là Phạn ngữ, Hoa ngôn là *Đáo bỉ ngạn*.

Người mê bị luân hồi chuyển đầy, người ngộ thì luân hồi không để ý. Muốn ‘đến bờ bên kia’, thì phải tự sinh trí tuệ, thí như người muốn qua sông mà con sông thì sâu, khó vượt qua, phải dùng đủ mọi phương tiện như cầu, đường, thuyền, xe, bè gỗ, sào tre, được sắp đặt để chuyên chở. Khi qua được sông sâu rồi, thì những phương tiện qua sông trở thành vô dụng. Kiến tánh, ngộ đạo cũng như vậy. Lại

⁶⁶ Long Nha Cư Độn (龍牙居遁, 835-923), thiền sư Trung Hoa, sống vào đời Đường. Sư là môn đệ đặc pháp của Thiền Sư Động Sơn Lương Giới, khai tổ tông Tào Động. Dưới sư có các môn đệ là Động Từ Tạng Từ, Thẩm Triết Hàm Châu. Kệ tụng: “Học đạo tiên tu thả học bản, Học bản bản hậu đạo phương thân, Nhất triêu thể đắc thành bản đạo, Đạo dụng hoàn như bản để nhân.” (學道先須且學貧, 學貧後道方親, 一朝體得成貧道, 道用還如貧底人.)

⁶⁷ Tam giới vô gia thù thị thân, Thập phương duy hữu nhất không thân, Thả tùy vân thủy bạn minh nguyệt, Đãn cầu hành xứ bất sinh trần. (三界無家誰是親, 十方唯有一空身, 且隨雲水伴明月, 但求行處不生塵. Ba cõi không nhà ai người thân, Mười phương chỉ có một không thân, Hãy theo mây nước bạn trăng sáng, Chỉ mong chỗ đi không vấy bụi.)

⁶⁸ Hai câu thơ của bài Hương Hoàn Khúc 鄉還曲, trong tác phẩm Thập Huyền Đàm 十玄談, của thiền sư Đồng An Thường Sát 同安常察: Vật ư trung lộ sự không vương, Sách trượng ứng tu đạt bản hương; Vân thủy cách thì quân mạc trú, Tuyết sơn thâm xứ ngã phi vong. Tầm tư khứ nhật nhan như ngọc, Ta thán lai thời tấn tự sương; Tát thủ đáo gia nhân bất thức, Cánh vô nhất vật hiển tôn đường. 勿於中路事空王, 策杖應須達本鄉; 雲水隔時君莫住, 雪山深處我非忘. 尋思去日顏如玉, 嗟歎來時鬢似霜; 撒手到家人不識, 更無一物獻尊堂. Chớ ở giữa đường thờ Không vương, Chống gậy phải về được bản hương; Mây nước cách trở anh đừng trú, Núi tuyết thâm sâu ta chẳng quên. Tìm kiếm ngày qua đẹp như ngọc, Than thờ ngày mai tóc điểm sương; Buông tay đến nhà người không biết, Còn không một vật hiển tôn đường.)

nữa, thí như người mù muốn chữa bệnh mà đường đi thì xa, không thể tự đi, phải nhờ người dắt, và phải có cây gậy trong tay. Không có hai điều kiện này thì không thể đi. Đến chỗ thầy thuốc rồi, được vị ấy chữa trị con mắt, liền thấy ánh sáng. Cây gậy và người dẫn dắt kia trở thành vô dụng. Con đường chân chánh để đón ngộ Niết-bàn cũng như vậy. Chưa được kiến tánh, ngộ đạo, thì phải dùng sự tu phước đức, vì phước đức tác động đến tâm linh, và phải mượn sự tọa thiền, hành đạo, đọc tụng Thánh giáo, khán thoại hạ ngữ⁶⁹, tất cả là phương tiện đón ngộ. Đủ thứ phương tiện từ trước là pháp hữu vi; dù chúng là vật không có chỗ dùng, nhưng lưu lại cho người sau xem. Người mắt sáng hay người qua sông thì đến đi tự tại, một phen qua là vĩnh viễn, một khi ngộ là vĩnh ngộ, không còn mê nữa. Được thỏ quên lưới, được cá quên nơm, được ý quên lời, làm một người an nhàn ngoài vật. Trong mười hai thời, chư Thánh quý thần muốn thấy cũng không có cách; chư Thánh hiền tìm dấu vết cũng không thể được. Đây là người đã đến bờ, nên nói *Ba-la*.

Hội chăng? ‘*Đến cùng cảnh diệu huyền, Trở về đi dưới trăng*.’⁷⁰

Mật-đa

Mật-đa là Phạn ngữ, nghĩa là *Vô cực*, cũng nói là *Cứu cánh*.

Một chữ ‘mật’, dụ cho thái hư ôm trọn vạn pháp. Thí như chủng loại cỏ thuốc có mùi vị không giống nhau, dùng mật ong dung hòa, để có chung một vị. Chư Phật thì tánh Không, có thể sung mãn cả pháp giới, ôm trọn tất cả chủng tánh dị loại, làm cho hợp vào chân nguyên, quay về nhất thể. ‘*Biết được một thì vạn sự*

⁶⁹ Khán thoại hạ ngữ 看話下語: Xem thoại buông lời. Thiền sư Tổ Tâm Hối Đường 祖心晦堂 (1025-1100) đi thẳng đến Hoàng Bá 黃檗. Vừa mới trải tọa cụ, Tuệ Nam 慧南 cười nói: Người vào thất của ta. Sư cũng thích thú vui mừng thưa: Việc lớn xưa nay như thế, Hòa thượng cần gì dạy người khán thoại hạ ngữ, trăm cách sưu tầm? Huệ Nam đáp: Nếu chẳng dạy ông tìm cứu như thế, đến chỗ không dụng tâm tự thấy tự nhận, là ta đã chôn vùi người vậy.

⁷⁰ Cập tận huyền vi diệu, Hồi trình nguyệt hạ hành. 及盡玄微妙, 回程月下行.

đều xong’⁷¹. Thế nào là một? “Đạo ta chỉ có một lẽ mà thông suốt tất cả.”⁷² Ngài Động Sơn nói: “Trong hai mươi năm ta muốn dung hợp thành một thể.”⁷³ Không thể đến được đây, mới biết Phật pháp bình đẳng, không có cao thấp, quay về nhất thể, không Phật để làm, không chúng sinh để độ, *nhất thể đồng quán*⁷⁴, nên gọi là *mật-đa*.

Thời

Thời, là thời gian của chánh kiến, mà không thấy gì cả; cũng không có quá khứ, vị lai và hiện tại; bình đẳng với hư không, trên không kính ngưỡng, dưới

⁷¹ Thức đắc nhất, vạn sự tất. 識得一，萬事畢. Trang Tử, Nam Hoa Kinh, chương Thiên Địa: “Thông ư nhất nhi vạn sự tất.” 通於一而萬事畢.

⁷² Luận ngữ: “Tử viết: Sâm hồ, ngô đạo nhất dĩ quán chi.” (子曰，參乎，吾道一以貫之. Khổng Tử nói: Này Tăng Sâm, đạo của ta chỉ có một lẽ mà thông suốt hết tất cả.)

⁷³ Đả thành nhất phiến 打成一片: Dung hợp vào một thể duy nhất. Tiếng dùng trong Thiền lâm. Tức là loại bỏ tất cả sự tính toán, suy lường, so đo, phân biệt mà đem dung hợp các sự vật thiên sai vạn biệt vào làm một, dứt hết vọng tưởng phân biệt, mình người, đây kia, chủ khách, v.v... Thiền tông thường dùng từ ngữ này để biểu thị sự dứt bất quan niệm nhị nguyên đối lập, hoặc dung hợp những hiện tượng sai biệt. Phần bình tụng của tắc 6 trong Bích nham lục (Đại 48, 146 hạ), nói: “Dài ngắn tốt xấu, dung hợp làm một (đả thành nhất phiến), mỗi mỗi nêu ra, không còn kiến giải sai khác.” Phần bình tụng tắc 17 trong Bích nham lục (Đại 48, 157 trung) chép: “Hương lâm từng nói: Trong 40 năm ta mới dung hợp thành một thể.” Phần bình của tắc 1 trong Vô môn quan (Đại 48, 293 thượng), nói: “Lâu ngày nhuần nhuyễn, tự nhiên trong ngoài dung hợp làm một, như người nằm mộng, chỉ mình tự biết mà thôi.”

⁷⁴ Tâm, Phật và chúng sinh tuy ba mà vẫn đồng một thể. Kinh Kim Cương, đoạn 18, Nhất Thể Đồng Quán: “Này Tu-bồ-đề, tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được.”

không tôn trọng,⁷⁵ giai vị viên đốn, thấy đều bất khả đắc, ‘*thâm áo lại càng thâm áo*’,⁷⁶ bình đẳng không có hai, cùng về *nhất thời*.

Chiếu kiến ngũ uẩn giai Không

Ngũ uẩn, là sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Do chấp sắc thân năm uẩn ấy là hữu ngã, cho nên nhiều kiếp luân hồi. Đời này có được thân người, nương thân ấy tu hành, thường tự phản chiếu, soi thấy năm uẩn lỗng sạch, thanh tịnh bản nhiên, sạch sành sanh trần trụi trụi,⁷⁷ tay chẳng nắm gì. Bốn đại, năm uẩn, danh tự đều bất khả đắc. Người xưa đạt đến đây, gọi là pháp ‘uẩn không’.

Vua nước Kế Tân đến hỏi tôn giả Sư Tử: “*Thầy làm gì ở đây?*” Tôn giả đáp: “*Tôi ở đây làm uẩn không.*” Vua hỏi: “*Thầy được pháp uẩn không chưa?*” Tôn giả đáp: “*Đã được pháp uẩn không.*” Vua hỏi: “*Xin thầy cái đầu được không?*” Tôn giả đáp: “*Thân chẳng phải của tôi, huống nữa là đầu.*”⁷⁸

⁷⁵ Thượng vô phan ngưỡng, hạ tuyệt kỷ cung 上無攀仰, 下絕己躬: Trên không thấy có Phật, dưới không thấy có chúng sinh.

⁷⁶ Đạo đức kinh: “Huyền chi hữu huyền, chúng diệu chi môn.” (玄之又玄, 眾妙之門. Thâm áo lại càng thâm áo, cửa của các mầu nhiệm).” Lão Tử còn cho ‘huyền chi hữu huyền’ là đạo 道; tư tưởng này sau đó trở thành học thuyết của Đạo gia.

⁷⁷ Tịnh lỏa lỏa, xích sái sái 淨裸裸, 赤灑灑: Tịnh lỏa lỏa, cũng gọi Xích lỏa lỏa, Xích sái sái. Tiếng dưng trong thiền lâm. Sạch sẽ, trần trụi. Từ ngữ chỉ cho trạng thái buông bỏ mọi việc, thân tâm rỗng rang, thiên chân ngời sáng, không dính mắc mây may tình trần. Cũng có nghĩa là toàn chân hiển lộ, thoát thể hiện thành, hiện thành công án. Thung dung lục 從容錄, tấc 31 (Đại 48, 348 thượng) nói: “Một luồng ánh sáng thần diệu (trên chống trời, dưới chọi đất), ngay từ đầu, không che giấu (sạch sẽ, trần trụi), vượt khỏi cái thấy tầm thường, phải mà chẳng phải. [一道神光 (上柱天, 下柱地), 初不覆藏 (淨裸裸, 赤灑灑); 超見緣也, 是而無是.]”

⁷⁸ “Vua liền chặt đầu tôn giả Sư Tử rơi xuống đất, nơi cổ phun lên giọt sữa trắng cao chừng một trượng. Cánh tay mặt của vua Di-la-quật (彌羅掘) cũng đứt lìa. Bảy ngày sau vua băng hà.” Duyên nghiệp sát hại này là: Trong nước Kế Tân có hai người ngoại đạo giỏi pháp huyền thuật mưu đồ ám sát nhà vua. Nhưng còn ngại bại lộ cơ mưu, nên chúng đổi hình Tỳ kheo đi làm việc gian ác ấy. Quả nhiên bị quân quan bắt được. Vua Di-la-quật hay việc này nổi cơn phẫn nộ, ra lệnh triệt hạ chùa chiền, bắt nốt Tăng chúng. Vua

Có vị Tăng hỏi hòa thượng Sầm⁷⁹: “*Khi hai con chuột cắn dây leo*⁸⁰, làm sao loại bỏ?” Sầm đáp: “*Nay làm người cần có chỗ ẩn thân mới được.*” Tăng hỏi: “*Thế nào là chỗ ẩn thân?*” Sầm đáp: “*Đạo là trở về gặp gia nô, có phải không?*”

Pháp sư Tăng Triệu nói: “*Đưa đầu kề dao nhọn, Cũng như chém gió xuân.*”⁸¹

Tôn giả Xá-lợi-phất gặp thiên nữ, hỏi: “*Tại sao thiên nữ không chuyển nữ thân?*” Thiên nữ thưa: “*Mười hai năm nay con tìm tướng nữ nhân mà không được, ngài dạy con chuyển cái gì?*”⁸²

Các bậc Tổ sư đạt đến điền địa này đều được cái pháp ‘uẩn không’.

Hòa thượng Kính Thanh⁸³ trú trong viện được ba năm, thổ địa ở bản viện muốn thấy dung nhan của Sư mà không được.

trách: - Lâu nay ta sùng kính Phật giáo, quý trọng Tỳ kheo, mà nay họ lại manh tâm sát hại ta, vậy còn đạo đức chỗ nào? Bởi sự tức giận ấy, nhà vua đích thân cầm gươm đến chỗ tôn giả Sư Tử để hỏi tội. Tôn giả Sư Tử là Tổ thứ 24 của Thiền tông Tây Thiên.

⁷⁹ Viên Cực Sầm Hòa thượng 圓極岑和尚: Viên Cực Ngạn 圓極彦, Sầm thiền sư 岑禪師, chùa Ẩn Tĩnh 隱靜, châu Thái Bình, đời Tống, pháp tự của Vân Cư Pháp Như thiền sư 雲居法如禪師, đời thứ 16 phái Nam Nhạc.

⁸⁰ Nhị thử xâm đẳng 二鼠侵藤: Hai con chuột cắn dây leo, ví dụ mệnh người vô thường. Hai con chuột ví dụ ngày đêm (thời gian), dây leo ví dụ sinh mệnh. Ngày đêm nối nhau, năm tháng trôi chảy, sống chết chỉ trong nháy mắt, ví như 2 con chuột đen, trắng tranh nhau cắn sợi dây leo.

⁸¹ Pháp sư Tăng Triệu 僧肇 (384-414), một thiền gia đời Đông Tấn, trước khi bị lâm hình chém đầu, Ngài nói bài kệ rằng: “*Tứ đại vốn không, Ngũ ấm nguyên vô ngã; Tương đầu lâm bạch nhận, Do như trăm xuân phong.*” (四大元無主, 五陰本來空; 將頭臨白刃, 猶似斬春風. Bốn đại vốn là không, Năm ấm không thật ngã, Đưa đầu kề dao nhọn, Cũng như chém gió xuân.)

⁸² Kinh Duy Ma Cật, phẩm Quan Sát Chúng Sinh.

⁸³ Kính Thanh hòa thượng 鏡清和尚 (868-937): Sư họ Trần, người Vĩnh Gia, Ôn Châu, tỉnh Triết Giang. Sư xuất gia từ lúc còn nhỏ, rồi đến Mân Châu tham yết Tuyết Phong Nghĩa Tồn 雪峰義存, và kế thừa dòng pháp của vị này. Sau sư đến trú tại chùa Kính Thanh, rồi chùa Thiên Long, cũng như chùa Long Sách ở Hàng Châu. Sư thị tịch vào năm thứ 2, niên hiệu Thiên Phước, đời vua Cao Tổ nhà Hậu Tần, và được ban cho thụy hiệu là Thuận Đức Đại Sư 順德大師.

Hòa thượng Hoằng Giác⁸⁴ cư trú nơi am, thiên thần ở *Bếp trời* thường hiến cúng thức ăn. Thiền sư Động Sơn biết chuyện, cho gọi sư lại dạy bảo. Sư trở về am ngồi yên lặng lẽ. Thiên thần tìm Sư mãi không thấy, trải ba ngày như thế mới thôi. Am chủ vẫn ở trong am, vì sao không thấy? Hãy tham cứu! Các bậc Tổ sư đều đắc pháp ‘viên đốn’, ngay đây thấu suốt hết thấy, vượt qua gai góc. “*Chính trong vạn tượng hiện toàn thân, Chỉ người tự nhận mới là gần.*”⁸⁵ Đạt đến điền địa này thì tự

⁸⁴ Vân Cư Đạo Ứng (雲居道膺, 835?-902), thiền sư Trung Hoa, sống vào đời Hậu Đường, một trong các môn đệ nổi pháp xuất sắc nhất của Thiền Sư Động Sơn Lương Giới - khai tổ tông Tào Động, sư cũng được coi là tổ sư thứ 2 của tông này, cùng với thiền sư Tào Sơn Bản Tịch. Pháp mạch truyền thừa Tào Động Chính Tông sau này đều nhờ các thế hệ môn đệ của thiền sư Vân Cư Đạo Ứng chính yếu thủ trì mà được trường tồn không bị thất truyền, còn pháp mạch của Thiền Sư Tào Sơn Bản Tịch chỉ truyền qua 5 đời rồi mất dấu hắt. Sư có pháp tử là thiền sư Đồng An Đạo Phi. Sống ở Vân Cư được 30 năm, đến ngày mùng 3 tháng giêng năm thứ 2 (902) niên hiệu Thiên Phúc, sư thị tịch, được ban cho thụy là Hoằng Giác Thiền Sư (弘覺禪師), tháp tên là Viên Tịch.

⁸⁵ Trường Khánh Huệ Lăng 長慶慧稜 (854-932), thiền sư Trung Hoa, nổi pháp Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Sư họ Tôn, quê ở Diêm Quan, Hàng Châu. Năm 13 tuổi, sư xuất gia thụ giới tại chùa Thông Huyền, Tô Châu và sau đó đi tham vấn nhiều thiền sư. Sau sư đến Tuyết Phong và ở lại đây. Mặc dù nhiều lần đến Tuyết Phong độc tham nhưng sư vẫn không ngộ nhập. Tương truyền sư ngồi rách bảy cái bồ đoàn mà vẫn không hội. Tuyết Phong bảo sẽ giao cho sư một ‘thang thuốc dành cho một con ngựa chết’, nếu sư chấp nhận, và khuyên sư từ nay không nên đến độc tham nữa, cứ tọa thiền im lặng nhiều năm ‘như một cột trụ trong lửa’, sau sẽ tự ngộ. Một đêm, sau đó khoảng hơn hai năm thực hiện lời dạy này, bỗng nhiên tâm sư náo động. Sư không ngồi yên được và đứng dậy đi dạo trong vườn. Khi trở về, sư cuốn rèm tre lên thấy ngọn đèn leo lét bỗng nhiên đại ngộ. Sư liền làm bài kệ: Dã đại sai hĩ dã đại sai hĩ, Quyện khởi liêm lai kiến thiên hạ, Hữu nhân vấn ngã thị hà tông, Niêm khởi phất tử phách khẩu đả. (也大差矣也大差矣, 捲起簾來見天下, 有人問我解何宗, 拈起拂子劈口打. Rất sai cũng rất sai, Vừa cuốn rèm lên thấy thiên hạ, Có người hỏi ta là tông gì, Cầm cây phất tử nhằm miệng đánh.) Thiền sư Huyền Sa không tin, cho rằng bài kệ này do thần thức làm và muốn thử lại. Sư bèn trình bài kệ thứ hai rất nổi tiếng: Vạn tượng chi trung độc lộ thân, Duy nhân tự khẳng nãi vi thân, Tích thời mậu hướng đồ trung mịch, Kim nhật khán như hỏa裹氷. (萬象之中獨露身, 唯人自肯乃爲親, 昔時謬向塗中覓, 今日看如火裹氷. Chính trong vạn tượng hiện toàn thân, Chỉ người tự nhận mới là gần, Thuở xưa lầm nhầm ngoài đường kiếm, Ngày nay xem lại băng trong lò.) Tuyết Phong nghe kệ nhìn Huyền Sa bảo: “Không thể do ý thức làm ra.” Sau, sư hỏi Tuyết Phong: “Một đường từ trước chư Thánh truyền trao thỉnh thầy chỉ dạy.” Tuyết Phong lặng thinh. sư lễ bái rồi lui. Tuyết Phong mỉm cười thầm ẩn khả. Sư ở Tuyết Phong 29 năm, sau đó nhận lời mời của Thích sử

nhiên ngưng dứt, tự nhiên buông bỏ, như một điểm tuyết bên cạnh lò lửa, một hồi lâu hỏi: Hội chăng?

‘Chỉ thấy sáu rồng cùng nhảy múa, Ai biết phượng hoàng vào bầu trời.’⁸⁶

Độ nhất thiết khổ ách

Không thấy được ‘*ngũ uẩn Không*’, vẫn y như cũ, thì đọa lạc cõi sinh tử; đã đọa lạc cõi sinh tử, thì nhận chịu cái khổ luân hồi.

Lão tử nói: “*Ta có họa lớn là vì ta có thân; có thân đều là khổ.*”⁸⁷

Kinh [Pháp Hoa] nói: “*Ba cõi không yên, Giống như nhà lửa.*” Thống khổ tràn ngập, thực rất khiếp sợ. Nếu muốn không khổ, phải trở về phản chiếu chính mình, soi thấu đầu lâu xưa nay thanh tịnh, phải là tự thấy ‘*bản lai diện không*’⁸⁸. Muốn thấy ‘*bản lai diện không*’ ư? “*Xưa nay vốn không mất, Rõ ràng trước mắt mình.*”⁸⁹

Hội chăng? ‘*Ngẩng đầu chim cắt đã qua Tân La.*’⁹⁰

Huyền Châu là Vương Diên Bân đến trụ trì tại Chiêu Khánh. Chẳng bao lâu, Sư lại nhận lời đến Tây Viện, phủ Trường Lạc, để hiệu là Trường Khánh. Sư dạy chúng: “Nếu ta thuần nêu xướng tông thừa thì nên đóng kín cửa pháp đường bởi do ‘Tốt pháp thì không dân.’” Một vị tăng hỏi: “Chẳng sợ không dân, thỉnh thầy tốt pháp.” Sư bảo: “Lại bỏ rơi chỗ nào?” Sư hoằng hoá 27 năm, môn đệ có đến 1500 người, môn phong của Tuyết Phong cao vút. Đến đời Hậu Đường niên hiệu Trường Hưng năm thứ ba (932), ngày 17 tháng năm, Sư viên tịch, thọ 79 tuổi, 60 tuổi hạ.

⁸⁶ Sáu rồng chỉ cho sáu thức. Phượng hoàng chỉ cho nhất tâm của hành giả. Kinh Tứ Thập Nhị Chương, bài 42: “Coi cái trò phải trái như sáu con rồng cùng múa.” (視倒正者如六龍舞)

⁸⁷ Đạo Đức Kinh, chương 13: “Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vị ngô hữu thân, cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn?” (吾所以有大患者，為吾有身，及吾無身，吾有何患？ Sở dĩ ta có hoạn lớn là vì ta có thân; nếu ta không có thân, thì ta có hoạn gì?)

⁸⁸ Bản lai diện không 本來面目: mặt mũi xưa nay. Bản lai diện mục 本來面目: Mặt mắt xưa nay.

⁸⁹ Thiền ngữ: Kim cổ ứng vô trụ, Phân minh tại mục tiền. 今古應無墜，分明在目前。

⁹⁰ Điêu tử quá Tân La 鶴子過新羅: Chỉ cho thiền cơ chớp nhoáng đã qua đi xa lơ xa lắc. Thường dùng khi ứng cơ đối cơ, chỉ rõ đối phương đã vượt mất thiền cơ, Lời nói ngụ ý chê bai. Bích Nham Lục, Tắc 1: “Vân

Xá lợi tử

Xá, là tách rời. *Lợi tử*, là ông chủ trong nhà. Cái thân tứ đại, ngũ uẩn như là quán trọ, ông chủ chỉ tạm trú. Khi ông chủ rời đi, nhà cửa liền sụp đổ, hư hoại; ông chủ thường tồn tại.

Thiền sư Dược Sơn nói: “*Da mỏng da dày đều rớt sạch, chỉ có một chân thật.*”⁹¹ Lại nói: “*Đại thiên đều hoại, cái này không hoại.*”⁹² Có ai biết vật gì? “*Một mình siêu ba cõi, Hết luyến cảnh Ta bà.*”⁹³

Sắc bất dị Không

Lấy tâm quán cảnh, trên cảnh có Không; thấy sắc liền thấy Không, tâm tức là Không. Chúng sinh và pháp tánh chỉ ở trước mắt. Thích ứng chúng sinh mà biểu hiện mọi hình thái: dài thì hiện hình dài, ngắn thì hiện hình ngắn, khối vuông thì không gian khối vuông, khối tròn thì không gian khối tròn, trắng thì không gian trắng, vàng thì không gian vàng, nhỏ thì không gian nhỏ, lớn thì không gian lớn, xa

Môn nói: Như chơi đá nháng lửa, như làn điện chớp. Cái này không rơi vào tâm cơ, ý thức, tình tưởng, đợi ông mở miệng kham làm gì? Khi khởi so sánh thì chim diều đã bay đến Tân La.” (云門道: 如擊石火, 似閃電光. 這個些子, 不落心機意識情想, 等爾開口, 堪作什麼? 計較生時, 鶴子過新羅.) Tân La: chỉ cho nước Triều Tiên ngày xưa.

⁹¹ Một hôm thiền sư Đạo Nhất hỏi: - Ngày gần đây chỗ thấy của người thế nào? Ngài Dược Sơn thưa: - Da mỏng da dày đều rớt sạch, chỉ có một chân thật. Thiền sư Đạo Nhất bảo: - Sở đắc của người đã hợp với tâm thể, khắp hết tứ chi. Đã được như thế, nên đem ba cột tre cột da bụng, tùy chỗ ở núi đi.

⁹² Có vị tăng hỏi Đại Tùy: - Kiếp hỏa cháy rực, đại thiên đều hoại, chưa biết cái này hoại, chẳng hoại? Đại Tùy đáp: - Hoại. Tăng hỏi: - Thế thì theo kia đi. Đại Tùy đáp: - Theo kia đi. Vị tăng mang nghi vấn thẳng đến núi Đầu Tử ở Thợ Châu, Đầu Tử hỏi: - Vừa rời chỗ nào? Tăng thưa: - Núi Đại Tùy ở Tây Thục. Đầu Tử hỏi: - Đại Tùy có ngôn cú gì? Tăng liền nhắc lại lời hỏi trước. Đầu Tử thắp hương lễ bái nói: - Tây Thục có Cổ Phật ra đời, ông nên trở lại mau. Vị Tăng trở về đến Đại Tùy, thì Đại Tùy đã tịch.

⁹³ Thiếu Thất Lục Môn, Tâm Kinh Tụng: “Độc siêu tam giới ngoại, Cảnh bất luyến Ta bà.” 獨超 三界外, 更不戀娑婆.

thì không gian xa, gần thì không gian gần. Soi xét lại chính mình, thấy thân ấy là sắc, thấy sắc ấy tức là Không, ứng hiện đủ loại hình tướng. Đủ loại hình tướng tức là Không, “*Không thân huyễn hóa tức pháp thân, Pháp thân giác rồi không một vật, Bản nguyên tự tánh thiên chân Phật.*”⁹⁴

Ngài Bảo Công nói: “*Trong thân hữu tướng là thân vô tướng.*”⁹⁵

Hội chẳng? “*Mưa rửa nhật đào hồng nhụy mơn, Gió đùa bớt biếc liễu tơ bay.*”⁹⁶

Không bắt dị sắc

Sắc và Không một loại, phạm phu thấy hai thứ. Chư Phật và Bồ-tát thường hành *bình đẳng trí*, không sinh sự phân biệt về các tướng. Ba đời chư Phật, Bồ-tát cũng là Không; Hai mươi tám Tổ [thiền tông Ấn Độ] và sáu đời Tổ sư [thiền tông Trung Hoa] cũng là Không; tứ Thánh lục phạm cũng là Không. Trên đến chư Phật, dưới đến con dế, mỗi tự thể xưa nay toàn là Không, chỉ vì chúng sinh chấp trước nên không biết [các pháp] là Không. Đánh mất mình, chạy theo cảnh; theo cảnh thì lưu chuyển, không thể quay về nhất tâm. Theo căn cơ mà thấy khác, có sắc có Không, rơi vào nhị kiến. Một người đối với các pháp mà rốt ráo biết Không, thân tâm bình đẳng, nội ngoại không khác, không thấy Không sắc, không bị cảnh chuyển, bình đẳng pháp giới, làm sao có nhị kiến?

⁹⁴ Chứng Đạo Ca: Huyễn hóa không thân tức pháp thân, Pháp thân giác liễu vô nhất vật, Bản nguyên tự tánh thiên chân Phật. 幻化空身即法身, 法身覺了無一物, 本源自性天真佛.

⁹⁵ Thập Nhị Thời Tụng: Hữu tướng thân trung vô tướng thân.” 有相身中無相身.

⁹⁶ Thiền sư Bảo Phong Duy Chiếu (寶峰惟照, 1084-1128): “Vũ tẩy đạm hồng đào ngạc nộn, Phong xuy thiển bích liễu ti khinh; Bạch vân ảnh lý quái thạch lộ, Lục thủy quang trung khô mộc thanh.” (雨洗淡紅桃萼嫩, 風搖淺碧柳絲輕; 白雲影裡怪石露, 綠水光中古木清. (Mưa rửa nhật hồng đào nhụy mơn, Gió đùa bớt biếc liễu tơ bay; Dưới bóng mây trắng đá lạ hiện, Trong ánh nước trong cây khô xanh.) Hai câu đầu ngài Duy Chiếu trích từ Tâm Kinh Chú Giải.

Hội chẳng? ‘*Chẳng thấy một pháp tức Như Lai, Mới được gọi là Quán Tự Tại.*’⁹⁷

Sắc tức thị Không

Mắt là sắc không thể thấy, chỉ là chân không thấy được. Tai là sắc không thể nghe, chỉ là chân không nghe được. Mũi là sắc không thể ngửi, chỉ là chân không ngửi được. Lưỡi là sắc không thể nói, chỉ là chân không nói được. Thân là sắc không thể xúc biết, chỉ là chân không xúc biết được. Chân là sắc không thể đi, chỉ là chân không đi được. Tay là sắc không thể cầm nắm, chỉ là chân không cầm nắm được. Không mắt thấy được, không tai nghe được, không mũi ngửi được, không lưỡi nói được, không chân đi được, không tay cầm nắm được. Ý căn⁹⁸ có tên, không hình, chia làm tám vạn bốn ngàn [sắc thái tự ngã]. Thấy, nghe, hay, biết đều thuộc sáu căn⁹⁹, biến đổi thân hình, thần thông diệu dụng.

Người xưa nói: “*Hiểu được toàn thân ấy, hóa thân ấy đều là sắc tức là Không, Không tức là sắc, sắc Không chẳng khác, chân Không diệu lý.*” Sở dĩ nói: Sắc là sắc, chẳng phải chân sắc; Không là Không, chẳng phải chân Không. Chung

⁹⁷ Chứng Đạo Ca: “Bất kiến nhất pháp tức Như Lai, Phương đắc danh vi Quán Tự Tại.” 不見一法即如來，方得名爲觀自在。

⁹⁸ Ý căn là Mạt-na thức, là ý thức tự ngã. Chính ý thức tự ngã này mà làm cho tâm thức tạp nhiễm làm nhân cho khổ (và vừa là bản thân của khổ), rồi ý thức tự ngã này chuyển đổi đi thì chính nó làm cho tâm thức thanh tịnh. Đức Phật không xác định ý căn nằm ở đâu, mà chỉ nói ‘y cứ trên sắc pháp này’ (Yamrūpamniṣṣāya) mà tâm khởi sanh, chứ không xác định trú căn ấy là ở tim hay ở não bộ. ‘Y cứ trên sắc pháp này’ là tánh y tha khởi của các pháp, qua đó, quán chiếu tánh y tha của vạn sự, vạn vật thì có thể chuyển vô minh thành tuệ giác. Quán chiếu tánh y tha khởi của các pháp qua 4 hành tướng vô thường, khổ, không, vô ngã, qua đó cho thấy y tha là tổng thể của biến kế và viên thành (của nhiễm và tịnh).

⁹⁹ Kiến, văn, giác, tri: Cái biết của 6 thức: kiến là nhãn, văn là nhĩ, giác là 3 thứ tỷ, thiệt và thân, tri là ý. Ba thức nhãn, nhĩ là ý được khai ra 3 là vì giúp rất nhiều cho bồ đề phần, lại biết cả thế gian và xuất thế gian. Ba thức còn lại, tỷ, thiệt và thân không bằng 3 thức trên nên hợp làm một.

quy là Đại Không, Cứu cánh Không, Tự tánh Không, Bản tánh Không, Không Không, Bất khả đắc Không.¹⁰⁰ Hai mươi Không môn vốn chẳng có, chỉ nói đạt đến

¹⁰⁰ Mười bảy không: Nhất thiết pháp không, tướng không, vô tế không, nội không, vô sở đắc không, ngoại không, nội ngoại không, bản tánh không, đại không, hữu vi không, tất cánh không, vô tánh không, vô tánh tự tánh không, Thắng nghĩa không, vô vi không, vô biến dị không, không không. Kinh Giải thâm mật, quyển 3, phẩm Phân biệt Du-già, thứ 6, nói đến 17 cái Không có thể trừ khử 10 tướng: “Bạch đức Thế tôn, để trừ khử các tướng nên các vị Bồ tát biết pháp tướng nghĩa tướng phải nỗ lực tu tập phương cách trừ khử, vậy có bao nhiêu cái tướng khó trừ khử? Và cái gì trừ khử được? Thiện nam tử, cái tướng có mười thứ, và cái Không có thể trừ khử. Mười thứ ấy là những gì? Một là biết pháp biết nghĩa thì có cái tướng văn từ, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi các pháp không [nhất thiết pháp không]. Hai là biết chân như nơi sự an lập thì có cái tướng sinh trụ diệt và cái tướng liên tục chuyển biến, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi tướng không và vô tiền hậu không [= vô tế không]. Ba là biết nghĩa năng thủ thì có cái tướng luyến tiếc thân thể và cái tướng ngã mạn, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi nội không và vô sở đắc không. Bốn là biết nghĩa sở thủ thì có cái tướng luyến tiếc tài sản, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi ngoại không. Năm là biết nghĩa hưởng dụng, trong đó có trai gái phục dịch và đồ dùng thích hợp, thì có cái tướng trong thấy thích thú và cái tướng ngoài thấy tốt đẹp, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi nội ngoại không và bản tánh không. Sáu là biết nghĩa dụng nên thì có cái tướng thế giới bao la, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi đại không. Bảy là biết không hình sắc thì có cái tướng bên trong vắng lặng giải thoát, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi hữu vi không. Tám là biết chân như nơi các tướng thì có các tướng nhân vô ngã, tướng pháp vô ngã, tướng duy thức và tướng Thắng nghĩa, bốn cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi cứu cánh không [tất cánh không], vô tánh không, vô tánh tự tánh không và Thắng nghĩa không. Chín là biết chân như nơi sự thanh tịnh thì có cái tướng vô vi và cái tướng không biến dịch, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi vô vi không và vô biến dị không. Mười là chính sự tác ý tư duy về cái không để đối trị các cái tướng nói trên thì có cái tướng không, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi không không.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

Mười tám không: nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thủy không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Hai mươi không: nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, Thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán không, vô biến dị không, bản tánh không, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không. [Đại Bát-nhã, quyển 51, tr. 290c17]

Không ấy, tương tự cái gì? ‘*Thường nhớ Giang Nam trong tháng ba, Đa đa hót giữa vườn trăm hoa.*’¹⁰¹

Không tức thị sắc

Chư Phật, Bồ-tát thấy thế giới ở mười phương chỉ là thế giới ‘nhất Không’, bình đẳng không hai. Chúng sinh hữu tình phân biệt chấp trước thì thấy đủ loại sắc tướng, theo thanh theo sắc, xuất thai nhập thai, không có hiểu biết. Thánh hiền không thấy có sắc có Không, không phân biệt trong ngoài, các pháp xưa nay thường tự vắng lặng, ánh sáng thường chiếu, biến khắp vô số thế giới. Bởi thế hai chữ ‘sắc - Không’ đều là bất khả đắc.

Hội chăng? ‘*Cũng chẳng Không, cũng chẳng sắc, Bồ Đại Hòa thượng gặp Thập Đắc.*’¹⁰²

¹⁰¹ Thường ức Giang Nam tam nguyệt lý, Chá cô đề xứ bách hoa tân. 常憶江南三月裏，鷓鴣啼處百花新。

¹⁰² Ở chùa Quốc Thanh, núi Thiên Thai có vị tăng Phong Can đồn củi, gánh nước, giã gạo để chúng tăng dùng, thường rong chơi với Hàn Sơn. Hồi trước Phong Can đi ngang Xích Thành, nghe tiếng con nít khóc ở trong bụi cỏ, ông đến xem, thấy đứa bé chừng hơn 10 tuổi, hỏi nó ở đâu thì nó chẳng nói gì, trong lòng lấy làm lạ, ông bèn dẫn đứa bé về chùa sai nó quét dọn. Do nhặt được ngoài đồng, nên ông đặt tên thằng bé là Thập Đắc. Lớn lên Thập Đắc tu khổ hạnh đầu-đà, phong cách lạnh lợi xuất chúng. Phong Can, Hàn Sơn rất khâm phục ông, thường cùng ông ngao du. Ba người rất tương đắc. Tăng chúng trong chùa lấy làm lạ, ai nấy đều nghi nghi trong lòng mà chẳng biết vì sao.

Trong lời dẫn của tập Hàn Sơn thi, Lưu Khâu Dận - một vị quan mộ đạo tại Đài Châu - có ghi lại chút ít về Hàn Sơn và Thập Đắc. Khi được Phong Can chữa khỏi bệnh, ông hỏi: "Vùng này có vị nào mà tôi có thể theo học được chăng?" Phong Can đáp: "Ai nhìn họ thì không nhận ra, ai mà nhận ra họ thì không cần nhìn. Nếu ông muốn yết kiến thì không nên tin vào cặp mắt thịt - và sẽ nhận ra họ. Hàn Sơn là Văn Thù, ẩn cư trên chùa Quốc Thanh, Thập Đắc là Phổ Hiền, trông giống như một gã ăn xin, phong cách như cuồng ..."

Nghe như vậy, Lưu Khâu liền đến chùa Quốc Thanh tìm hai vị. Vừa thấy mặt, ông làm lễ cung kính. Việc này làm các vị sư trong chùa ngạc nhiên, hỏi: "Đại nhân sao lại lễ các gã ăn xin này?" Hàn Sơn và Thập Đắc liền cười to và nói: "Phong Can này lắm chuyện, đáng bị quả phạt vụ này." Cả hai chạy trốn thật nhanh, không ai theo kịp. Khi Lưu Khâu đến tìm cúng dường lần nữa thì gặp Hàn Sơn và Hàn Sơn thấy

Thọ, tướng, hành, thức

Do có mắt mà cảm thọ về sắc. Do có sắc mà cảm thọ về tướng. Do có tướng mà cảm thọ về hành. Do có hành mà cảm thọ về thức. Do có thức mà có sáu căn. Do có sáu căn mà có sáu trần. Do có sáu trần mà có sáu thức. Do có sáu thức mà cộng thành mười tám giới. Do có mười tám giới mà có bốn đại, năm uẩn, bèn khởi sáu mươi hai kiến, bèn khởi tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt. Theo thanh đuổi sắc, lang thang sinh tử, trọn không ngừng nghỉ. Muốn sinh tử dứt, luân hồi ngưng, thì bắt đầu từ ‘một căn chiếu phá’, khiến cho bốn đại, năm uẩn rũ sạch, vắng lặng vô ngã, lập tức Không tịch, trực hạ thừa đương¹⁰³: ‘*Trước thời kỳ Không kiếp mình là ai?*’¹⁰⁴, tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch, tịch không chỗ tịch, chỉ thấy về Không, Không không chỗ Không, tám vạn bốn ngàn trần lao vọng tướng nhất thời dứt ngay. Bây giờ, người cũng Không, pháp cũng Không, hai tướng xưa nay đồng.

Hội chăng? ‘*Trong ngôi Phật Tổ lưu chẳng trú, Đêm về như cũ ngủ bụi lau.*’¹⁰⁵

Diệt phục như thị

ông liền la lớn: "Các người hãy cố gắng!" Nói xong, ông lui vào một hang đá không bao giờ trở ra nữa, Thập Đắc cũng mất tích luôn. Vị tăng Phong Can là hóa thân của bồ tát Di Lặc.

¹⁰³ Trực hạ thừa đương 直下承當: trực tiếp đối mặt, ngay đó gánh lấy.

¹⁰⁴ Không kiếp dĩ tiền tự kỷ. 空劫以前自己.

¹⁰⁵ Chánh văn: Phật Tổ vị trung lưu bất trú, Dạ lai y cựu túc lô hoa. Vua Trần Thái Tông có kệ tụng: “Hương tiền công án một thiên phá, Đối diện khán khán tăng dã ma, Phật pháp vị trung lưu bất trú, Dạ lai y cựu túc lô hoa.” (向前公案沒偏頗, 對面看看曾也麼, 佛法位中留不住, 夜來依舊宿蘆花. Hương đến công án không thiên lệch, Đối mặt nhìn xem từng gặp rồi, Trong nhà Phật pháp lưu không trú, Đêm về như cũ ngủ bụi lau.)

Vốn là vô ngã nên vạn pháp đều không có, đều về nơi Không, gọi rằng ‘*vạn pháp quy nhất*’, không rơi đệ nhị kiến. Đạt đến đây thì, đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, động niệm tức trái, an bài liền sai. Bồ-tát Văn Thù và cư sĩ Tịnh Danh đối đàm về bất nhị. Thế nào là bất nhị? *Không được lay động, lay động thì ăn ba mươi gậy!*¹⁰⁶

Hội chăng? ‘*Trăm lưỡi chưa ngừng hót trên cành, Phượng hoàng sao chịu cùng chung đậu.*’

Xá lợi tử

Các lậu đã hết, đã về tịch diệt, cầu thoát ba cõi, trời đất không thể trói buộc, vượt xa ngoài pháp giới, tự tại liền không lo, gọi là *Xá lợi tử*. Trước đã giải thích.

Thị chư pháp Không tướng

Chư Phật đàm Không nhất vị, còn chúng sinh là Không, gánh chịu mà chẳng thực hành. Chư Phật khởi trăm thứ phương tiện, các loại giả danh để dẫn dắt hữu tình và vô tình cùng trở về vắng lặng. Tin tưởng mà chưa đạt đến, hãy đi tĩnh tọa, tự phản chiếu để soi thấy năm uẩn thực sự không có gì cả, tự nhiên là ‘*nhân Không*’. Đạt được nhân Không thì pháp cũng Không. Nhân và pháp đều Không, tự nhiên ‘*thôi đi*’, ‘*dứt đi*’¹⁰⁷.

¹⁰⁶ Động trước 動著: Tiếng dùng trong Thiền lâm. Tâm lay động không định, thường khởi vọng tưởng. Bích nham lục, tấc 6 (Đại 48, 183 thượng), nói: “Hoa rơi loạn quanh chỗ ngồi bên sườn núi của Không Sinh. Đáng thương thay thần Thuấn-nhã-đa, chúng ta khảy tay, người biến mất. Chớ có động đây, động đây thì ăn ba mươi gậy!”

¹⁰⁷ Hưu khứ, hiết khứ 休去歇去. Thạch Sương thất khứ 石霜七去: Bảy chữ khứ (đi, bỏ qua) của ngài Thạch sương. Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Thạch Sương Khánh Chư (807-888) đời Đường là ngài Cửu Phong Đạo Kiên dùng 7 ngữ cú mà Thiền sư Thạch Sương lúc sinh tiền thường nói khi khai thị người học để xét nghiệm Thủ tọa, đồng thời cho rằng 7 câu này là thái độ tu hành mà người học cần phải có. Trong 7 ngữ cú này, chữ cuối của mỗi ngữ cú đều là chữ Khứ, vì thế gọi chung là thất khứ. Đó là: 1. Hưu khứ

Kinh có ghi: “*Tự ngã tự thân vốn không có thật, thì ưa với ghét có ra từ đâu?*”¹⁰⁸ Đạt đến đây thì tự nhiên buông hết, không Phật để làm, không sinh tử để đoạn, không Niết-bàn để chứng. Giai vị viên đốn, địa vị Đẳng giác, Diệu giác, nếu có mảy may sự chứng, sự tu, thì rơi vào cõi sinh tử, vĩnh kiếp chịu trầm luân. Nếu thấu triệt lẽ ấy, không nương không tựa, trực hạ thừa đương: *Trước thời kỳ Không kiếp mình là ai? Tròn vìn vìn, sáng rực rực.*¹⁰⁹

Hội chẳng? Cũng không người, cũng không Phật, ‘*Đại thiên sa giới bọt trong biển, Tất cả Thánh hiền như điện chớp.*’¹¹⁰

Bất sinh bất diệt

Bất sinh bất diệt, là toàn nói về lý tánh. *Hữu sinh hữu diệt*, là toàn nói về sự tướng. *Bất sinh bất diệt*, là nói thẳng, nói thật rằng chúng sinh có đầy đủ pháp thân. Thể của hư không, từ xưa đến nay, chưa từng sinh chưa từng diệt, không đổi không dời, không đến không đi, không cũ không mới, vắng lặng thường yên. Bốn đại,

(thôi đi): Đình chỉ tất cả mọi hành vi động tác. 2. Hiết khứ (nghỉ đi, dứt đi): Dứt bất tất cả kiến giải phân biệt, đối lập như thân với tâm, năng với sở... 3. Lạnh tuyền tuyền địa khứ (lạnh mát rời rợi đi): Dập tắt tất cả sự nhiệt náo về mêngộ, phàm thánh để đạt đến cảnh giới mát rợi. 4. Nhất niệm vạn niên khứ (hãy như một niệm vạn năm đi): Giữ gìn một niệm như như bất động. 5. Hàn khô khô mộc khứ (tro lạnh cây khô đi): Không còn mảy may hình thức phân biệt. 6. Cổ miếu hương lư khứ (lò hương miếu cũ đi): Hãy trừ bỏ hết chấp trước, giống như tàn nhang trong miếu xưa bay hết. 7. Nhất điều bạch luyện khứ (một loạt trắng tinh đi): Trong quá trình lãnh ngộ Phật pháp, bất luận đối với Chính vị (tiêu biểu cho không giới chân như) hay Thiên vị (tiêu biểu cho sắc giới hiện tượng) đều phân minh rõ ràng, không có bất cứ một vết nhơ nghi ngại nào, giống như tấm lụa trắng phau thuần khiết không nhuộm màu vậy. [X. Hư đường tập, tắc 38; Thiết văn thụ hòa thượng bách tắc bình tụng].

¹⁰⁸ Kinh Viên Giác, chương Tịnh Chư Nghiệp Chương: Ngã thân bản bất hữu, Tăng ái hà do sinh. 我身本不有, 憎愛何由生.

¹⁰⁹ Viên đà đà, quang chúc chúc 圓陀陀, 光燦燦: Chỉ cho tâm thể tròn sáng.

¹¹⁰ Chứng Đạo Ca: Đại thiên sa giới hải trung âu, nhất thiết Thánh phàm như điện phát. 大千沙界海中漚, 一切聖賢如電拂.

năm uẩn từ cái khác mà giả sinh, giả lập; đối với pháp thân của mình, toàn không dính líu. ‘*Sáng hòa bụi chẳng dơ, Ba cõi thành độc tôn.*’¹¹¹ Đây là cái thân trường kiếp hư không bất hoại. Kinh nói: “*Làm sao được trường thọ, Thân Kim cang bất hoại.*”¹¹²

Hội chẳng? ‘*Bóng trúc quét sân bụi chẳng động Vàng trắng xuyên biển nước không xao.*’¹¹³

Bất cầu bất tịnh

Cũng nói chúng sinh xưa nay đầy đủ pháp thân. Pháp thân của chúng sinh thì trong sạch không lỗi, không bẩn không dơ, không dài không ngắn, không vuông không tròn, không đục không trong, phá không được, đốt không xong, vấy bẩn không thành, ‘*Nhìn thế giới như hư không, giống hoa sen không dính nước*’¹¹⁴. Tâm thanh tịnh, không dơ không sạch, nhiều kiếp vẫn như thế, như trăng trong nước, muốn thấy ư? ‘*Khuôn mặt Thế Tôn như trăng tròn sáng, Như ngàn mặt trời phóng ánh quang minh.*’¹¹⁵

¹¹¹ Thiếu Thất Lục Môn, Tâm Kinh Tụng: Hòa quang trần bất nhiễm, Tam giới độc vi tôn. 和光塵不染, 三界獨為尊.

¹¹² Kinh Đại Bát Niết Bàn: Vân hà đắc trường thọ, Kim cang bất hoại thân, Phục dĩ hà nhân duyên, đắc đại kiên cố lực. Vân hà ư thử kinh, Cứu cánh đáo bỉ ngạn, Nguyên Phật khai vi mật, Quảng vị chúng sanh thuyết. (云何得長壽, 金剛不壞身, 復以何因緣, 得大堅固力. 云何於此經, 究竟到彼岸, 願佛開微密, 廣為眾生說. Làm sao được trường thọ, Thân Kim cang bất hoại, Lại nữa nhân duyên gì, Được sức kiên cố lớn. Làm sao đối kinh này, Rốt ráo đến bờ kia, Nguyên Phật khai mật ý, Vì chúng sanh nói rộng.). Bài tán này thường gọi là Vân hà phạn 云何梵.

¹¹³ Trúc ảnh tảo giai trần bất động, Nguyệt luân xuyên hải thủy vô ngân. 竹影掃階塵不動, 月輪穿海水無痕.

¹¹⁴ Kinh Phật Thuyết Siêu Nhật Minh Tam Muội, 佛說超日明三昧經, No. 638, tr. 532a20.

¹¹⁵ Kinh Kim Quang Minh, phẩm Thiên vương hộ quốc: Phật diện du như tịnh mãn nguyệt, Diệc như thiên nhật phóng quang minh. 佛面猶如淨滿月, 亦如千日放光明.

Bất tăng bất giảm

Thể của hư không và cái thân dằng dặc Không kiếp, thêm không được, giảm không được, phá không được. Tại Thánh không thêm, ở phàm không giảm, như như bất động, thượng thừa Bồ-tát tin tưởng không nghi, trung hạ đại sĩ nghe được ắt sinh ngờ.

Hội chăng? *‘Kêu rằng một vật tức không trúng.’*¹¹⁶

Thị cố Không trung

Thanh tịnh bản nhiên¹¹⁷, gây đánh hư không, hư không chẳng đau; dao cắt hư không, hư không chẳng đứt; trói buộc hư không, hư không chẳng dừng; lửa đốt hư không, hư không chẳng cháy; tên bắn hư không, hư không chẳng lũng; mưa xuống hư không, hư không chẳng ướt; mua bán hư không chẳng được tiền.

Hội chăng? *‘Muốn nói mà nói không hết nghĩa, núi Đông sông Bắc thương lượng tốt.’*

Vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức

¹¹⁶ Kinh Pháp Bảo Đàn, phẩm Cơ Duyên.

¹¹⁷ Thanh tịnh bản nhiên 清淨本然: Cũng gọi Lang Da thanh tịnh bản nhiên 瑤瑤清淨本然, Lang Da sơn hà 瑤瑤山河. Tên công án trong Thiền tông. Công án này phát sinh từ câu ‘Thanh tịnh bản nhiên (tự nhiên vốn thanh tịnh), thế tại sao bỗng sinh núi sông đất liền?’ do thiền sư Trường Thủy Tử Tuyền 長水子璿 (965-1038) đời Tống hỏi thiền sư Lang Da Tuệ Giác 瑤瑤慧覺. Thung Dung Lục, tấc 100 (Đại 48, 291 hạ) ghi: Vị tăng hỏi Hòa thượng Lang Da Tuệ Giác: Thanh tịnh bản nhiên, vì sao bỗng sinh ra núi sông đất liền? Hòa thượng đáp: Thanh tịnh bản nhiên, vì sao bỗng sinh ra núi sông đất liền? Công án này căn cứ vào kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển 4, do ngài Bát-lạt-mật-đế 般剌密帝 dịch vào đời Đường, trong đó, ngài Phú-lâu-na hỏi đức Phật (Đại 19, 119) hạ: Bạch Thế tôn! Nếu tất cả căn, trần, ấm, xứ, giới ở thế gian đều là Như lai tạng, thanh tịnh bản nhiên, vì sao bỗng sinh ra các tướng hữu vi núi sông, đất liền, lần lượt xoay vần dời đổi, cứ đến cuối thì trở lại đầu? [X. chương Trường thủy trong Ngũ đăng hội nguyên Q.14; Phổ đăng lục Q.3].

Thể của hư không, lập ‘sắc là Không’ thì không nhận sắc, lập ‘thanh là Không’ thì không nhận thanh, lập ‘thọ là Không’ thì không nhận thọ, lập ‘tưởng là Không’ thì không nhận tưởng, lập ‘hành là Không’ thì không nhận hành, lập ‘thức là Không’ thì không nhận thức. Sáu đường, bốn loài, tất cả là giả danh, đều không có chỗ tiếp nhận, mây trần chẳng lập. Lẽ của bầu trời, hoàn toàn không có thân thể, đi như đường chim, ngồi như thái hư, trong mười hai thời, Phật nhãn nhìn không thấy. Vì sao nhìn không thấy? ‘*Cá chép ở chỗ sâu, Cò trắng không biết dấu.*’¹¹⁸

Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý

Có sáu căn ấy, tùy thuận chúng sinh mà thuyết pháp. Chư Phật đủ đại từ bi, hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, lấy huyễn ảo để diệt huyễn ảo. Chẳng phải huyễn ảo thì bất diệt. Bất diệt là chúng sinh xưa nay đầy đủ pháp thân. Pháp thân là phi pháp thân, nên nói là pháp thân.¹¹⁹ Pháp thân có tên, không hình. Muốn thấy pháp thân ư? Tại mắt gọi là thấy, tại tai gọi là nghe, tại mũi gọi là ngửi, tại lưỡi để đàm luận, tại tay để cầm nắm, tại chân để đi chạy, toàn thể khởi dụng. Toàn thể là pháp thân, chẳng phải sáu căn, bốn đại, năm uẩn. Thấy, nghe, hay, biết, phải tránh nhận lầm. Bốn đại, sáu căn, ‘*Hễ có tướng thì tướng ấy toàn là giả dối,*’¹²⁰ đều là giả danh. Dẫn dắt chúng sinh cần phải tự thấy pháp thân. Nếu tự thấy rồi thì chuyển phàm thành Thánh.

¹¹⁸ Cầm lân tại thâm xứ, Bạch lộ bất tri tung. 錦鱗在深處, 白鷺不知蹤.

¹¹⁹ Kinh Kim Cương: “Trường lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, có thể hay không nhìn thấy Như lai bằng cái sắc thân toàn hảo đặc tướng ? Không, bạch Thế tôn, không nên nhìn Ngài bằng cái sắc thân toàn hảo đặc tướng. Tại sao như vậy, vì cái sắc thân toàn hảo đặc tướng thì Thế tôn nói là phi sắc thân toàn hảo đặc tướng, đó là lý do tại sao Thế tôn nói là sắc thân toàn hảo đặc tướng. Trường lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, có thể hay không nhìn thấy Như lai bằng các đặc tướng toàn hảo tất cả ? Không, bạch Thế tôn, không nên nhìn Ngài bằng các đặc tướng toàn hảo tất cả. Tại sao như vậy, vì các đặc tướng toàn hảo tất cả thì Thế tôn nói là phi đặc tướng toàn hảo tất cả.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

¹²⁰ Kinh Kim Cương: Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng.

Há không thấy vị tăng hỏi ngài Vân Môn: “*Thế nào là thanh tịnh pháp thân?*” Vân Môn đáp: “*Bờ giậu hoa.*” Tăng hỏi: “*Cứ như vậy kết thúc ra sao?*” Vân Môn đáp: “*Sư tử lông vàng.*”

Ngài Tuyết Đậu có bài tụng: “*Bờ giậu hoa chớ mơ hồ, Khía ở cán cân chẳng ở bàn, Cứ như vậy không mới mang, Sư tử lông vàng mọi nhà xem.*”¹²¹

Có vị tăng hỏi ngài Đại Long: “*Sắc thân bại hoại, thế nào là pháp thân kiên cố?*” Đại Long đáp: “*Hoa núi nở đường gắm, nước khe trong tợ chàm.*”¹²²

Các bậc Tổ sư lúc nào cũng vì chúng sinh mà chỉ điểm, nếu tự thấy pháp thân của mình, thì vạn kiếp không chịu luân hồi. Muốn thấy pháp thân ư? Là khuôn mặt nào? “*Rẽ ngược lông mày để mắt xem, Nghĩ bàn là ngăn cách ngàn núi.*”¹²³

Vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp

Sáu trần ấy đều từ một căn sinh khởi. Bỏ đi một căn thì sự phản chiếu từ đâu mà khởi? Biết được chỗ khởi thì biết gốc rễ của sự sinh khởi. Phản chiếu về *cái thân căn bản*¹²⁴ thì thấy nó chẳng phải sở hữu của mình. Thân hữu ngã ấy đã không có thì mười tám giới đột nhiên thanh tịnh. Quán thân là không có thân, quán pháp là không có pháp, trở về vắng lặng. Hãy đi tĩnh tọa, quán những tạo tác ở quá khứ, và quán những tạo tác ở hiện tại, qua đủ thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thì sự yên tĩnh nằm ở đâu? Các pháp là vô sở hữu, giống như giấc mơ đêm qua. Tâm ta vốn Không, tội phước không có chủ thể, cái gì là tội? cái gì là phước? Quán kỹ tâm ấy xưa nay là Không, đó gọi là sự sám hối chân thật.

¹²¹ Đây là Tắc 39 của Bích Nham Lục. Hoa được lan 花藥欄: bờ giậu hoa, chỉ hàng rào hay bờ giậu bằng tre hay gỗ dùng để bao quanh nơi trồng các thứ hoa thuộc dược, mẫu đơn, hoa cỏ nói chung.

¹²² Bích Nham Lục, Tắc 82.

¹²³ Dịch khởi mi mao trước nhãn khán, Nghĩ nghĩ chỉ gián cách thiên sơn. 剔起眉毛著眼看, 擬議之間隔千山.

¹²⁴ Căn bản thân: Thân có vọng tâm, vọng tưởng, tán loạn không ngừng, dụ như gió luôn xao động.

Tam Tổ [Tăng Xán] cầu sám hối với Nhị Tổ [Huệ Khả]. Nhị Tổ nói: “*Dem tội ra đây ta sám cho.*” Tam Tổ thưa: “*Con kiếm tội mãi mà chẳng thấy được.*” Nhị Tổ nói: “*Ta đã sám tội cho ông xong rồi.*” Tam Tổ nhân đây mà đại ngộ.

Hội chẳng? ‘*Đối mặt không thấy nhau, Bóng ảnh soi mặt lừa, Tĩnh tọa dứt mây trần, Hư không chẳng thông tuyến.*’¹²⁵

Vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới

Mười tám giới ấy, do chấp trước mà có nhãn giới, rồi liên lụy mười tám giới, đó là ác nghiệp. Rồi bỏ nhãn căn, xét tìm hư giả, sáu căn toàn là hư hống, không phải chân thật. Yên lặng quán chiếu bốn đại đều không có thật nghĩa, là thể của hư không, là thân trường kiếp bất hoại, vắng lặng thường yên, cũng không tu chứng. Du-già¹²⁶ thường tại định, không khi nào bất định, không tán không loạn, lẻ loi

¹²⁵ Đối tọa bất tương kiến, Quang ảnh chiếu lư diện. Tĩnh tọa tuyệt tiêm trần, Hư không bất thông tuyến.
對坐不相見, 光影照驢面。靜坐絕纖塵, 虛空不通線。

¹²⁶ Du-già (yoga) dịch nghĩa là tương ứng (thích ứng với nhau), chính yếu là tương ứng chỉ (xa-ma-tha) và quán (tỳ-bát-xá-na). Kinh Giải thâm mật: “Vào lúc bấy giờ đại bồ tát Từ thị thừa Phật: bạch đức Thế tôn, trong Đại thừa, các vị Bồ tát y cứ vào chỗ nào và trú ở vào chỗ nào mà tu tập chỉ quán? Đức Thế tôn dạy đại bồ tát Từ thị: Thiện nam tử, hãy nhận thức rằng, trong Đại thừa, các vị Bồ tát tu tập chỉ quán thì lấy giáo pháp của Như lai thiết lập mà làm chỗ y cứ, lấy sự không bỏ mất tâm nguyện vô thượng bồ đề mà làm chỗ trú ở.” Lấy giáo pháp của Như lai thiết lập mà làm chỗ y cứ, nghĩa là “đối với giáo pháp ấy, Bồ tát khéo lắng nghe, khéo tiếp nhận, văn khéo rành rẽ, ý khéo tìm tòi, thấy khéo thông suốt; rồi chính nơi giáo pháp phải khéo tư duy như vậy, Bồ tát một mình ở chỗ không phiền không ồn mà tác ý tư duy; sự tư duy này phải được nội tâm liên tục tác ý tư duy: hễ đứng vững rất nhiều trong cái chánh hạnh ấy, sanh ra sự khinh an nơi thân và sự khinh an nơi tâm, thì đó là chỉ, và Bồ tát như vậy là cầu về chỉ. Bồ tát này do cái thân tâm khinh an trên đây làm nền tảng, đối với ấn tượng chánh định theo giáo pháp phải khéo tư duy nói trên, hãy quan sát, thẳng giải, bỏ cái tâm tướng về chỉ: hễ đối với ấn tượng chánh định cần phải chứng biết ấy mà chính xác quyết trạch, cùng cực quyết trạch, tầm tư toàn bộ, tứ sát toàn bộ, rồi xác nhận, ưa thích, hiểu biết, nhìn thấy, xét thấy, thì đó là quán, và Bồ tát như vậy là khéo về quán.” (H.T Thích Trí Quang dịch) Cho thấy, chỉ và quán là tự tánh của chánh lý Du-già.

chiếu sáng, giống trăng mùa Thu, tròn vìn vìn, sáng rực rực, soi khắp đất trời, chiếu suốt mười phương, núi sông đại địa không thể ngăn cách.

*“Linh quang sáng tỏ, thoát xa căn trần, thể bày chơn thường, chẳng kẹt chữ nghĩa, tâm tánh không nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lìa giả duyên, là như như Phật.”*¹²⁷

Vô vô minh

Là chúng sinh được khai mở. Mỗi người đều có vô minh, khởi nhiều thứ sai biệt, trăm loại phiền não, thường giữ sáu căn, khởi mười tám giới, tâm ở sáu tình, như chim mắc lưới, tạo các nghiệp ác, như bướm đêm lao vào đèn. Vào xác thoát xác, triển chuyển bất giác, lang thang nhiều kiếp, đều do vô minh mà sinh ra. Nhân có vô minh, rồi vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu bi khổ não. Tất cả đều bắt đầu từ vô minh. Trong quá trình này bỗng nhiên tự thấy vô minh, hàng phục nó cho chết, chết lại càng chết, vạn duyên chấm dứt. Các lậu đã tận, vĩnh đoạn phiền não, căn bản [vô minh] đã trừ, ba độc tự diệt. Tất cả chúng sinh không biết vô minh, ba độc là duyên khởi, cho nên bị liên lụy, nhiều kiếp thọ khổ. Bỗng nhiên tự giác chỗ vô minh khởi, ‘sáng ăn ba ngàn gậy, chiều lãnh tám trăm bóng’¹²⁸, dạy thẳng ‘một phen đại tử, chết rồi sống lại, đối người chẳng được.’¹²⁹

¹²⁷ Bách Trượng Hoài Hải Thiền Sư Ngữ Lục: “Linh quang độc diệu, huýnh thoát căn trần, thể lộ chơn thường, bất cầu văn tự, tâm tánh vô nhiễm, bản tự viên thành, đản ly vọng duyên, tức như như Phật.” 靈光獨耀, 迴脫根塵, 體露真常, 不拘文字, 心性無染, 本自圓成, 但離妄緣, 即如如佛.

¹²⁸ Tăng Triệu 僧肇 (378-414): Triệu đả tam thiên, mộ đả bát bách. 朝打三千, 暮打八百.

¹²⁹ Đại tử nhất hồi, mặt hậu tái tô, khi quân bất đắc. 大死一回, 末後再蘇, 欺君不得. Bích Nham Lục, Tắc 41: “Triệu Châu hỏi Đầu Tử: Người đại tử khi sống lại thế nào? Đầu Tử đáp: Chẳng cho đi đêm, đợi sáng sẽ đến.” Chết có 2 thứ: tiểu tử tiểu hoạt và đại tử đại hoạt. Tiểu tử tiểu hoạt là tiểu ngộ, chỉ phá sơ quan hay trùng quan, té mặc dù chết nhưng còn xác, rồi sống lại. Đại tử đại hoạt là té xuống chết, cái xác tan

Một vị tăng hỏi Đầu Tử: “*Người đại tử khi sống lại thế nào?*” Đầu Tử đáp: “*Chẳng cho đi đêm, đợi sáng sẽ đến.*” Ở đây là cắt phăng căn nguyên, quét sạch tâm địa, không thấy có thân. Thân tận thì vô minh tận, trần cấu trừ hết, vô số tội lỗi ở vạn kiếp đốn tiêu một lúc; luân chuyển sinh tử đốn thoát một lúc.

Người xưa nói: “*Sát-na rũ sạch nghiệp A-tỳ, Hiểu được muôn pháp bản lai Không.*”¹³⁰ Thế nào là bản lai Không? “*Thật tánh vô minh tức Phật tánh, Không thân ảo hóa tức Pháp thân, Pháp thân giác rồi không một vật.*”¹³¹ Ở đây là hoàn toàn *minh đắc*¹³², chuyển phàm thành Thánh, chuyển vô minh làm Phật.

Diệt vô vô minh tận

Có thân tức có vô minh, có vô minh tức có ba độc. Do có ba độc mà khởi ba nghiệp ác. Ba nghiệp mờ tối, bội giác hợp trần, không hiểu không biết. Nếu có thể chuyển ba độc thành ba đức¹³³, chuyển sáu căn thành sáu thần thông, thì đến đây

rã hết. Cái xác dụ cho cảnh giới ngộ, nhưng ngộ rồi còn ôm cảnh giới ngộ, nên chướng ngại cái dụng, gọi là tiểu tử tiểu hoạt. Đại tử đại hoạt là ngộ triệt để không còn cảnh giới ngộ, cho nên, nói ngộ rồi đồng như chưa ngộ.

¹³⁰ Chánh văn: Sát na diệt khước a tỳ nghiệp, Liễu đắc vạn pháp bản lai không. 刹那滅卻阿鼻業, 了得萬法本來空. Chứng Đạo Ca: Sát na diệt khước a tỳ nghiệp. 刹那滅卻阿鼻業 ... Liễu tức nghiệp chướng bản lai không. 了即業障本來空

¹³¹ Chứng Đạo Ca: Vô minh thật tánh tức Phật tánh, Ảo hóa không thân tức pháp thân, Pháp thân giác liễu vô nhất vật. 無明實性即佛性, 幻化空身即法身, 法身覺了無一物.

¹³² Minh đắc là minh đắc định 明得定: Thiền định do hàng Bồ-tát Noãn vị trong 4 gia hạnh (4 thiện căn) chứng được. Thiền định này là bước đầu của giai đoạn tu định tuệ, có khả năng quán xét 4 đối cảnh: Danh, nghĩa, tự tính và sai biệt, đều do tự tâm biến hiện, đều là có giả. Luận Thành duy thức, quyển 9 (Đại 31, 49 trung) nói: Nương vào Minh đắc định mà phát khởi tầm tư, quán vô sở thủ, lập làm Noãn vị. Nghĩa là trong giai vị này, bắt đầu quán xét 4 pháp sở thủ là danh, nghĩa, tự tính và sai biệt, do nơi tự tâm biến hiện, chỉ là giả lập chứ chẳng phải có thật. Đầu tiên được hành tướng trước Tuệ nhật (mặt trời tuệ), cho nên đặt tên là Minh đắc (được sáng), cũng từ đó đạt được tướng trước Đạo hỏa, vì thế gọi là Noãn (ấm, làm cho ấm).

¹³³ Ba đức: pháp thân đức, bát-nhã đức, giải thoát đức.

hoàn toàn *chuyển đặc*¹³⁴, chuyển phàm thành Thánh, phàm phu tức là Thánh nhân, Thánh nhân tức là phàm phu. Nếu chuyển không được ba độc, sáu căn thì phàm phu bị cảnh chuyển, ‘*trăm họ hằng ngày tiếp xúc vẫn không biết*’¹³⁵, suốt ngày hoang mang, không chỗ nương tựa. Nếu chuyển được ba độc, sáu căn thì hiểu muôn vật trở về nơi mình, trọn ngày mơ màng, không gì trở ngại, trọn ngày ăn cơm, không cần một hạt gạo, trọn ngày mặc áo, không khoác một sợi tơ, trọn ngày làm việc mà chưa từng làm việc. Chuyển đặc như thế thì hòa quyện, dung hợp được ma giới, ở trần lụy mà không nhiễm trần lụy, ở ái dục mà không có ái dục. Thân tâm nhất như, nội ngoại không khác, phải là ‘*đã thành nhất phẩm*’, bằng với Không kiếp, hình ảnh không giữ, mây may không lập, toàn thể hiển lộ rõ ràng. Vừa có mây bụi, thì khắp không gian có hoa đóm, tức rơi vào sinh tử. Hãy đi *phản quan tự kỷ* để không thấy có thân. Thân mình đã không có, thì vô minh cũng không có.

Kinh [Viên Giác] nói: “*Diệt trừ vô minh một cách vĩnh viễn, mới thành đạt tuệ giác Phật đà*.”¹³⁶ Chỉ một chữ Phật ấy cũng bất khả đặc, và tìm từ nguyên của chữ ấy cũng bất khả đặc.

Người xưa nói: “*Không miếng đất cắm dùi, gọi rằng người hiểu việc, kêu rằng đạo nhân vô tâm*.” ‘*Chớ bảo vô tâm ấy là đạo, Vô tâm còn cách một lớp rào*.’

¹³⁷ Hãy nói ‘cách một lớp rào’ là gì?

¹³⁴ Chuyển đặc là chuyển đặc 4 trí. Bốn trí là do chuyển 8 thức mà thành: chuyển thức thứ 8 thành đại viên cảnh trí, chuyển thức thứ 7 thành bình đẳng tánh trí, chuyển thức thứ 6 thành diệu quán sát trí và chuyển 5 thức trước thành thành sở tác trí.

¹³⁵ Chu Dịch, Hệ Từ Thượng: “Nhân giả kiến chi vị chi nhân. Tri giả kiến chi vị chi trí. Bách tánh nhật dụng nhi bất tri. Cố quân tử chi đạo tiến hĩ.” (仁者見之謂之仁，知者見之謂之知。百姓日用而不知，故君子之道鮮矣。Người nhân thấy đạo thì gọi là Nhân. Người trí thấy đạo thì gọi là Trí. Trăm họ thì tuy tiếp xúc với đạo hằng ngày mà vẫn chưa biết đạo là gì. Cho nên, cái đạo của người quân tử, thật là ít có vậy.)

¹³⁶ Kinh Viên Giác: Vĩnh diệt vô minh, phương thành Phật đạo. 永斷無明，方成佛道

Hội chẳng? *‘Một dải mây trắng giăng cửa động, Quên tổ chim chiều mãi lượn quanh.’*¹³⁸

Nãi chí vô lão tử

Đã được ‘sự diệt tận của vô minh’ thì không có lão tử. Sự tu hành của chư Phật là đạt đến chỗ ‘không có thân’. Thân đã không có thì sinh tử làm sao có? Phật không thấy thân, và đó là cái thấy của Phật.

Kinh [Kim Cương] nói: *“Nếu Bồ-tát mà vẫn còn có ý tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả thì Bồ-tát ấy không phải Bồ-tát.”* Chúng sinh thì điên đảo, bị huyễn cảnh trước mắt làm mê hoặc, đi theo bóng ảnh mà biến động, thuận theo tình cảnh mà lưu chuyển, do chấp nhân ngã nên vọng tâm không thể diệt, trần kiếp triền miên mà nhân ngã chẳng trừ, chấp trước thanh sắc nên đọa lạc sinh tử, đối trị trước mắt vẫn thấy có sinh tử. Nếu là người kiến tánh thì trước mắt không có pháp, cũng không có chúng sinh, *‘Tâm, Phật và chúng sinh, Cả ba không sai biệt’*¹³⁹, bình đẳng chân pháp giới. Phật chẳng độ chúng sinh, nhất thể đồng quán, vạn pháp

¹³⁷ Mạc đạo vô tâm vân thị đạo, Vô tâm du cách nhất trùng quan. 莫道無心雲是道, 無心猶隔一重關. Vua Trần Thái Tông cũng viết câu này trong Khóa Hư Lục.

¹³⁸ Nhất phiến bạch vân hoành cốc khẩu, Kỳ đa quy điểu tận mê sào. 一片白雲橫穀口, 幾多歸鳥盡迷巢. Thiền sư Phật Quang có mượn ý thơ này để trả lời cho vị tăng. Thiền sư Tông Bản (1020-1099), đời Bắc Tống cũng mượn hai câu thơ này cho bài số 95 trong tác phẩm Sơn Cư Bách Vịnh: Sơn cư phúc ốc chỉ thêm mao, Lãnh đạm tình hư tuyệt thế giao. Nhất phiến bạch vân hoành cốc khẩu, Kỳ đa quy điểu tận mê sào. (山居覆屋只苦茅, 冷淡情虛絕世交. 一片白雲橫谷口, 幾多歸鳥盡迷巢. Ở núi nhà lợp chỉ bằng tranh, Dứt hết giao tình giữ đạm thanh. Một dải mây trắng giăng cửa động, Quên tổ chim chiều mãi lượn quanh.) Trong Sự Lý Dung Thông, thiền sư Minh Châu Hương Hải cũng mượn ý hai câu thơ này: “Bao nhiêu chim bay về lạc tổ, Mây che ngoài ngõ ổ hang xưa.”

¹³⁹ Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tâm như người thợ vẽ, Vẽ đủ thứ ngũ ấm; Hết thấy trong thế gian, Không pháp nào không tạo. Như tâm, Phật cũng vậy, Phật, chúng sinh cũng vậy; Tâm, Phật và chúng sinh, Cả ba không sai biệt. Chư Phật đều rõ biết, Tất cả do tâm chuyển. Ai hiểu được như vậy, Người ấy thấy chân Phật.”

quy nhất. Đạt đến chỗ này, sinh là từ cái khác sinh, lão là từ cái khác lão, bệnh là từ cái khác bệnh, tử là từ cái khác tử. Nếu là người về đến nhà thì không thấy có sinh tử, cũng không có sinh diệt.

Người xưa nói: “*Chẳng thấy một pháp tức Như Lai, Mới được tên là Quán Tự Tại.*”¹⁴⁰ Thiên đường địa ngục, sáu nẻo bốn loài, tất cả huyễn hóa, đối với người đại triệt để thì hoàn toàn không dính líu, tự nhiên toàn thân buông xuống. ‘*Chư hành vô thường hết thấy Không, Tức là Như Lai đại viên giác.*’¹⁴¹ Hãy nói, chết rồi, thiêu rồi, hướng về chốn nào vậy?

Hội chẳng? ‘*Dưới cây vô ảnh, hủ trăng gọi gió; trước tháp vô phùng, an thân lập mạng.*’¹⁴²

Diệt vô lão tử tận

Người học đạo, giống như việc lột thân cây chuối, lột từng lớp từng lớp cho đến khi không còn gì cả, không chỗ hạ thủ, trở về nguồn cội, được năm uẩn Không, như *cha mẹ chưa sinh*, tự thiêu cháy một vật. Đạt đến chỗ ‘Không bắt Không’¹⁴³ thì rũ bỏ tự thể, hoàn toàn quên hết, không lưu lại vết tích, toàn thân là tay mắt, không lập mảy trần, danh ngôn bất khả đắc; mười hai nhân duyên, lục độ

¹⁴⁰ Chứng Đạo Ca: Bất kiến nhất pháp tức Như Lai, Phương đắc danh vi Quán Tự Tại. 不見一法即如來, 方得名爲觀自在.

¹⁴¹ Chứng Đạo Ca: Chư hành vô thường nhất thiết Không, Tức thị Như Lai đại viên giác. 諸行無常一切空, 即是如來大圓覺.

¹⁴² Vô ảnh thọ hạ, khiêu nguyệt ngâm phong; vô phùng tháp tiền, an thân lập mạng. 無影樹下, 嘯月吟風; 無縫塔前, 安身立命.

¹⁴³ Không – Bất Không – Không bắt Không: chân đế - tục đế - trung đạo, hay toàn chân – toàn vọng – toàn vọng tức chân.

vạn hạnh, khổ hạnh đầu đà, thấy đều đốn thoát, như cây khô tro nguội¹⁴⁴, như người mà trăm chuyện không hiểu¹⁴⁵.

Người xưa nói: “*Chẳng phải dứt tâm trừ vọng tưởng, Chỉ vì vô sự đáng suy lường,*”¹⁴⁶ và còn nói sinh, nói tử, nói nhân, nói quả, nói tâm, nói tánh. ‘*Tâm là căn, pháp là trần, Thấy đều ngán bụi ám gương trong, Bao giờ ngán hết gương phát sáng, Tâm pháp cùng quên tánh tức chân*’¹⁴⁷, mới đến thực địa không sinh tử. Tâm pháp đều quên, lại là vật gì?

Hội chăng? ‘*Người gõ nửa đêm xỏ dép đi, Sáng mai gái đá đội nón về.*’¹⁴⁸

Vô khô, tập, diệt, đạo

Hàng Tiều thừa ngày đêm tinh tiến, sáu độ muôn hạnh, ngoài tâm cầu pháp. Bỏ qua bốn đế mà muốn thoát ba cõi, khỏi luân hồi, thì không có trường hợp này. Chư Phật chỉ vì lý do duy nhất và trọng đại mà xuất hiện thế gian¹⁴⁹, cho nên chư

¹⁴⁴ Trang Tử, thiên Tề Vật Luận ghi: “Sao vậy? Hình lại có thể khiến như cây khô, lòng lại có thể khiến như tro nguội?” (何居乎? 形固可使如槁木, 而心固可使如死灰乎?)

¹⁴⁵ Bách bất hội 百不會 = bách bất tri 百不知: không biết gì cả.

¹⁴⁶ Thiền sư Nam Đài Thủ An 南臺守安: Nam Đài tĩnh tọa nhất lô hương, Chung nhật ngưng nhiên vạn lự vong. Bất thị tức tâm trừ vọng tưởng, Đô duyên vô sự khả tư lường. (南臺靜坐一爐香, 終日凝然萬慮亡, 不是息心除妄想, 都緣無事可思量. Đài nam tĩnh tọa một lò hương, Lặng lẽ suốt ngày niệm lự không, Chẳng phải dứt tâm trừ vọng tưởng, Chỉ vì vô sự đáng đo lường.) Thiền sư Hương Hải (1628-1715) thường dạy đại chúng bằng bài kệ này.

¹⁴⁷ Chứng Đạo Ca: “Tâm thị căn, pháp thị trần, Lưỡng chủng do như kính thượng ngân. Ngân cấu tận trừ quang thị hiện, Tâm pháp song vong tánh tức chân.” (心是根, 法是塵, 兩種猶如鏡上痕, 痕垢盡除光始現, 心法雙亡性即真.)

¹⁴⁸ Thiền sư Đông An Sát, Thập Huyền Đàm: “Mộc nhân dạ bán xuyên ngoa khứ, Thạch nữ thiên minh đới mao quy.” (木人半夜穿靴去, 石女天明戴帽歸.)

¹⁴⁹ Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện: “Xá Lợi Phất, lý do duy nhất và trọng đại mà chư Phật Như lai xuất hiện thế gian là gì? Là chư Phật Như lai muốn làm cho chúng sinh khai mở sự thấy biết của Phật nên xuất hiện thế gian, muốn chỉ thị cho chúng sinh sự thấy biết của Phật nên xuất hiện thế gian, muốn

Phật không đem pháp Tiểu thừa mà tế độ chúng sinh. Hàng Đại thừa học pháp vô vi, ngồi ngay niệm thật tướng, các tội như sương móc, mặt trời tuệ giác có thể tiêu trừ, ở chỗ không bị quấy nhiễu, tập trung mà sửa chữa tâm mình, ngồi thẳng bất động, quán tất cả pháp đều vô sở hữu. Lại quán bốn đế: ‘*Có thân chẳng phải giác thể, Không tướng mới là chân hình*’¹⁵⁰, tự biết vắng lặng. Ngay khi biết vắng lặng, dứt liền ý tưởng thoát tịnh, công phu của sự không công phu, thời gian lâu xa chẳng hư hoại, như như bất động, lặng lẽ thường yên. “*Các pháp từ xưa nay, Tướng thường tự vắng lặng, Phật tử hành đạo rồi, Trong tương lai thành Phật.*”¹⁵¹ Sử dụng định, tuệ và lực đề trang nghiêm, không mê không ngộ, không khổ không lạc, không tập không diệt, không đạo không đức, không tuệ không si. “*Xưa nay không một vật, Gương sáng cũng không dài.*” Đạt đến chỗ này, tu chứng tức không ngộ, nhiễm ô tức không đắc, ‘*Một nháy vào liền đất Như Lai*’¹⁵², muốn thấy Như Lai ư? ‘*Trúc kín không ngăn dòng nước chảy, Núi cao mây trắng vẫn bay qua.*’¹⁵³

Vô trí diệt vô đắc

Câu này là sự phản chiếu tự thân thì thường bất khả đắc, sao lại là hữu đắc? Cũng không người, cũng không Phật, không phải tâm, không phải Phật, không phải chúng sinh, tất cả Thánh hiền như điện chớp. Đạt đến chỗ này, như giặc cướp

làm cho chúng sinh tỉnh ngộ sự thấy biết của Phật nên xuất hiện thế gian, muốn làm cho chúng sinh nhập vào con đường thấy biết của Phật nên xuất hiện thế gian.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

¹⁵⁰ Kệ tụng của Phó Đại Sĩ: “Hữu thân phi giác thể, Vô tướng nãi chân hình.” 有身非覺體，無相乃真形。

¹⁵¹ Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện: Chư pháp tùng bản lai, Thường tự tịch diệt tướng, Phật tử hành đạo dĩ, Lai thế đắc tác Phật. 諸法從本來，常自寂滅相，佛子行道已，來世得作佛。

¹⁵² Chứng Đạo Ca: Nhất siêu trực nhập Như Lai địa. 一超直入如來地。 Đồng nghĩa: Lập địa thành Phật. 立地成佛。

¹⁵³ Thiền sư Đạo Xuyên 道川: Trúc mật bất phòng lưu thủy quá, Sơn cao khởi ngại bạch vân phi. 竹密不妨流水過，山高豈礙白雲飛。

vào nhà trống rỗng, được cái ‘vô sở đắc’, lia mọi cái thấy, toàn thể không chấp¹⁵⁴, tự tánh thanh tịnh, thật sự không một pháp có thể mặc tình thích ý. “*Xưa nay trao hữu pháp, Trao rồi nói vô pháp, Mỗi người phải tự ngộ, Ngộ rồi không vô pháp.*”¹⁵⁵ Không được không mất, không tiến không tu, đức Phật Nhiên Đăng không có một pháp để thọ ký. Trong tâm vừa có mảy may liền có được có mất, rằng: *Tôi có khả năng, tôi hiểu biết, tôi lãnh ngộ, tôi thành tựu, tôi thông minh, tôi có trí tuệ, có đạo đức.* Họ là kẻ tăng thượng mạn, còn tôi cũng không ngoại lệ, tất cả đều tùy thuận sinh tử. Nếu là người chân thật, đâu không như thế, thì chính mình vẫn có con đường thoát thân¹⁵⁶.

Thế nào là con đường thoát thân? ‘*Hôm qua có người đến từ Thiên Thai, nhưng đi qua Nam Nhạc rồi.*’

Dĩ vô sở đắc cố

Người tu hành đạt đến chỗ này thì nhập vào địa vị Viên đốn. Lý do gì chúng sinh lang thang trong sinh tử, không có thời hạn thoát ra? Chỉ vì chúng sinh chưa từng kiến tánh, thiếu trí tuệ, không thể biết hết vô lượng nghĩa Không. Chúng sinh học hiểu tâm lý, nhưng bỏ qua bản tâm. ‘*Cái gì từ ngoài cửa vào thì không phải*

¹⁵⁴ Thoát thể vô y 脫體無依. Thiền sư Thích Sư Nhất 釋師一 có bài thơ: Tàng thân vô tích cánh vô tàng, Thoát thể vô y tiện xí đương. Cổ cảnh bất ma hoàn tự chiếu, Đạm yên hòa vự thấp thu quang. (藏身無跡更無藏, 脫體無依便蕲當. 古鏡不勞還自照, 淡煙和露濕秋光. Tàng thân không dấu lại không tàng, Thoát thể không nương liền đảm đương. Gương xưa tự chiếu lau chùi khỏi, Khói nhạt sương mờ nhuận thu quang.)

¹⁵⁵ Kệ phó pháp của tôn giả A-nan cho tôn giả Thương-na-hòa-tu (Sanakavasa): Bản lai phó hữu pháp, Phó liễu ngôn vô pháp, Các các tu tự ngộ, Ngộ liễu vô vô pháp. 本來付有法, 付了言無法, 各各須自悟, 悟了無無法.

¹⁵⁶ Xuất thân chi lộ 出身之路: Cũng gọi Xuất lộ, Xuất thân, Xuất thân hoạt lộ 出身活路, chỉ sự thoát khỏi cái thân trong sinh tử, không còn dính mắc khái niệm đối kháng như mê ngộ, v.v..., đạt được cái dụng vô ngại, khoáng đạt. Hoạt lộ: con đường sống. Xuất thân hoạt lộ chỉ cho cảnh giới siêu thoát.

*của báu nhà mình.*¹⁵⁷ Chúng sinh ý vào trí thông minh của mình, biết rộng nghĩa lý, mê hoặc lòng người, chất chứa sở tri, thành tăng thượng mạn.

Người xưa nói: “*Vừa có mây may tức là bụi. Mắt có màng thì thấy hoa đốm khắp hư không.*” Mắt bệnh không chữa thì như người không ra khỏi nhà, không biết chuyện thiên hạ. Mắt bệnh chữa lành thì như người biết người trong am, không thấy việc ngoài am. Phải có sự tham cứu ngang bằng Không kiếp, không rơi vào nhị kiến, trở về căn bản để thấy được ý chỉ, mới có sở đắc. Chấp trước nhân ngã, ngã mạn không trừ, sống mà đã rơi vào địa ngục. Pháp sư Vân Quang giảng kinh, cảm hoa trời rơi lả tả¹⁵⁸, vậy mà chưa dứt được tham sân nên phải đọa làm con trâu chạy rong khắp chốn. Tây Thiên có phạm chí Trường Trảo¹⁵⁹ giảng pháp được Thiên Đế Thích, Diêm ma vương đến nghe, vậy mà khỏi khổ địa ngục, không đắc Thẳng không, chỉ khi gặp Phật thỉnh pháp, nghe Phật dạy mới tỏ ngộ. Nếu muốn

¹⁵⁷ Tùng môn nhập giả bất thị gia trân 從門入者不是家珍: Việc đại ngộ là ở Phật tính vốn sẵn có, nếu không biết rõ lý này mà hướng ra bên ngoài để tìm cầu sự khai ngộ thì rốt cuộc chẳng được gì. Bích Nham Lục, Tắc 5 ghi: “Nham Đầu nói rằng: Ông không thấy sao ! Cái từ ngoài cửa vào chẳng phải là của báu trong nhà, nó phải từ trong lồng ngực của chính mình tuôn chảy ra, bao trùm cả trời đất mới có chút phần tương ứng.”

¹⁵⁸ Vào thời Lương Vũ Đế, pháp sư Vân Quang xây đài giảng kinh trên hòn núi nhỏ nằm ở phía Nam của thành Nam Kinh. Do Sư thuyết pháp chí thành, trời tuôn mưa hoa, rơi xuống đất hóa thành đá. Bởi vì những hòn đá nhỏ là những giọt mưa từ trên trời rơi xuống hóa thành, cho nên người ta gọi là đá Vũ Hoa và gọi hòn núi nhỏ nơi pháp sư Vân Quang giảng kinh là đài Vũ Hoa (được xếp vào trong 18 cảnh đẹp của Kim Lăng). Đá Vũ Hoa là một loại đá đặc biệt chỉ được tìm thấy ở Nam Kinh, do địa hình đặc thù nơi đó, được biết đến với màu sắc tươi sáng và mặt đá được mài nhẵn bởi dòng chảy của sông Dương Tử.

¹⁵⁹ Đại Trí độ luận (quyển 1) và Soạn tập bách duyên kinh (quyển 10, Trường Trảo Phạm chí duyên) đều nói rằng ngài Câu-hy-la chính là cậu ruột của ngài Xá-lợi-phất, trước khi xuất gia theo Phật đã từng tu theo ngoại đạo, có hiệu là Phạm chí Trường Trảo (móng tay dài), vì ông không bao giờ cắt móng tay. Tập A-hàm, kinh Trường Trảo, số 969: Khi mới gặp Phật, Phạm chí Trường Trảo thưa rằng không chấp nhận mọi sự thấy biết. Phật hỏi lại, thế ông có chấp nhận cái không chấp nhận ấy không, ông nói không. Phật khen ông là đã rời bỏ, đã giải thoát. Ngài Xá-lợi-phất lúc ấy thọ Cụ túc giới mới được nửa tháng, đang quạt hầu Phật, nghe như thế mà được Tâm giải thoát. Thế nên Bồ-tát Long Thọ nói rằng, chính Phật muốn thỏa mãn cho những người như Phạm chí Trường Trảo mà nói Bát-nhã.

siêu việt như Phật, như Tổ, thì phải vắng lặng trong từng ý nghĩ, nhận biết thế gian là huyễn hóa, tất cả phiền não là khách trần. Thái hư là bản thể, thanh sắc không lưu giữ, như thế giới, như hư không, đó là bậc đạo nhân hiểu sự, an lạc và thanh tịnh. Muốn gặp đạo nhân thanh tịnh không? ‘*Nhân tôi được cúng tế ông, Mất nạp tặng tôi thấy quý, núi Lăng Châu, sông Lễ Châu.*’¹⁶⁰

Bồ-đề tát-đỏa

Hiểu được Nhân Không, gọi là *Bồ-đề*. Hiểu được Pháp Không, gọi là *Tát-đỏa*. Nhân Pháp đều Không, gọi là *Diệu giác*. Bốn quả của Tiểu thừa, chấp tướng tu hành, tinh tiến khổ hạnh, tu vô lậu, đoạn trần sa hoặc, đắc bốn quả A-la-hán, như con hoẵng riêng nhảy không ngoảnh lại nhìn bày đàn phía sau, thần thông yếu kém, rơi vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, không thể tiếp vật độ sinh. Nếu chẳng kiến tánh thì vạn kiếp không thể thành Phật. Nếu muốn đi vào địa vị Viên đốn thì phải kiến tánh. Nếu đắc kiến tánh thì trong khoảng lật bàn tay chuyển phàm thành Thánh, tự nhiên có cơ duyên ngộ nhập tam muội của Phật, được vô sư trí, tự nhiên trí, đủ loại phương tiện, độ người mê ngộ, đồng đến bờ kia, không còn thọ sinh. Ngoài giáo riêng truyền, chẳng nhọc cho một đao, đi vào pháp môn vô ngại của Viên giác.¹⁶¹ Thế nào là pháp môn vô ngại? ‘*Từ Đông độ đi đến Tây thiên hơn mười vạn dặm.*’

¹⁶⁰ Lăng Châu 朗州 nay thuộc thị trấn Thường Đức, tỉnh Hồ Nam, còn gọi là huyện Vũ Lăng. Lễ Châu 澧州 thuộc tỉnh Hồ Nam. Vị tăng hỏi: “Đầu sào trăm thước làm sao tiến bước?” Tổ Trường Sa Cảnh Sầm 長沙景岑 đáp: “Núi Lăng Châu, sông Lễ Châu.” Vị tăng thưa: “Dạ, chẳng am hiểu.” Tổ Trường Sa nói: “Bốn biển, năm hồ vua giáo hóa trong đó.”

¹⁶¹ Kinh Viên Giác, phẩm Uy Đức Tự Tại: “Đức Thế tôn dạy: Thiện nam tử, viên giác vô thượng, khắp cả mười phương, xuất sinh Như lai và các pháp, nên bản thể vốn đồng đẳng. Bản thể ấy, đối với những người tu hành, thật là nhất trí; nhưng phương tiện thích ứng bản thể ấy thì có vô số, và qui nạp lại, phân loại theo khuynh hướng của người tu hành thì có ba.

Y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố

Sáu chữ ‘*Bát-nhã ba-la-mật-đa*’ đã giải thuyết đầy đủ ở trước. Y theo Bát-nhã thì được đại trí tuệ tối tôn tối thắng, ngộ tánh Bát-nhã thì trên trời dưới đất không có pháp nào bằng.

Thiện nam tử, các vị bồ tát tỏ ngộ viên giác trong sáng, đem cái tuệ giác tỏ ngộ ấy nắm lấy sự cực tĩnh làm chủ yếu mà làm cho các vọng niệm lắng xuống, nên thấy rõ tâm thức là phiền động, tuệ giác cực tĩnh phát sinh. Bụi bặm thân tâm từ đây diệt hẳn, bên trong liền phát ra sự thư thái tĩnh lặng. Do tĩnh lặng như vậy mà tâm thể Như lai mười phương quốc độ biểu hiện trong đó như hình ảnh hiện trong đài gương. Phương tiện như vậy gọi là mặt cực tĩnh xa ma tha.

Thiện nam tử, các vị bồ tát tỏ ngộ viên giác trong sáng, đem cái tuệ giác tỏ ngộ ấy biết tâm thức và căn cảnh toàn là huyễn ảo, nên nổi lên huyễn ảo để diệt trừ huyễn ảo, biểu hiện mọi phương tiện huyễn ảo mà hóa độ cho chúng sinh huyễn ảo. Vì nổi lên huyễn ảo như vậy nên bên trong phát ra sự thư thái đại bi. Các vị bồ tát đều từ đại bi này mà nổi lên việc làm, tuần tự tiến tới. Biết sự quán sát huyễn ảo là không phải huyễn ảo, rồi biết sự quán sát không phải huyễn ảo đó cũng là huyễn ảo : như vậy là huyễn ảo vĩnh viễn thoát bỏ. Việc làm tinh tế như thế này của các vị bồ tát tựa như đất đai tăng trưởng lúa má. Phương tiện như vậy gọi là mặt cực động tam ma bát đề.

Thiện nam tử, các vị bồ tát tỏ ngộ viên giác trong sáng, đem cái tuệ giác tỏ ngộ ấy, không nắm lấy biểu hiện và tĩnh lặng, mà biết thân tâm toàn là chướng ngại. Cái biết ấy không như cái biết của các giác quan, không dựa vào thân tâm chướng ngại, nên vĩnh viễn siêu việt sự bị chướng ngại và sự không chướng ngại, thụ hưởng được trạng thái này: thân tâm và thế giới của thân tâm tuy còn ở trong lĩnh vực bụi bặm, nhưng, như tiếng ở trong hòng chung mà đã được đánh lên, kêu vang ra ngoài, phiền não với niết bàn không thể chận giữ người ấy, và bên trong phát ra sự thư thái vắng lặng. Vắng lặng như vậy là cảnh giới thích ứng của tuệ giác tinh tế, thân tâm của mình hay của người đều không thấu được, chúng sinh tướng hay thọ giả tướng, những khái niệm ấy toàn là ảo tưởng. Phương tiện như vậy gọi là mặt cực thuần thiện na.

Thiện nam tử, ba phương tiện trên đây toàn là sự thích ứng thân nhất đối với viên giác. Mười phương Như lai do ba phương tiện ấy mà trở thành Phật đà. Bao nhiêu phương tiện của mười phương bồ tát, và tất cả sự đồng nhất hay sự dị biệt của bao nhiêu phương tiện ấy, toàn y cứ ba phương tiện như vậy. Ba phương tiện như vậy viên chứng được là được viên giác. Thiện nam tử, giả sử có người tu tập tuệ giác thuần khiết, giáo hóa thành tựu trăm ngàn vạn ức La hán và Duyên giác, không bằng có ai nghe ba pháp môn vô ngại này của viên giác mà thích ứng tu tập, dầu chỉ trong một đơn vị ngắn nhất của thì gian.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

Người xưa nói: “Ngàn ngày học tuệ, không bằng một ngày học Bát-nhã.”¹⁶² Bát-nhã thông thấu, đại quang minh tạng, như người vào biển, chuyển nhập chuyển thâm. Khai mở tri kiến của Phật, tỉnh ngộ tri kiến của Phật, nhập vào tri kiến của Phật. Có đại thần thông, các thứ biến hóa, vô số phương tiện, ứng hiện mọi sắc tướng. Tùy cơ lợi vật, dẫn dắt quần mê, đồng đến bờ kia. ‘Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức’¹⁶³, thể dụng song hành, dung hợp quy nhất. ‘Chỉ có cỗ xe Phật-đà duy nhất, Không hai cỗ xe thứ hai, thứ ba.’¹⁶⁴ Động tĩnh nói bàn, từng câu bình

¹⁶² Truyền Tâm Pháp Yếu, Thiền sư Đoạn Tế ở núi Hoàng Bá: Ngài A-nan ba mươi năm làm thị giả chỉ vì trí tuệ đa văn bị Phật quở: “Người ngàn ngày học tuệ, không bằng một ngày học đạo. Nếu không học đạo, một giọt nước cũng không tiêu.”

¹⁶³ Duy thức: Thành duy thức luận (tr. 48a01): “Thử chư pháp thắng nghĩa, diệt tức thị chân như, thường như kỳ tánh cố, tức duy thức thật tánh.” (此諸法勝義, 亦即是真如, 常如其性故, 即唯識實性) Chân lý tuyệt đối của các pháp, đó là tính như như. Vì trong tất cả thời gian, nó tồn tại như là chính nó. Và chính nó cũng là duy thức tính.

Kinh Đại thừa bản sinh tâm địa quán (No. 0159), tr. 327a21-29: “Thiện nam tử! Tam giới lấy tâm làm chủ. Người quán được tâm thì hoàn toàn giải thoát; người không quán được tâm thì vĩnh viễn trầm luân. Tâm chúng sinh giống như đại địa; năm thú và năm quả từ đại địa sinh ra. Như vậy tâm pháp sinh ra thiện ác của xuất thế gian và thế gian, năm thú, hữu học, vô-học, Độc giác, Bồ-tát, cho đến đức Như Lai. Bởi nhân duyên ấy, ba cõi duy tâm, tâm được gọi là địa. Hết thấy phàm phu, thiện hữu thân cận nghe pháp tâm địa, quán sát đúng lý, tu hành theo lời dạy, mình làm, dạy người, khen ngợi, khuyên gắng, lợi mừng, những người như thế sẽ dứt được ba chương, mau trọn muôn hạnh và chóng được quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác.” Kinh Hoa Nghiêm (No. 0279), phẩm Ly thế gian, tr. 288c05: “Đại Bồ-tát biết tam giới duy tâm, tam thế duy tâm, mà biết rõ tâm đó vô lượng vô biên. Đây là vô đẳng trụ thứ tám.” Kinh Đại thừa nhập Lăng-già (No. 0672), tr.599c07: “Đại Huệ! Thế nào là quán sát sự biểu hiện của tự tâm? Là quán tam giới chỉ là tự tâm, rời ngã, ngã sở, không có hành động tạo tác, không có đến đi, do những chấp trước từ vô thủy huân tập mà thành.” Kinh Hoa Nghiêm, 60 quyển (No. 278), phẩm Thập Địa, tr. 558c09: “Các Bồ-tát ma-ha-tát lại khởi ý niệm: Ba cõi hư vọng, chỉ là do tâm tạo tác; mười hai duyên phần là đều dựa vào tâm.” Kinh Hoa Nghiêm, 80 quyển (No. 279), phẩm Thập Địa, tr. 194a14: “Các Bồ-tát ma-ha-tát này lại khởi ý niệm: Những gì thuộc về ba cõi chỉ là nhất tâm; Như Lai nơi đây phân biệt diễn thuyết mười hai hữu chi mà đều dựa vào nhất tâm như vậy mà thành lập.”

¹⁶⁴ Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện: Duy hữu nhất thừa pháp, Vô nhị diệt vô tam. 唯一乘法, 無二亦無三.

đăng, không rơi đệ nhị kiến, nhất thể đồng quán, bình đẳng chân pháp giới. Không chúng sinh để hóa độ, đâu có sai biệt? Toàn thể không nương, quả và hành viên mãn, gọi là *mật-đa*. Chư Phật ba đời bị hòa thượng Tư Đại¹⁶⁵ một hớp nuốt hết rồi.¹⁶⁶

Hội chẳng? ‘*Kính vỡ sao soi nữa, Hoa rụng khó về cành.*’¹⁶⁷

Tâm vô quái ngại

¹⁶⁵ Nam Nhạc Tôn Giả Tuệ Tư (南岳尊者慧思, 515-577) là cao tăng thời Nam Bắc Triều, người xứ Vũ Tân (nay thuộc tỉnh Hà Nam), thường được người đời gọi là Nam Nhạc tôn giả, hay Tư Đại Hòa Thượng. Ngài là vị tổ sư đời thứ hai của tông Thiên Thai (có thuyết nói là tam tổ). Ham thích Phật pháp từ nhỏ, rất quý mến kinh Pháp Hoa, từng mang kinh vào nghĩa trang đọc tụng. Ngài đọc kinh, nhỏ lệ ròng ròng. Trong mộng thấy Phổ Hiền Bồ Tát đến xoa đầu. Do vậy, đỉnh đầu nổi lên nhục kế. Sau khi xuất gia Ngài đến tham yết Huệ Văn thiền sư ở Hà Nam, được truyền pháp quán tâm. Có lần do than thở bản thân đã để luống uổng thời gian vẫn chưa chứng ngộ, mệt mỏi dựa mình vào vách, bèn hoát nhiên đại ngộ. Ngài là người đề xướng quan điểm Phật pháp đã bước vào thời kỳ suy vi, cần xác lập tín ngưỡng Tịnh Độ Di Đà và Tịnh Độ Di Lạc. Tuy chú trọng hành Thiền thực tiễn, Sư vẫn quan tâm nghiên cứu nghĩa lý. Năm 554, Sư đến Quang Châu, đi khắp nơi thuyết pháp suốt mười bốn năm. Ngài được ngưỡng vọng cũng lắm, mà bị kẻ đố kỵ phỉ báng cũng nhiều. Tại núi Đại Tô ở phía Nam tỉnh Hà Nam, Sư truyền pháp cho sư Trí Khải là học trò kiệt xuất nhất trong các môn đệ. Năm 568, Sư vào vùng Hành Sơn (Nam Nhạc) tỉnh Hồ Nam, ở lại đó suốt 10 năm thuyết pháp, nên được người đời gọi là Nam Nhạc tôn giả. Sau Tuyên Đế lễ thỉnh Sư hỏi đạo, gọi ngài là Đại Thiền Sư. Năm Thái Bình thứ chín, Sư nghiêm nhiên tọa hóa, thọ sáu mươi ba tuổi. Những trước tác của Ngài đa phần là do môn đồ ghi chép lại, nổi tiếng nhất là các bộ Pháp Hoa Kinh An Lạc Hạnh Phẩm Nghĩa, Chư Pháp Vô Tranh Tam Muội Pháp Môn, Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn, Tứ Thập Nhị Tự Môn, Thọ Bồ Tát Giới Nghi.

¹⁶⁶ Nhất khẩu thôn tận 一口吞盡: Một hớp nuốt hết. Ý nói dung chứa tất cả sự vật, không sót. Tắc 11 trong Bích nham lục (Đại 48, 151 trung) chép: Ngài Hoàng bá dạy mọi người rằng: Khuấy nước động châu, một hớp nuốt hết, nấp tạng trong thiên hạ nhảy không ra. Tất cả các người đều là hạng ăn hèm. Theo Hội Nguyên, quyển 2, có công án ‘Tư Đại thôn Phật’ 思大吞佛: Ngài Bảo Chí sai người qua nói với ngài Tư Đại rằng: – Sao chẳng xuống núi giáo hóa chúng sinh? Mắt nhìn trời rộng để làm gì? Sư đáp: – Ba đời chư Phật bị một miệng của tôi nuốt hết, còn có chúng nào nữa để độ.

¹⁶⁷ Phá kính bất trùng chiếu, Lạc hoa nan thượng chi. 破鏡不重照, 落花難上枝.

Đến đây là ngộ được diệu lý của Chân Không, bao la rộng suốt, thanh tịnh bản nhiên. Như Lai và tất cả chúng sinh là *bình đẳng tánh Không*, đối với các bậc tu hành thực sự không có hai, siêu việt cảnh giới ngại và vô ngại.

Người xưa nói: “*Tâm đồng đẳng với giới hạn hư không, Chỉ dạy về pháp hư không đồng đẳng. Khi chứng đắc pháp hư không ấy, Không có là không còn có ý tưởng về phi pháp.*”¹⁶⁸ Ngoại thanh tịnh, nội thanh tịnh, nội ngoại thanh tịnh. Ngoại Không, nội Không, nội ngoại Không, đương thể tức Không. Trời đất chưa có, trước có Không này. “*Có một vật hỗn độn mà thành, sinh trước cả trời đất.*”¹⁶⁹ “*Vô danh là gốc của thiên địa, hữu danh là mẹ của vạn vật.*”¹⁷⁰ Thái Sơ, Thái Thủy,

¹⁶⁸ Kệ phó pháp của Tổ Bà-tu-mật (Vasumitra) cho Tổ thứ 8, Phật-đà-nan-đề (Buddhamitra): Tâm đồng hư không giới, Thị đẳng hư không pháp. Chứng đắc hư không thời, Vô thị vô phi pháp. (心同虛空界, 示等虛空法; 證得虛空時, 無是無非法.)

Kinh Kim Cương: “Nếu những người này còn có ý tưởng chúng sinh thọ giả, còn ý tưởng pháp là còn ngã nhân, chúng sinh thọ giả, còn tưởng phi pháp là còn ngã nhân chúng sinh thọ giả. Vì lý do ấy, đừng nắm lấy pháp, lại càng đừng nên nắm lấy phi pháp. Do ý nghĩa này Như lai thường nói, các vị Tỷ kheo hãy nhận thức rằng pháp Như lai nói tựa như chiếc bè: pháp còn phải bỏ, huống chi phi pháp?” Thượng nhân Trí Quang giải thích: “Chiếc bè để từ bờ nguy hiểm bên này vượt qua bờ an toàn bên kia. Pháp của Phật dạy là như chiếc bè ấy. Bờ bên này là sinh tử, bờ bên kia là niết bàn. Dòng sông là ác pháp phiền não. Qua bên kia rồi bỏ bè mới lên bờ được - trừ ra sau đó dùng bè ấy trở lại đưa người khác cùng qua với. Pháp là thiện pháp của Phật dạy, đối lại, phi pháp là ác pháp mà thiện pháp đối trị. Phi pháp tệ hơn pháp. Như vậy pháp và phi pháp trong ba thứ: ngã, pháp, phi pháp, cắt nghĩa cao và hay đến mấy mà không ăn khớp với từ và ý của ví dụ thì vẫn thấy khó thông. Nay tạm lấy ý của bồ tát Công đức thi (Chính 25/889) và đại sư Tăng triệu (Vạn 38/200B) mà cắt nghĩa như sau, khá thấp và dễ. Ngã là ngã chấp (gồm cả nhân, chúng sinh và thọ giả của ngã chấp ấy). Pháp là chấp có (gồm cả thường kiến của ngoại đạo và pháp số 5 uẩn của tiểu thừa). Phi pháp là chấp không (gồm cả đoạn kiến của ngoại đạo và ác thủ không của đại thừa). Cả ba ý tưởng này toàn là ngã mà biến thể (nên chính văn nói còn ý tưởng, còn ý tưởng pháp, còn ý tưởng phi pháp, thì toàn là còn ngã nhân chúng sinh thọ giả). Vậy ý tưởng là phi pháp, bất nhã là pháp, pháp này đối trị phi pháp kia, khi phi pháp kia hết rồi thì pháp này cũng hết.”

¹⁶⁹ Đạo Đức Kinh, Thượng Thiên: Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh. 有物混成, 先天地生.

¹⁷⁰ Đạo Đức Kinh, chương 1: Vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu. 無名天地之始, 有名萬物之母

Thái Cực: cực đại và cực vi,¹⁷¹ ‘nhìn mà không thấy, ngóng mà không nghe, nắm mà không giữ’,¹⁷² ‘đón nó thì không thấy đầu, theo nó thì không thấy đuôi’,¹⁷³ ‘nắm mắt không thấy hình nó, hai tai không nghe tiếng nó’.¹⁷⁴

Lục Tổ nói: “Ta có một vật, trên chống trời, dưới chống đất, không người biết được. Nếu một phen tự thấy thì vượt qua Phật Tổ, thoát khỏi ba cõi, chẳng còn luân hồi, tự nhận, tự tin, tự gìn giữ, được pháp vô ngại, chắc chắn không có chướng ngại.”¹⁷⁵

¹⁷¹ Liệt Tử trong Xung Hư Chân Kinh viết: Xưa Thánh Nhân lấy Âm Dương bao quát trời đất, mà hữu hình thời sinh ra từ vô hình, nên trời đất dần dà mới có. Cho nên nói: Có Thái Dịch 太易, có Thái Sơ 太初, có Thái Thủy 太始, có Thái Tố 太素. Thái Dịch là giai đoạn chưa có Khí. Thái Sơ là giai đoạn Khí bắt đầu có. Thái Thủy là giai đoạn Hình bắt đầu có. Thái Tố là giai đoạn Chất bắt đầu có. Hỗn Độn là Hình và Chất có đủ. Khí, Hình, Chất có đủ, nhưng chưa chia lìa nhau, cho nên gọi là Thái Cực 太極. Thái Cực là khi vạn vật còn trà trộn, chưa phân ly... Nhìn không thấy, nghe không ra, theo không được nên gọi là Dịch. Dịch không giới hạn, không bến bờ. Dịch biến thành Nhất, Nhất biến thành Thất, Thất biến thành Cửu. Cửu là biến hóa đến cùng cực. Thế rồi lại trở về Nhất. (Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ - Tư Tưởng Lão Học & Sự Bản Địa Hóa Tại Việt Nam)

¹⁷² Đạo Đức Kinh, chương 14: “Thị chi bất kiến, danh viết di; thính chi bất văn, danh viết hy; bác chi bất đắc, danh viết vi. Thử tam giả bất khả trí cật, cố hỗn nhi vi nhất.” (視之不見, 名曰夷; 聽之不聞, 名曰希; 搏之不得, 名曰微. 此三者不可致詰, 故混而為一. Nhìn mà không thấy, gọi là Di. Ngóng mà không nghe, gọi là Hy. Nắm mà không giữ, gọi là Vi. Ba cái ấy không thể phân ra được, vì chúng hỗn hợp làm một.)

¹⁷³ Đạo Đức Kinh, chương 14: Nghênh chi bất kiến kỳ thủ, tùy chi bất kiến kỳ hậu. 迎之不見其首, 隨之不見其後.

¹⁷⁴ Triệu Luận 肇論, mục Khai Tông: Ngũ mục bất đồ kỳ dung, nhị thính bất văn kỳ hưởng. 五目不覩其容, 二聽不聞其響. Ngũ mục là nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn. Nhị thính là nhục nhĩ, thiên nhĩ.

¹⁷⁵ Pháp Bảo Đàn Kinh, phẩm Đốn Tiệm: “Một hôm Tổ bảo chúng: - Ta có một vật không đầu không đuôi, không tên gọi, không danh tự, không lường, không mặt, các người có biết không? Thần Hội bước ra nói: - Đó là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của con đây. Tổ dạy: - Ta đã bảo nó không tên gọi, không danh tự sao người còn gọi là bản nguyên Phật tánh. Như vậy là người chỉ lấy cỏ che đầu, thành môn đồ của bọn trí giả.”

Hội chẳng? ‘*Hài nhi ba tuổi chơi trống bỏi, Cụ già tám chục mặc áo hoa.*’¹⁷⁶

Vô quái ngại

Kinh Thủ Lăng Nghiêm ghi: “*Nếu cái thấy là vật thì ông cũng có thể thấy cái thấy của tôi. Nếu cho rằng đồng thấy sự vật là thấy cái thấy của tôi thì khi tôi không thấy, sao lại không thấy được cái chỗ không thấy của tôi? Nếu nói rằng thấy cái không thấy thì tự nhiên cái đó không phải là cái tướng của cái không thấy; còn nếu không thấy được chỗ không thấy của tôi, thì cái thấy bản nhiên không phải là vật, làm sao lại không phải là ông?*”

Kinh Duy Ma Cật chép: “*Ngài khéo thấu triệt thật tướng các pháp không còn chướng ngại. Con xin kính lạy đáng Như Không Gian Không Dựa Đâu Cả.*”¹⁷⁷

Kinh Viên Giác nói: “*Sự thể ví như hàng trăm hàng ngàn ngọn đèn chiếu sáng một phòng, ánh sáng ngọn đèn nào cũng phổ biến cả phòng mà không phá hoại nhau không hỗn tạp nhau.*”¹⁷⁸ “*Thế nên hết thấy Bỏ-tát, và những người sau này, phải thoát bỏ cho được mọi sự huyễn ảo, cảnh giới hư vọng.*”¹⁷⁹

Trên đây là nói tổng quát về vô chướng ngại.

Hướng Đông đi vô cùng, hướng Tây đi vô cực, ngang dọc tự tại, không đi không đến, không bị trói buộc bởi huyễn cảnh. ‘*Bản nguyên tự tánh thiên chân Phật*’¹⁸⁰, trường kiếp bất hoại, bản thể thanh tịnh, không đi không đến, không đổi không khác, nên gọi là Như Lai.

¹⁷⁶ Bài Niêm trong Khóa Hư Lục: Tam tuế hài nhi bảo hoa cổ, Bát thập lão ông cốn tú cầu. 三歲孩兒抱花鼓, 八十老翁滾繡球.

¹⁷⁷ Kinh Duy Ma, phẩm Phật Quốc: Đạt chư pháp tướng vô quái ngại, Khể thủ như không vô sở y. 達諸法相無罣礙, 稽首如空無所依. H.T Thích Trí Quang dịch.

¹⁷⁸ Kinh Viên Giác, chương Phổ Nhãn, H.T Thích Trí Quang dịch.

¹⁷⁹ Kinh Viên Giác, chương Phổ Hiền, H.T Thích Trí Quang dịch.

¹⁸⁰ Chứng Đạo Ca: 本源自性天真佛.

Muốn thấy Như Lai ư? ‘*Nam có Thiên Thai, Bắc có Ngũ Đài.*’¹⁸¹

Cố

Một chữ ‘cố’, là viên mãn chuẩn tắc, là bất khả thuyết, bất khả thuyết; thuyết cũng bất đắc; vì thuyết bất đắc, nên gọi là *cố*. Không có pháp để thuyết, đó gọi là *thuyết pháp*.

Vô hữu khủng bố

Ngộ được tánh Không, Đông Tây không bàn, Nam Bắc không luận. Không chịu sự ràng buộc của sáng tỏ và mù tối, không cùng vạn pháp làm bạn. Đến đi không bạn lữ, Phật nhãn không thể thấy. ‘*Thường độc hành, thường tản bộ, Đạt giả dạo chơi Niết-bàn lộ.*’¹⁸² Lên trời hướng đến vô cùng, vào đất đi đến vô cực. Núi sông đá vách, đất nước lửa gió, nơi đây qua lại, toàn không cách ngại, đạo tràng bất động. Trong khoảnh sát-na, dạo khắp pháp giới, nghiêng tay đi ngàn dặm, quay về chuyển như bay, mà âm dương chẳng biến động. Tứ Thánh lục phàm không thể trói buộc được nó, ngàn Thánh không làm gì được nó, không chương không ngại, trường kiếp vẫn như nhiên, gọi rằng bậc Tự Tại Đại Giác Kim Tiên¹⁸³.

¹⁸¹ Thiên Thai 天台: tên một ngọn núi ở Thái châu miền Nam Trung quốc. Trí Khải (531-597) đã xiển dương và giảng dạy kinh Pháp Hoa, lập thành một tôn phái nổi tiếng gọi là tông Thiên thai. Ngũ Đài 五臺: tên một ngọn núi ở huyện Ngũ Đài, tỉnh Sơn Tây, miền Bắc Trung quốc, nơi Trường Quán (760-820) đã phát triển phái Hoa Nghiêm. Ý hai câu này nói rằng, dù lập trường hai phái có khác nhau nhưng đều nói đến giáo pháp của đức Phật Thích Ca.

¹⁸² Chứng Đạo Ca: Thường độc hành, thường độc bộ, Đạt giả đồng du niết bàn lộ. 常獨行, 常獨步, 達者同遊涅槃路.

¹⁸³ Đại Giác Kim Tiên 大覺金仙: Từ chỉ cho Phật-đà. Vua Huy Tông nhà Tống đổi Phật-đà thành Đại Giác Kim Tiên. Tống sử Huy Tông Bản Kỷ ghi: Mùa xuân tháng giêng năm Ất mao, niên hiệu Tuyên Hòa năm đầu (1119), vua ban sắc chỉ đổi hiệu Phật-đà là Đại giác kim tiên, Bồ tát là Tiên nhân đại sĩ, tăng là Đức sĩ, (...) nữ quan là Nữ đạo, ni là Nữ đức. Bởi vì thời bấy giờ Phật giáo phải lệ thuộc Đạo giáo, cho nên coi Phật là một trong những vị tiên là ngụ ý hạ thấp Phật giáo. Nhưng ở Ấn độ đời xưa, những người ẩn thân

Bạc ấy đặc biệt siêu việt Phật Tổ đã lâu, quyết định được vô ngại, cứu cánh Viên giác, biến khắp mười phương. Muốn thấy bạc ấy ư? *‘Đồng tử đầu bạc trí khác thường, Nửa đêm canh ba vượt mênh mộng, Tự nhiên qua lại không gián đoạn, Chẳng cần con thuyền với cái phao.’*¹⁸⁴

Viễn ly điên đảo mộng tưởng

Nếu muốn viễn ly thì trước phải đoạn tham dục và trừ khát ái, vì ái là căn bản [của khổ đau và sinh tử]. Người phát tâm tu hành mà có được sự kiến tánh thì ái dục tự trừ. Chúng sinh luân hồi thì không ngừng điên đảo, từ muôn kiếp quá khứ không tin vào Bát-nhã, lang thang sinh tử cho đến ngày nay, bị mê hoặc bởi huyễn cảnh, tham trước năm dục, nghiệp thức miên man, ngày đêm điên đảo. Bao trùm huyễn thân ấy là ba nghiệp ngu tối, không hiểu không biết. Bỗng nhiên tự giác về vô thường, biết mọi sự là huyễn ảo, biến diệt trong từng ý niệm. Đột nhiên giác ngộ, liền biết thân ấy là hoàn toàn vô thể.

tu đạo trong núi rừng thường được gọi là Tiên nhân, hàm ý tôn kính. Còn đức Phật thì được xem là bậc Đại giác vượt lên trên hàng Thanh văn, Duyên giác, cho nên đặc biệt được gọi là Đại giác, Đại tiên. Lại vì thân đức Phật màu vàng ròng, cho nên gọi là Kim tiên; trong các kinh phần nhiều cũng dùng từ Kim tiên để tôn xưng đức Phật chứ không phải như đời sau ở Trung quốc cho danh từ Kim tiên có ý chê bai và hạ thấp đức Phật. [X. Phật tổ thống kê Q.46].

¹⁸⁴ Bạch đầu đồng tử trí do trường, Bán dạ tam canh độ miếu mang, Nhậm vận vắng lai vô gián đoạn, Bất tu thuyền tử dữ phù nang. 白頭童子智猶長, 半夜三更渡渺茫, 任運往來無間斷, 不須船子與浮囊. Niêm tụng kệ trong Khóa Hư Lục của Trần Thái Tông: Một hình hài tử vị ly hương, Ngộ dạ tương nhân độ miếu mang, Cao đạo ưu du vô gián cách, Bất tu thuyền tử dữ phù nang. (沒形孩子未離鄉, 午夜將人度渺茫, 高蹈優游無間隔, 不須船子與浮囊. Cái không hình hài chưa rời quê, Nửa đêm gặp người độ qua mê, Rong chơi mọi nẻo không ngăn cách, Chẳng cần con thuyền với cái phao.) Thuyền tử (con thuyền) dụ cho giáo pháp. Phù nang (túi nổi) dụ cho giới luật.

Người xưa nói: “*Thánh nhân thì không phỏng đoán, không cố chấp, không áp đặt, không ích kỷ;*¹⁸⁵ *không gì nương tựa; không tối, không sáng; không tên, không tướng; không mạnh, không yếu; không sạch, không dơ; không dựng, không làm; không sinh, không diệt; không ngừng, không im; không nói, không thuyết; dứt nghĩ, dứt lo.*”

Dứt hết đường ngôn ngữ, diệt sạch chỗ tâm hành, thật sự là vô khả đắc. Đắc cái vô sở đắc, đạo lý ấy thường tồn. “*Sáng nghe đạo, chiều chết cũng cam lòng.*”¹⁸⁶ Chết rồi, thiêu rồi, không đói, không khát, không lạnh, không nóng, không đứng, không nằm, không ngủ, không nghỉ, không sáu căn, không chín lỗ, không bốn trăm lỗ bốn bệnh¹⁸⁷, không tám vạn bốn ngàn vi trùng, vĩnh viễn không có điên đảo mộng tưởng. Nếu không như vậy mà tỏ ngộ và đi vào cảnh giới thanh tịnh, thì chỉ một niệm ở Diêm-phù mà đã qua tám ngàn năm. Hiểu thì chỉ là khoảng sát-na, không hiểu thì vô số kiếp. Sinh tử nối tiếp sinh tử, lưu chuyển mà bất giác, ngủ dài mộng mị mà chẳng tỉnh, vạn kiếp điên đảo mà không ngừng. Điên đảo tiếp nối điên đảo, chết rồi lại sinh, sinh rồi lại chết, mộng tỉnh rồi mộng, ‘*nư chiêm bao, ảo thuật, bóng nước, ảnh tượng*’¹⁸⁸, lưu chuyển trong thế gian, trong mộng thuyết mộng, không biết hạn kỳ chấm dứt. Nếu có ai đã thông được, thấu suốt được, thì vĩnh thoát điên đảo, đốn đoạn mộng huyễn.

¹⁸⁵ Chánh văn: Vô kỷ vô cố, vô tất vô ngã. 無己無固, 無必無我. Luận Ngữ 論語: Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã 子絕四: 毋意, 毋必, 毋固, 毋我 (Tử Hãn 子罕) Khổng Tử bỏ hẳn bốn tật này: "vô ý" là xét việc thì không đem ý riêng (hoặc tư dục, chủ quan) của mình vào mà cứ theo lẽ phải; "vô tất" tức không quyết rằng điều đó tất đúng, việc đó tất làm được; "vô cố" tức không cố chấp, "vô ngã" tức quên mình đi, không để cho cái ta làm mờ (hoặc không ích kỷ mà phải chí công vô tư).

¹⁸⁶ Luận Ngữ, thiên Lý Nhân: Triều văn đạo, tịch tử khả hỷ. 朝聞道, 夕死可矣.

¹⁸⁷ Tứ bách tứ bệnh 四百四病: Cái thân của con người là do bốn đại: địa, thủy, hỏa và phong giả hợp tổ hợp mà thành, mỗi một đại nào chẳng điều hòa thì phát sinh ra 101 chứng bệnh; nếu cả bốn đại đều chẳng điều hòa với nhau thì, đều phát bệnh hoạn, cộng thành 404 chứng bệnh.

¹⁸⁸ Kinh Kim Cương: Như mộng huyễn bào ảnh. 如夢幻泡影.

Hãy nói hướng về đâu mà đi? ‘*Ngàn Thánh tìm người chẳng thấy vết, Toàn thân ẩn nấp trong thái hư.*’

Cứu cánh Niết-bàn

Cứu xét thân này, xưa nay không có bốn đại ấy. Mê bản thân, chạy theo cảnh, nhận giặc làm con, vọng nhận bốn đại, sáu căn là chính mình. Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, vì vọng tưởng mà chấp trước có ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả, nhận làm bốn điên đảo¹⁸⁹ mà bản thân không hiểu biết, không thể giải thoát. Bỗng nhiên tự tỉnh thức, đối với thân và tâm mình, ngày đêm không rời đương niệm, tự giác tự chiếu, soi hết năm uẩn, thấy rằng, từ vô số kiếp đến nay, vốn tự không có, lặng yên đón ngộ về Không, thực sự không có ngã tướng. Như là tánh viên giác, nó vốn không có Bồ-đề và Niết-bàn, cũng không có ‘thành Phật’ và ‘chẳng thành Phật’. Người xưa nói: “*Nếu ngộ không nhân ngã, Ung dung thoát sáu trần.*”¹⁹⁰

Chữ ‘*cánh*’ là cùng tận vậy. Pháp cùng tận ấy thì rộng suốt quên mình, dứt hết vạn duyên, trong ngoài không khác, lặng lẽ thường yên. “*Sinh diệt diệt rồi,*

¹⁸⁹ Bốn điên đảo: Là 4 cái thấy thác loạn: vô thường tưởng là thường, khổ tưởng là lạc, vô ngã tưởng là ngã, bất tịnh tưởng là tịnh (không tưởng là thật hữu).

¹⁹⁰ Nhược ngộ vô nhân ngã, Tiêu diêu xuất lục trần. 若悟無人我，逍遙出六塵. Lương triều Phó đại sư tụng Kim cương kinh: “Bồ-đề ly ngôn thuyết, Tùng lai vô đắc nhân, Tu y nhị không lý, Đương chứng Pháp vương thân. Hữu tâm cầu thị vọng, Vô chấp nãi danh chân, Nhược ngộ phi phi pháp, Tiêu diêu xuất lục trần.” (菩提離言說，從來無得人，須依二空理，當證法王身。有心俱是妄，無執乃名真；若悟非非法，逍遙出六塵。 Bồ-đề rời ngôn thuyết, Xưa nay không người đắc, Phải theo lý nhị không, Sẽ chứng Pháp vương thân. Có tâm đều là vọng, Không chấp mới gọi chân; Nếu ngộ phi phi pháp, Ung dung thoát sáu trần.) Phi pháp, phi phi pháp: Không phải là pháp, không phải phi pháp, tức không phải nh74ng khái niệm khẳng định hay phủ định theo sự chấp trước.

Tịch diệt là vui.” Toàn thân buông xuống, rời tứ cú, dứt bách phi, ‘*Tri kiến vô kiến, tư tức Niết-bàn*’¹⁹¹, nên gọi là Niết-bàn.

Thế nào là Niết-bàn? ‘*Cách nhau gang tấc, chẳng thấy mặt Thầy*.’¹⁹²

Tam thế chư Phật

Ba đời là quá khứ, vị lai và hiện tại. Quá khứ Trang Nghiêm kiếp có một ngàn đức Phật. Ba đời có ba ngàn đức Phật ra đời. Lại có vô số đức Phật, bất khả thuyết, bất khả thuyết, số lượng không thể cùng tận. Hãy đi tĩnh tọa, quán quá khứ, hiện tại, vị lai đều đồng nhất thể, như hư không. ‘*Không đồng nhất, không mâu thuẫn, không chủ thể, không khách thể. Không phải khái niệm không, không phải khái niệm chấp thủ. Không ở bờ bên này, không ở bờ bên kia, không ở giữa dòng, [vậy mà hóa độ chúng sinh]. Quan sát thân thể tịch diệt mà không vĩnh diệt*.’¹⁹³ Nếu ai đối với thân thể của Phật mà đốn ngộ, thì hãy *trực hạ thừa đương*, Không kiếp dằng dặc, đều ở ngay bây giờ. Phóng quang động địa, nhân pháp đều quên, không thấy quá khứ, hiện tại và vị lai, cứu cánh đi đến vô tận địa, tức là Không không. ‘*Ngã với vô ngã là hai, nhưng ngã còn không thể thủ đắc, vô ngã làm sao*

¹⁹¹ Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tri kiến lập tri, tức vô minh bản, tri kiến vô kiến, tư tức Niết-bàn” (知見立知, 即無明本. 知見無見, 斯即涅槃. Thấy biết mà dựng lập thấy biết là gốc của vô minh. Thấy biết mà không dựng lập thấy biết, đó là Niết-bàn.)

¹⁹² Thiền sư Khánh Chư Thạch Sương (806-888) ở trong phương trượng, có vị Tăng ở ngoài song hỏi: - Cách nhau mấy tấc, vì sao chẳng thấy mặt Thầy? Sư đáp: - Ta nói khắp hết chẳng từng giấu. Vị Tăng ấy đến hỏi Tuyết Phong: - Khắp hết chẳng từng giấu, ý chỉ thế nào? Tuyết Phong đáp: - Chỗ nào chẳng phải Thạch Sương. Vị Tăng trở lại thuật lời Tuyết Phong cho Sư nghe. Sư bảo: - Cái lão này sao mà chết gấp. Tuyết Phong nghe lời này, tự nói: - Lão tăng tội lỗi.

¹⁹³ Kinh Duy Ma Cật, phẩm Kiến A-súc Phật: “Bất nhất tướng, bất dị tướng, bất tự tướng, bất tha tướng, phi vô tướng, phi thủ tướng; bất thử ngạn, bất bỉ ngạn, bất trung lưu, nhi hóa chúng sinh. Quán ư tịch diệt diệt bất vĩnh diệt. 不一相, 不異相, 不自相, 不他相, 非無相, 非取相; 不此岸, 不彼岸, 不中流, 而化眾生. 觀於寂滅亦不永滅.

thủ đắc’.¹⁹⁴ Không sắc cũng không có, ba đời tự Không. Chẳng phải thức diệt mới Không, mà vì thức tánh tự Không; tiền tế, hậu tế đều Không, nên trung tế cũng Không, chẳng kẹt vào Không.

Muốn thấy ba đời chư Phật ư? ‘Trấn châu củ cải còn thể được, Thanh châu áo vải lại phiền người.’¹⁹⁵

Y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố

Bát-nhã ba-la-mật-đa là mẹ của chư Phật ba đời, và từ Bát-nhã ấy lưu xuất chư Phật mười phương. Tu hành y theo Bát-nhã ba-la-mật-đa thì hạnh viên mãn và quả viên mãn, thành Đẳng chánh giác. Tu hành mà rời Bát-nhã ba-la-mật-đa thì dẫu trải qua nhiều kiếp vẫn phải giữ sự siêng khó mới có hy vọng thành đạo quả thuộc pháp Tiểu thừa. Rơi vào pháp hữu vi của Thanh văn, Duyên giác, Bích chi Phật, thì trọn không thành tựu tất cả Thánh quả. Phải thường tinh tiến, giữ gìn khả năng mình có, y theo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành thì [gọi là] chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, là không phải A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thế nên nói là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tu hành thì không ngoài ước

¹⁹⁴ Kinh Duy Ma, phẩm Bất Nhị.

¹⁹⁵ Trấn châu la bốc do tự khả, Thanh châu bố sam cánh sầu nhân. 鎮州蘿蔔猶自可, 青州布衫更愁人. Hai câu này có trong Niêm Tụng của Khóa Hư Lục. Trấn châu la bốc 鎮州蘿蔔: Củ cải Trấn châu, tên của một công án Thiền tông: Có một vị tăng hướng về Triệu Châu Tùng Thẩm 趙州從諗 mà tham vấn, hỏi có phải ngài Triệu Châu đã gặp ngài Nam Tuyền Phổ Nguyên 南泉普愿. Bích Nham Lục, Tắc 30, Triệu Châu Củ Cải To: “Tăng hỏi Triệu Châu: Được nghe Hòa thượng thân kiến Nam Tuyền phải chăng? Triệu Châu đáp: Ở Trấn Châu phát xuất củ cải to.”

Thanh Châu bố sam 青州布衫: Bích Nham Lục, Tắc 45, Triệu Châu Áo Vải Bảy Cân: “Có một vị Tăng hỏi ngài Triệu Châu: ‘Muôn pháp về một, một về chốn nào?’ Sư đáp: ‘Ta ở Thanh châu làm một áo vải nặng 7 cân.’ Bố sam tức là áo thiên sam bằng vải. Thiên sam 偏衫 là một thứ áo lót cộc tay, treo từ trên vai phía trái xuống, bọc che hai bên nách.

lệ nhất quán này¹⁹⁶ để đạt quả vị Vô thượng chánh chân. “*Chỉ một việc này là việc đích thật, còn hai việc khác không đích thật đâu.*”¹⁹⁷ Đó là pháp thượng thừa viên đốn. Bỏ qua pháp ấy mà tu hành thì không có sự thể ấy. Đó là ‘*giáo ngoại biệt truyền*’. Sau cùng, đức Thế Tôn đưa lên một cành hoa, chỉ có tôn giả Ca-diếp mỉm cười. Đó là ‘*chánh pháp nhãn tạng*’ được phó chúc cho trưởng lão Ma-ha Ca-diếp. Pháp ấy là sự tự chứng tự nội bản thể, không cho phép ghi nhận. Ở giai vị Viên đốn, Bồ-tát một mình phô bày pháp, tham học thiện tri thức, nương nhờ sự chỉ dạy của các bậc Thầy, có duyên sẽ khế ngộ giáo lý Viên đốn. Không có tình cảm con người, hề có tình cảm tư niệm mà truyền thọ, thì đó là pháp của ngoại đạo. Có sự phó chúc, có sự truyền thọ, có được có mất, có giáo có thọ, toàn là tà kiến của ngoại đạo. Căn bản sinh tử, chư Phật ba đời, Tổ sư sáu đời, tự tu tự chứng. “*Tông ta không ngữ cú, không một pháp dạy người.*”¹⁹⁸ Nếu có một pháp để thọ ký thì không được mệnh danh là Thích Ca. Nếu bị người dạy hư thì phải cấp tốc từ chối. Đại khái, làm người thì phải tử bản thân tuôn trào trần bảo vô giá, sử dụng vô tận, lợi vật ứng cơ, trọn không bủn xỉn. *Bậc thượng căn một nghe ngàn ngộ, đủ đại tổng trì; bậc trung và hạ cơ nghe nhiều càng không tin*¹⁹⁹.

¹⁹⁶ Cách dạy nhất quán của Phật trong kinh Kim Cương: sở ngôn, tức phi, thị danh.

¹⁹⁷ Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện: Duy thử nhất sự thật, Dư nhị tắc phi chân. 唯此一事實, 餘二則非真.

¹⁹⁸ Thiền sư Đức Sơn thượng đường nói: “Tông ta không ngữ cú, không một pháp dạy người.” (Ngã tông vô ngữ cú, diệc vô nhất pháp dữ nhân. 我宗無語句, 亦無一法與人.) Kinh Kim Cương: “Trưởng lão Thiện hiện, đừng nói Như lai có cái ý nghĩ Như lai thuyết pháp. Đừng nói như vậy. Lý do tại sao, vì nói Như lai có sự thuyết pháp thì thể chính là phủ báng Như lai Ồ Nói thể tức là không khéo lĩnh hội ý nghĩa đã được Như lai tuyên thuyết. Trưởng lão Thiện hiện, gọi là thuyết pháp là thật không có pháp gì để thuyết, như thế mới được gọi là thuyết pháp.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

¹⁹⁹ Chứng Đạo Ca: Thượng sĩ nhất quyết nhất thiết liễu, Trung hạ đa văn đa bất tín. 上士一決一切了, 中下多聞多不信.

Nói đây là pháp khó tin, là sự hy hữu, hội chẳng? ‘*Dưới trăng cây không bóng, Giữa trưa điểm canh ba.*’²⁰⁰

Đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề

Đây là Phạn ngữ. *A*, là vô. *Nậu-đa-la*, là thượng. *Tam-miệu*, là chánh. *Tam-bồ-đề*, là chân. Đây gọi là *Vô thượng chánh chân*, cũng gọi là *Thành Đẳng chánh giác*. Bốn danh từ ấy²⁰¹ phải là tự thấy, bởi lẽ *kiến đạo* mới *tu đạo*. Năm ngàn bốn mươi tám quyển nói về bốn danh từ ấy, tốt cùng mà không hết. Chư Phật quá khứ nói cũng không hết. Chư Phật ba đời, tất cả Hiền thánh đều y theo bốn danh từ ấy, tu chứng đều về Thánh quả. Chư Phật ba đời lúc sơ phát tâm đều cầu bốn danh từ ấy, gọi là đắc quả vị, viên thành *Đẳng giác*, *Diệu giác*. Chúng sinh thời kỳ cuối cùng y theo đây tu hành, tức pháp Bát-nhã Ba-la-mật-đa đưa đến *Tam-miệu Tam-bồ-đề*, thì lặng yên đốn ngộ, tự thấy *Vô thượng chánh chân*, tự biết sẽ làm Phật, vượt qua Thánh quả.

Muốn thấy Vô thượng chánh chân ư? ‘*Núi sông và đại địa, Toàn lộ Pháp vương thân.*’²⁰²

²⁰⁰ Nguyệt hạ thụ vô ảnh, Nhật ngộ dã tam canh. 月下樹無影，日午打三更。Tuệ Trung Thượng Sĩ: “Tâm vương vô tướng diệc vô hình, Nhân tự ly châu dã bất minh, Dục thức giá ban chân diện mục, Ha ha nhật ngộ dã tam canh. (心王無相亦無形，眼似驪珠也不明。欲識這般真面目，呵呵日午打三更。Tâm vương không tướng cũng không hình, Mắt tự ngọc ly cũng chẳng minh, Muốn biết sao là khuôn mặt thực, Ha ha trưa nắng điểm ba canh.) Có thơ thiền: Hoàng hôn bất kích cổ, Nhật ngộ dã tam canh. (黃昏不擊鼓，日午打三更。Hoàng hôn chẳng đánh trống, Giữa trưa điểm canh ba.)

²⁰¹ A/nậu-đa-la/ Tam-miệu/ Tam-bồ-đề = Vô thượng chánh chân = Thành Đẳng chánh giác = Chánh đẳng chánh giác.

²⁰² Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ 永明延壽 chứng ngộ khi nghe tiếng một bó củi rơi xuống đất: “Phác lạc phi tha vật, Tung hoành bất thị trần; Sơn hà cập đại địa, toàn lộ Pháp Vương thân.” (撲落非他物，縱橫不是塵；山河及大地，全露法王身。Rơi rớt, đâu vật khác, Dọc ngang chẳng phải trần; Núi sông và đại địa, Toàn lộ Pháp vương thân.)

Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa

Chư Phật quá khứ thương tưởng chúng sinh, sử dụng trăm thứ trí tuệ và đủ mọi phương tiện, tùy cơ lợi vật. Khám bìn tượng đất²⁰³, quyển vàng trực đỏ²⁰⁴, tất cả ngữ ngôn, nói nhân nói quả, chỉ dùng giả danh từ để dẫn dắt hữu tình. Thiên đường địa ngục, chư Phật ngôi bậc, ba Hiền mười Thánh, Duyên giác Thanh văn, bốn Thánh sáu phàm, lần lượt tiếp dẫn. Bổng nhiên tự ngộ, thấy tự bản tánh, vươn lên địa vị Phật, một mạch vào Như Lai địa, ngôi bậc Viên đốn, không lập danh từ. Nếu chẳng kiến tánh, hướng ngoại tìm cầu, trọn không thành tựu. Giác ngộ thì có năm, có tháng, có ngày, có giờ, vậy do sự gì mà phát minh sự giác ngộ? Học đạo trước phải có cơ duyên ngộ đạo. Không có cơ duyên mà tách rời văn tự, đi đứng ngồi nằm, thì chỉ là gấp rút tự cứu. Một khi đốn ngộ, sẽ cho người ngộ sự đồng tu đồng học, đồng ngộ đồng chứng, đồng khế đồng đạo, người ấy cùng chư thượng thiện nhân tụ hội một chỗ. Nếu tự học giải, thì trở thành người tìm cầu, chấp trước tà kiến của ngoại đạo, sinh tử mỗi đường, tùy nghiệp thọ báo, không thể chia sẻ với ai. Sao không thấy tôn giả Tu-bồ-đề tu hành trước cả số kiếp chấm bụi²⁰⁵, thẳng

²⁰³ Triệu Châu Lục: “Có vị tăng hỏi: - Thế nào là Phật? Sư bảo: - Ở trong điện. Tăng hỏi: - Trong điện đâu không phải là khám bìn tượng đất? Sư đáp: - Phải. Tăng hỏi: - Thế nào là Phật? Sư bảo: - Ở trong điện.”

²⁰⁴ Hoàng quyển xích trục 黃卷赤軸: Cũng gọi Hoàng quyển chu trục 黃卷朱軸, Hoàng chỉ chu trục 黃紙朱軸. Chỉ cho kinh điển của Phật giáo. Vì văn kinh được viết trên giấy vàng rồi dùng cái trục màu đỏ để cuộn lại. Cứ theo Duy ma kinh lược số thủy dụ ký, quyển 1, thì vào khoảng năm Trinh quán (627-649) đời Đường, vua ra lệnh dùng giấy vàng viết kinh để phòng ngừa mối mọt ăn hại. Y cứ vào đó mà suy đoán, thì kinh điển Phật giáo được viết chép trên giấy vàng bắt đầu từ năm Trinh quán trở về sau. Theo một truyền thuyết khác, vào năm Vĩnh bình thứ 10 (63), theo lời cầu xin của đạo sĩ Chử Thiện Tín 褚善信, vua Minh đế nhà Hậu Hán ra lệnh đốt kinh của Phật giáo và Đạo giáo để xem thật giả thế nào, thì sách vở của Đạo giáo đều cháy thành tro, còn kinh điển của Phật giáo thì khói xông thành màu vàng, trục biến thành màu đỏ rực, vì thế được gọi là Hoàng quyển xích trục. [X. luận Truyền pháp chính tông, Q.hạ; Bắc sử, Q.72]

²⁰⁵ Trần điểm kiếp 塵點劫: Kiếp chấm bụi. Đây là số kiếp ví dụ thời gian lâu xa kể từ khi đức Phật Đại thông trí thắng diệt độ đến nay trong phẩm Hóa thành dụ kinh Pháp hoa. “Ví như có người tận lực mài

đến nơi đại hội của đức Thích Ca, mà chỉ đắc Giải Không Đệ Nhất²⁰⁶. Từ hội Phương Đăng đến kinh Kim Cương Bát-nhã, tôn giả Tu-bồ-đề thừa thỉnh ‘tứ cú kệ’²⁰⁷, rồi suốt đốn ngộ, rơi lụy mà khóc, tự xúc cảm rằng: “*Từ khi có được con mắt tuệ giác cho đến ngày nay, con chưa nghe được kinh điển thâm diệu như hôm nay.*” Chư Phật ba đời đều từ kinh này mà ra. Kinh này như thế nào? Muốn biết kinh này không? ‘*Tây Cù-da-ni, Bắc Úc-đan-việt.*’²⁰⁸

Thị đại thần chú

Thần chú này cũng là Tâm chú *Chúng sinh cụ túc*, cũng là pháp môn *Chúng sinh tâm nhất địa*. Có được pháp môn này là có được đại thần thông, bắt tà dụng chánh, biến đất bằng thành vàng ròng, khuấy sông dài làm sữa béo, “*trên đầu cộng lông hiện cõi Phật, trong mỗi vi trần chuyển pháp luân.*”²⁰⁹ Tự nhiên thuần thực²¹⁰,

hết đất cõi đại thiên thành ra mực cả, rồi đi qua hết một ngàn quốc độ mới chấm một chấm lớn bằng hạt bụi. Chấm lần cho đến hết sạch mực ấy. Rồi bao quốc độ người ấy đi qua chấm hay không chấm đều nghiền thành bụi, mỗi một hạt bụi là một thời kỳ.”

²⁰⁶ Khi Phật nói kinh Bát Nhã, trong số 1.250 vị đại A-la-hán nói chung, 10 đại đệ tử nói riêng, người thấu hiểu Không trí hơn hết là tôn giả Tu-bồ-đề, bậc Giải Không Đệ Nhất.

²⁰⁷ Tứ cú kệ: Chỉnh cú bốn câu. Chỉ cho đơn vị trong lối tính chữ xưa của kinh sách Phật giáo Ấn, cứ 32 chữ, bất cứ bắt đầu từ đâu, là một kệ 4 câu, mỗi câu 8 chữ. Chỉnh cú bốn câu là một đoạn văn bao hàm nghĩa chính yếu của pháp thoại. Kinh Kim Cương: “Trường lão Thiện Hiện, nhưng nếu có ai từ pháp thoại này tiếp nhận, ghi nhớ đầu là chỉ được chỉnh cú bốn câu, và biết đem nói cho bao người khác, thì phước người ấy vẫn hơn người trước (: người bố thí bảy loại vàng ngọc chất đầy đại thiên thế giới).” (H.T Thích Trí Quang dịch) Tứ cú kệ trong kinh Kim Cương có thể hiểu là bài kệ: “Nhất thiết hữu vi pháp, Như mộng huyễn bào ảnh, Như lộ diệc như điện, Ứng tác như thị quán.” “Nhược dĩ sắc kiến ngã, Dĩ âm thanh cầu ngã, Thị nhân hành tà đạo, Bất năng kiến Như Lai.”

²⁰⁸ Tây Cù-da-ni 西瞿耶尼 (S: Aparagodāniya) = Tây Ngưu hóa châu 西牛貨洲. Bắc Úc-đan-việt 北郁單越 (S: Uttarakura) = Bắc Câu lô châu 北俱盧洲.

²⁰⁹ Kinh Lăng Nghiêm: “Ư nhất hào đoạn hiện Bảo Vương sát, tọa vi trần lý chuyển Đại Pháp luân” 於一毫端現寶王刹, 坐微塵裏轉大法輪.

cũng có thể giết chết người, cũng có thể cứu sống người. Thần chú này, cử tâm động niệm, ngoại đạo hoảng hồn; phản chân quy nguyên, ma cung chấn động. Thần chú bí mật của Như Lai, muốn biết chú này không? ‘*Thần thông cùng diệu dụng, Gánh nước và bữa củi.*’²¹¹

Thị đại minh chú

Tâm quang phát hiện, thần chú này chiếu trời chiếu đất, quét sạch càn khôn. Thần chú này trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới, ánh sáng rực rỡ, soi khắp mười phương, ôm trọn pháp giới. Đại quang minh tạng vượt cả nhật nguyệt, không chỗ nào là không chiếu sáng, đó là *đại minh chú* (: thần chú rất chói sáng). Muốn biết thần chú này không? ‘*Đào ao không đợi trăng, Ao thành trăng tự đến.*’²¹²

Thị vô thượng chú

Thần chú này là tối thượng, không gì vượt qua, đó là vua của các thần chú. Thần chú này là đệ nhất, các thần chú khác không thể sánh bằng, không thể vượt qua. Tất cả vạn pháp, không pháp nào không từ tâm chú này lưu xuất. Thần chú mà không gì vượt qua, gọi là vô thượng chú. Muốn thấy thần chú này ư? ‘*Dưới núi Trượng Lâm roi rể tre.*’²¹³

²¹⁰ Tín thủ niêm lai 信手拈來 = Tùy thủ niêm lai 隨手拈來: cầm nắm đông tây, theo tay cầm lại, dụng ý hết sức tự nhiên.

²¹¹ Thần thông tịnh diệu dụng, Vận thủy cập ban sai. 神通並妙用, 運水及搬柴. Hai câu trong bài kệ mà cư sĩ Bàng Long Uẩn trình lên thiền sư Thạch Đầu.

²¹² Hòa thượng Mật Am 密菴 (1118-1186) thượng đường, nói: “Trước ngày 15, đào ao không đợi trăng, sau ngày 15, ao thành trăng tự đến. Chính đáng là ngày 15, thối sáo không lỗ, xướng khúc ca thái bình. Phật và chúng sinh, đồng thanh xướng hòa.”

²¹³ Trượng Lâm sơn hạ trúc căn tiên. 杖林山下竹根鞭. Trượng Lâm là nơi mà ngoại đạo dùng gậy trúc để đo lường thân Phật. Có ngoại đạo hoài nghi thân Phật có phải là trượng sáu không, nên dùng thước đo thử thân Phật cuối cùng cao bao nhiêu, nhưng đo mãi mà vẫn không hết.

Thị vô đẳng đẳng chú

Thần chú này không có ngần mé, không thể so sánh. Dem các thần chú khác so sánh với thần chú này thì không thể được. Thần chú này là sự hy hữu trong thế gian, cho nên nói là ‘thần chú khó tin’. Phải tự thấy thần chú này, phải tự thừa nhận. ‘*Bất khả thuyết, bất khả thuyết.*’ Muốn thấy thần chú này ư? ‘*Ba cân gai, lạc đà hai chân giấu ở Bắc đẩu.*’²¹⁴

Năng trừ nhất thiết khổ

Lòng Phật thương xót chúng sinh rơi vào Ta-bà, lang thang nhiều kiếp, thọ khổ vô cùng, nên sử dụng các thứ phương tiện để cứu độ chúng sinh, đồng về Cực lạc. Đức Thế Tôn cảm thán rằng: “*Ta nhiều kiếp quá khứ, Từng làm thân chó trắng, Xương chất như Tu-di, Xin chó mẹ dòng sữa, Nhiều như nước biển cả.*”²¹⁵ Đức Phật đại từ bi, xuất hiện ở cuộc đời, cứu độ các chúng sinh, cùng ra khỏi nhà lửa, nhưng vì chúng sinh tham đắm năm dục, không có thời kỳ thoát ra. Nếu có người tin chắc rằng, Tổ Đạt Ma đến từ phương Tây, ‘*trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật*’, không quên chánh niệm, bỗng nhiên kiến tánh, tự biết sẽ làm Phật, ‘*Tâm ấy là Phật*’, cầu ra nhà lửa, thoát hẳn luân hồi, không còn thọ sinh. Tự tin một đi không quay đầu, chờ đợi đức Di Lặc hạ sinh, tùy cơ lợi vật, ứng hiện các thân hình, đủ mọi phương tiện, hóa độ quần sinh. Chư Thánh xưa nay, tinh tiến

²¹⁴ Ma tam cân, lưỡng cước lạc đà tàng bắc đẩu. 麻三斤，兩腳駱駝藏北斗。

²¹⁵ Bồ Tát Tùng Đầu Suất Thiên Giáng Kinh 菩薩從兜術天降神母胎說廣普經 (Bồ Tát Xứ Thai Kinh 菩薩處胎經), No. 384, phẩm Toàn Thân Xá-lợi: “Ta từ vô số kiếp, Qua lại đường sinh tử, Xá thân lại thọ thân, Không lìa sinh bào thai. Nghĩ việc Ta trải qua, Nhớ rõ không sai sót, Thường làm thân chó trắng, Xương chất ước Tu-di. Lấy kim đâm xuống đất, Đều gặp thân thể Ta, Huống gì chó màu khác, Số ấy không thể lường.” (tr. 1030b28)

khổ hạnh, mới thấy bản tánh của mình. Tâm tâm, niệm niệm, xứ xứ đều gặp ông, hãy nói chỗ đi sau cùng là đâu?

Hội chẳng? *‘Xứ xứ gặp đường về, Thời thời đến cố hương, Xưa nay thành hiện sự, Cần gì đợi nghĩ lường.’*²¹⁶

Chân thật bất hư

Tất cả chư Phật thuyết thần chú này để độ thoát hữu tình. Chân thật bất hư, là lời nói chẳng khác, lời nói không dối. *“Chứng thật tướng, không nhân pháp, Sát-na diệt sạch A-tỳ nghiệp.”*²¹⁷ *“Hễ có tướng thì tướng ấy toàn là giả dối.”* Chỉ có tướng của vô tướng này là tướng chân thật. Cả Đại thiên đều hoại, tướng ấy chẳng hoại, vì gì chẳng hoại? Vì đồng Đại thiên.²¹⁸ *‘Hoại cùng chẳng hoại, chủ vẫn thế; Muốn biết trong am người bất tử, Đâu rồi đây da hiện nay có.’*²¹⁹ Đây da chắc chắn hoại, người chủ ấy chẳng hoại.

Người xưa nói: *“Trăm hài đều vỡ tan, Một vật giữ sáng mãi.”*²²⁰

Kinh ghi: *“Tôi đem viên ngọc vô giá buộc vào trong áo anh. Nó đang còn kia. Sao anh không biết, phải ngày đêm kiểm soát cực nhọc.”*²²¹ Bỗng nhiên tìm

²¹⁶ Thiền sư Thần Chiếu Bản Như 神照本如 (981-1051): Xứ xứ phùng quy lộ, Đầu đầu đạt cố hương, Bản lai hiện thành sự, Hà tất đãi thương lượng? 處處逢歸路, 頭頭達故鄉. 本來現成事, 何必待思量? [Chánh văn: 處處逢歸路, 時時複故鄉. 古今成現事, 何必待商量.]

²¹⁷ Chứng Đạo Ca: Chứng thật tướng, vô nhân pháp, Sát na diệt khước a tỳ nghiệp. 證實相, 無人法, 剎那滅卻阿鼻業

²¹⁸ Có vị tăng hỏi Tổ Đại Tùy: “Kiếp Hòa thiêu hết, Đại thiên đều hoại. Chưa rõ cái ấy hoại hay chẳng hoại?” Tổ Tùy đáp: “Hoại”. Vị tăng rằng: “Như thế thì theo nó đi ư?” Tổ Tùy rằng: “Theo nó đi”. Lại có vị tăng hỏi Tổ Long Tế: “Kiếp Hòa thiêu hết, Đại thiên đều hoại. Chưa rõ cái ấy hoại hay chẳng hoại?” Tổ Tế đáp: “Chẳng hoại”. Vị tăng rằng: “Vì sao chẳng hoại?” Tổ Tế đáp: “Vì đồng Đại thiên”.

²¹⁹ Thảo Am Ca của thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên.

²²⁰ Thiền sư Thanh Lương Thái Khâm 清涼泰欽 (?-974): Bách hài câu hội tán, Nhất vật trấn trường linh. 百骸俱潰散, 一物鎮長靈.

thấy viên ngọc Ma-ni mà mọi người không hay biết gì hết. Như Lai tạng ẩn bên trong tâm thức, phải đích thân nhận biết. Dầu nhận biết được nó, nhưng kiến đạo thì dễ, còn thủ đạo mới khó. Muốn thấy viên ngọc vô giá ấy không? ‘*Sớm ngắm mây trời băng lãng, Chiều nghe nước chảy róc rách.*’²²²

Cố thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa chú

Câu này kết lại những phương tiện ở trước, ngũ ngôn đều quay về một, đủ đại tổng trì, cùng trở về pháp ‘*nhất tâm*’.

Người xưa nói: “*Nên quán thể vạn hữu, Hết thấy do tâm tạo.*”²²³ Người mê gọi là tình thức, sau khi chết thọ luân hồi. Người ngộ gọi là thần chú bí mật, được pháp vô sinh. Như Lai có mật ngữ, Ca-diếp có mật tạng ngữ. Ai chuyên tâm thọ trì thần chú này thì công hạnh viên mãn. Thường trì chú này, quỷ thần rời xa, chư thiên lắng nghe, luôn hoan hỷ. Muốn thấy thần chú này ư? *Không ở ngoài, không ở trong, không ở khoảng giữa và trong ngoài, hãy nói nó ở chỗ nào?*

Hội chăng? ‘*Thượng Đại nhân chỉ có Khâu mà thôi.*’²²⁴ Lắng nghe, lắng nghe!

Tức thuyết chú viết

²²¹ Kinh Pháp Hoa, phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký.

²²²Triều khán vân phiến phiến, Mộ thính thủy sần sần. 朝看雲片片,暮聽水潺潺.

²²³ Kinh Hoa Nghiêm: “Nhược nhân dục liễu tri, Tam thể nhất thiết Phật, Ứng quán pháp giới tánh, Nhất thiết duy tâm tạo.”

²²⁴ Thượng đại nhân, Khâu ất dĩ, hoá tam thiên, thất thập sĩ, nhĩ tiểu sinh, giai tác nhân, khả tri lễ dã.” (上大人, 丘乙己, 化三千, 七十士, 爾小生, 八九子, 佳作仁, 可知禮也. Bậc Thượng Đại nhân chỉ có Khổng Khâu mà thôi, bậc đã giáo hoá được ba ngàn đồ đệ, bảy mươi hai hiền sĩ. Chúng học trò ấy, tám chín đứa, đã có thể làm được điều nhân và khá biết về lễ vậy.) Từ thời Trần cho tới thời Nguyễn, trẻ con khi mới tập viết chữ Hán đều phải biết 25 chữ Hán cơ bản, gọi tắt là Thượng đại nhân (上大人).

Lặp lại bốn ‘yết-đế’ là để ủng hộ người trì kinh, không rời hai bên người ấy. Thuận niệm hay nghịch niệm bốn ‘yết-đế’, thì hết thấy mong cầu của thế gian đều được thỏa mãn.

Hội chăng? ‘*Mưa qua rêu phong mượt, Xuân đến cỏ tự sinh.*’²²⁵

Yết-đế, yết-đế

Phản quan tự kỷ thì đón Không, trong Không còn có Không. Không thấy có cái Không, vạn duyên dứt sạch. Tất cả việc thiện ác đã làm trong quá khứ, huyền hóa và năm uẩn rỗng không dứt sạch, trần lao và vọng niệm một lúc trừ hết, trong thái hư mây may chẳng vướng. *Yết-đế* thứ nhất là nhân Không. *Yết-đế* thứ hai là pháp Không. Nhân pháp đều Không, hai Không cùng mất, nên gọi là yết-đế, yết-đế.

Hội chăng? ‘*Chẳng nhọc treo gương đá, Trời sáng tự phân minh.*’²²⁶

Ba-la-yết-đế

Đạt đến Không và vô sở Không, thì sinh tử vĩnh viễn đoạn, cùng đến bờ bên kia, không còn thọ sinh nữa, thế nên nói: Ba-la-yết-đế.

Hội chăng? ‘*Trăng treo ngọn Trung Phong, Về phải qua Biệt sơn.*’²²⁷

Ba-la-tăng-yết-đế

Đây là cảnh giới thanh tịnh của chư Phật, trong cõi ngũ dục trần lao mà không có nhiễm ô. Trộn lẫn ma giới, đi với dị loại, rông rã hỗn tạp, phạm Thánh

²²⁵ Vũ quá môi đài nhuận, Xuân lai thảo tự sinh. 雨過莓苔潤, 春來草自生.

²²⁶ Bất lao huyền thạch kính, Thiên hiếu tự phân minh. 不勞懸石鏡, 天曉自分明. Trong bài Sự Lý Dung Thông, thiền sư Minh Châu Hương Hải đã trích dịch hai câu này: “Đêm chẳng ngửa nhọc treo gương đá, Ban sáng ngày trời đã phân minh.”

²²⁷ Nguyệt thượng Trung phong đỉnh, Hoàn ưng quá Biệt sơn. 月上中峰頂, 還應過別山.

đồng cư, nghịch hành thuận hành, Thánh hiền khó lường, trở về nguồn cội, về gốc được ý, thế nên nói: Ba-la-tăng-yết-đề.

Hội chẳng? *‘Từ khi trâu đất húc vào biển, Thằng đến ngày nay không thấy dấu.’*²²⁸

Bồ-đề tát-bà-ha

Bồ-đề, là ban đầu. *Tát-bà-ha*, là cuối cùng. Phát tâm bồ-đề, tu hành dũng mãnh, ngày đêm hành đạo, tu hạnh đầu đà, tinh tiến khổ hạnh, tu hành tiêm tiến, trọn không thoái chuyển. Giữ mãi cần khổ, bỗng nhiên ngộ đạo, thấu bản tánh là Không, tức là bồ-đề. Siêu xuất ba cõi, biết cái không phải đối tượng của hiểu biết, đắc cái không phải đối tượng thủ đắc, vắng lặng trong sáng, trú xứ cực lạc, khéo nói vô cùng, nên gọi là tát-bà-ha.

Xem đọc đến đây, rỗng không đốn ngộ, rơi lệ thương khóc, vui quá nên khóc. Bằng được như thế, muốn báo ân Phật, thì rộng mở sự ấn tống pháp thí, nói tuệ mạng Phật. Nếu không tỉnh ngộ, không gặp người tri âm, thì uổng phí cuộc đàm luận trong ngày giá lạnh. Còn có ‘một câu cuối cùng’ mà chưa dám gởi gắm!

*‘Thêu đôi uyên ương cho chàng xem, Chớ đưa kim vàng trao cho người.’*²²⁹

²²⁸ Tự từng nê ngưu đầu nhập hải, Trục đáo như kim bất kiến tung. 自從泥牛鬥入海, 直到如今不見蹤。 Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển 8, Hòa thượng Đàm Châu Long Sơn 潭州龍山 nói: “Ngã kiến lưỡng cá nê ngưu đầu nhập hải, trục chí như kim vô tiêu tức.” (我見兩箇泥牛鬥入海, 直至如今無消息。 Ta thấy hai con trâu đất húc nhau [thấy động chúng] phóng xuống biển, thẳng đến ngày nay không thấy tăm hơi gì cả.)

²²⁹ Uyên ương tú xuất từng quân khán, bất bả kim châm độ dữ nhân. 鴛鴦繡出從君看, 不把金針度與人。 Câu này có trong: 1. Hoàng Long Huệ Nam Thiền Sư Ngữ Lục 黃龍慧南禪師語錄, quyển 1, CBETA, T47, no. 1993, p. 637, a22- 23. 2. Pháp Diễn Thiền Sư Ngữ Lục 法演禪師語錄, quyển 1, CBETA, T47, no. 1995, p. 650, b17. 3. Viên Ngộ Phật Quả Thiền Sư Ngữ Lục 圓悟佛果禪師語錄, quyển 1, CBETA, T47, no. 1997, p. 717, c22- 23.

San Francisco, 22/8/2020

Phật tử **Quảng Minh** dịch chú

Bản Bát Nhã Tâm Kinh Chú Giải trong Tục Tạng Kinh không đầy đủ,

<http://tripitaka.cbeta.org/X26n0573> , cho nên phụ chú bản hoàn hảo ở đây:

般若心經註解

大顛禪師寶通述

夫《心經》者，未曾舉起，已是分明，何須注解！然而世尊出世，現種種相，談說種種法。五事施化，五種立題，廣辟玄門，誘導群品，於第五時說此般若最勝大經，有唐玄奘三藏奉詔譯成，流於此土。盡六百卷，談空一味，顯法多門。於其數中，最簡要者，五十四句，計二百六十字。其文大直，反成難曉，豈欲傳諸達道，庶幾接引初機。若能對已返照，窮究見聞，先取見性，次第入頓，後無凝滯，終到牢關。設或未然，且聽末後句。

【摩訶】

梵語，此翻為“大”，又雲“平等”。

世間最大，莫過虛空。《金剛經》雲：“南西北方，四維上下虛空，可思量不？須菩提言，不也，世尊。”所以灌溪道：“十方無壁落，四面亦無門，大道無邊際，虛空難度量。”

雪峰道：“仰望不見天，低頭不見地。”雖然恁么廣大，誰知有一物，更過於此。且道是甚么物？還識這個◎么？太虛雖廣，不能包其體；日月雖明，不能喻其光。達摩雲：“寬則遍法界，窄也不容針。”庵雖小，含法界，放開大者無外，收來小者無內。藏山於澤，藏舟於壑，藏天下於天下。若從這裏會得，萬象森羅，情與無情，皆同一體。方信道：“滿目青山無寸樹，極目綠水絕波瀾。”光明洞耀，照徹十方，譬如千日，放大光明。古人道：“盡大地是沙門一只眼，盡大地是個法身王。”經雲：“父母所生眼，悉見三千界，出廣長舌相，遍覆三千大千世界豈不見。”雲門道：“一條拄杖子，化為龍，吞卻乾坤去了也。”山河大地從什麼處得來？若從這裏，一一明得便了。芥子納於須彌，須彌納於芥子。藏身處，沒蹤跡，沒蹤跡處莫藏身。神

通自在，出沒自由。或現大身，滿虛空界；或現小身，微中極微，細中極細。拋向諸人面前，打鼓普請看不見！

會么？海底金烏天上日，眼中童子面前人。

【般若】

梵語，此翻“智慧”。

愚癡之人，不見自性，造作粗惡，用事無智，生遭王法，死墮阿鼻。若能轉愚為智，用事聰明，具大福德，知因識果，令人恭敬，不受貧苦。若有人反思從前，所做過惡，逐日忙忙，不覺不知，愚癡顛倒，忽然自醒，念念生死，末後何歸，有大苦惱。愛別離苦、求不得苦、捨不得苦。杳杳冥冥，前路暗黑，魂識紛飛，無家可歸。依草附木，饑渴苦惱，親戚不睹，莽莽蕩蕩，憂愁之苦。或在地獄，一日一夜，千死萬生。或墮畜生，久受困苦，無人救濟。長劫受苦，忽能自覺，晝夜反思。塵劫以來，前種種苦，但受無常。親近知識，發大智慧，見自本性，頓悟無生。反前愚癡，智慧福德，皆歸空寂。神通妙用，治生產業，治世語言，同歸般若。轉凡成聖，自知當作佛，是心是佛，生極樂國。念念慈，常談般若，濟諸貧苦。變大地作黃金，攪長江為酥酪。一切諸法，無非佛法。平等真法界，佛不度眾生。方信道：“無眾生可度，無三界可出，無涅槃可證，本來具足。”佛子住此地，則是佛受用。經行及坐臥，常在於其中，為人自肯，決定無疑。說此難信之法，稀有之事，悟者方知。

更參末後一句，始到牢關。如何是末後一句？

何須待零落，然後始知空。

【波羅】

梵語，此翻“到彼岸”。

迷者此岸，悟者彼岸。經雲：“渡河須用筏，到岸不須船。”若迷本性，三業昏暗，六根內盲，妄認四大、六根為己。此是眾生顛倒，認賊為子，迷自本性，輪轉生死，即在此岸。出殼入殼，輾轉不覺。改頭換面，長劫受苦，無有休息。若一人反真歸源，窮理盡性，親見本來面目，頓悟無生，便登彼

岸。一得永得，一悟永悟，更不復生，輪回永息，生死永斷，做一個物外閑人。任性逍遙，寂然快樂，名曰“極樂”。

如何是極樂？除是我家親弟子，誰人肯向裏頭行。

【密多】

梵語，此翻“極則”也。

“密”者，和也；“多”者，諸法也。“密”之一字，喻於太虛，能包於萬法，萬法盡在太虛之內。眾生一性放開，亦能包於太虛，太虛亦能合於種性。太虛為體，萬法為用。太虛之中，森羅萬象，情與無情，總在太虛之內。眾生佛性，亦能包含於太虛。太虛之內，有八萬四千恒河沙異類種性，俱不可說，盡在眾生一性之內。一性喻於密，密能均和，和合為一；一性為密，種性為多，故曰“密多”。

【心】

“心”者，是眾生之本源。一切諸法，同歸於心。萬法是心之異名，分為八萬四千，廣則無窮無盡。心生，種種法生；心滅，種種法滅。所以道：“眾星皆拱北，無水不朝東。”

又道：“現前一心，本具千法，舉心動念，具大總持。”從上祖師，以心傳心，以心印心。五千四十八卷，八萬四千法門，多種方便，皆從此個字流出。將須彌做筆，海水為墨，書這一個字，猶不能盡。人人盡有這一個字，所以不能自見，說亦不信，須是親見，方能信也，喚做一字法門。眾生不信“是心是佛”，佛有多種方便指眾生見自本性，未能見者，須是一一分明指出。

教中道：“青青翠竹，盡是真如。”須是親見真如。“鬱鬱黃花，無非般若。”須是親見般若。

夾山道：“明明百草頭，明明祖師意。”須是親見祖師意。

又道：“目前無法，意在目前。”

又道：“道在瓦礫，道在屎尿，道無乎不在。”

又雲：“唯一緊密身，一切塵中現。”

又道：“見色便見心。”眾生只見色，不見心。為何不見？只為識性昏暗，六根內盲，不覺不知。若能窮究，步步行行念茲在茲，磕著碰著，忽然親見，名曰“見性”。此性，不可以智知，不可以識識，須是左顧右盼，回頭轉腦。瞻之在前，忽然在後。處處逢渠，渠今正是我，我今不是渠。若能如是會，方得契如如。此性無形無相，於不見之上親見，於親見之上不見。離種種相，見自本性，是名“妙道”。

二祖問達摩：“乞師安心？”達摩雲：“將心來，我為汝安。”二祖雲：“覓心了不可得。”達摩雲：“為汝安心竟。”二祖於此大悟，得無心之道。

會么？若得心空皆及第，凡聖原來共一家。

【經】

“經”者，徑也，是眾生修行之徑路。驀直便行，向萬裏無寸草處去。切忌當頭，舉心動念，便墮泥犁。

要識此經么？五千四十八卷，皆從此經出。豈不見，僧問雲門：“如何是學人一卷經？”雲門答曰：“舉起甚分明。”又問：“僧念什麼經？”僧雲：“念《維摩經》。”雲門雲：“我不問你念《維摩經》！念的是什麼？”若從這裏會得，出息不涉萬緣，入息不居陰界，常轉如是經，百千萬億卷。這一卷經，人人本有，亙古亙今，只為眾生不悟，所以信之不及。何也？此一卷經，流浪多劫，迷背此經。忽然有人，一言下頓悟，方信道：此經不從外得，自知從己流出，聲聲不絕。“默時說，說時默，大施門開無壅塞。”然雖如此是，不可依樣畫貓兒。何也？須親見此經始得。

【觀自在菩薩】

若信於此，但去靜坐。坐令極靜，舉心動念，有一無位真人，常在赤肉團上，出出入入。這裏親見此菩薩，悠遊自在。十方諸國土，無刹不現身。一剎那間，周遍沙界。十方遊曆遍，不見佛行蹤。不離當處常湛然，覓即知君不可見。於不見中親見，於親見中不見。若從這裏見得觀音菩薩，應物並隨形，何曾欠少。起坐鎮相隨，同起複同倒。同歡同笑，同叫同鬧。

會么？眼裏聞聲方始知。

【行】

“行”者，修行也。欲行千裏，一步為初，看這一步從何而起。若知起處，便知生死之根源。

古人道：“行到水窮處，坐看雲起時。”豈不見，石霜問石頭：“舉念不停時如何？”石頭：“咄！雲是誰舉念？”石霜於此大悟。但如此體究，念念不離於當處。凡舉心動念，語言、三昧，自觀從何而出。

古雲：“何不自聞聞。”方信道，從佛口生，從佛口出。

古雲：“欲識佛去處，只這語聲是。”

寶公雲：“未了之人，聽一言。只如今，誰動口。”

經雲：“有世界，名曰極樂。其土有佛，號阿彌陀，今現在說法。”諦觀聲聲，從自己流出。念念不絕，十二時中，常讀是經。叫佛一聲應一聲，本來面目太分明。若能如是，喚做返本還源。

如何是源？水流源在海，月落不離天。

【深】

“深”者，徹骨徹髓處也。

古雲：“為道損之又損。”但去靜坐，日夜反照，照盡羈體，五蘊頓徹，絲毫不掛，如父母未生相似，燒了一般，貼體汗衫都脫卻。反求諸己，廓然無我，自然到家。

古雲：“不是不歸家，家貧歸不得。”穀幽深遠，無人能到。

古雲：“去年窮未是窮，今年窮始是窮。去年窮無卓錫之地，今年窮，錫也無。”若能如是，方知“無舌人能解語，無手人能行拳”。

【般若】

“般若”者，梵語“智慧”。

大凡為人，須有智慧。若無智慧，只知事逐眼前過，不覺老從頭上來。不信此語，外道聰明，無智慧。若是大智之人，知有生，便知有死。當自坐觀，生從何來，死從何往。若有人，發此一念，便能親近知識，抉擇生死之法。若不如此，但信此語：“世間將不去，唯有業隨身。”

古雲：“若一人反真歸源，十方虛空悉皆消殞。”若要明末後一著，但將《龍牙頌》仔細冷觀。學道先須且學貧，學貧貧後道方親，一朝體得成貧道，道用還如貧的人。如此悟去，世間將不去，唯有一空身，是大安樂。

會么？撒手到家人不識，更無一物獻尊堂。

【波羅】

梵語，此翻“到彼岸”。

迷者輪回轉，悟者輪回超。若要到彼岸，須是自生智慧。譬如渡河人，河深難得渡，須用橋道、船車、木排、竹筏多種方便，布置盛載，過此深河，前多種方便之物都無用處。見性悟道亦復如是。又譬如盲人求醫，路遠不能自行，須假人牽，兼手中有杖。無此二物，終不能到。既到醫師處，為他點開眼目，便見光明，其杖與牽人，都無用處。頓悟涅槃正路，亦復如是。未得見性悟道，須用作福，福至心靈，須假坐禪行道，看讀聖教，看話下語，一切頓悟。從前多種方便，有為之法，盡是閑家具，留與後人看。目開之人，渡河之者，來去自在，一過永遠，一悟永悟，更不復迷。得兔忘蹄，得魚忘筌，得意忘言，做一個物外閑人，十二時中，諸聖鬼神，要見無由。一切聖賢覓蹤跡，皆不可得。此是已到岸者。故雲“波羅”。

會么？及盡玄微妙，回程月下行。

【蜜多】

梵語“無極”，又雲“究竟”。

故“蜜”之一字，喻於太虛能包萬法。譬如眾藥，其味不同，用蜜勻和，同歸一味。諸佛性空，亦能充滿於法界，包含一切。異類種性，會源歸一。識得一，萬事畢。如何是一？吾道以一貫之。

洞山道：“二十年要打成一片不能。”得到這裏，方知佛法平等，無有高下，回歸一體，無佛可做，無眾生可度，一體同觀，故曰“蜜多”。

【時】

“時”者，正見之時，一無可見。亦無過去、未來、現在，與虛空平等。上無攀仰，下絕已躬，圓頓之位，皆不可得，玄之又玄，等無有二，共歸一時。

【照見五蘊皆空】

“五蘊”者，色、受、想、行、識。此五蘊因執色身有我，故長劫輪回。若就今生人身，依此修行，常自返照，照見五蘊淨盡，清淨本然。淨裸裸、赤灑灑，沒可把。四大五蘊，名字皆不可得。古人到此，名曰“蘊空法”。

西天賓王問師子尊者曰：“在此做什么？”尊者答曰：“在此蘊空。”王問：“得蘊空法否？”尊者答曰：“已得蘊空法。”王曰：“求師頭得否？”尊者答曰：“身非我有。豈況頭乎！”

僧問岑和尚：“二鼠侵藤，如何淘汰？”岑曰：“今時人須是隱身去。”僧雲：“如何隱身？”答曰：“道者還見奴家么？”

肇法師雲：“將頭臨白刃，猶如斬春風。”

舍利弗見天女，問：“何不變卻女身去？”天女答曰：“我十二年覓女身，了不可得。教我變個什么？”祖師到此田地，皆得蘊空之法。

鏡清和尚住院三年，本院土地，要見師顏不能得。

弘覺和尚住庵，天廚常送食。及再參洞山後歸庵，天神三日送飯到庵，不見庵主。庵主只在庵中，為甚未見？參！

從上祖師皆得圓頓之法。這裏一一透得荊棘過，萬象之中獨露身。為人自肯，乃方親到這田地，自然休歇，自然放下，如紅爐上一點雪。

良久，雲：會么？只見六龍爭戲舞，誰知丹鳳入雲霄。

【度一切苦厄】

若不得五蘊空，依舊墮落生死界。既墮生死界，再受輪回苦。

老子曰：“吾有大患，為吾有身，有身皆是苦。”

經雲：“三界無安，猶如火宅。”眾苦充滿，甚可怖畏。若要無苦，直須返己自照，照盡羶膻本來清淨，須是親見本來面孔。

要見本來面孔么？今古應無墜，分明在目前。

會么？舉頭鷄子過新羅。

【舍利子】

“舍”者，離也。“利子”者，舍中之主也。四大五蘊，身如客店，主人暫住。主人既離，屋舍倒壞，利子常存。

藥山道：“皮膚脫落盡，唯有一真實。”又道，“大千俱壞，這個不壞。”

還識這個么？獨超三界外，更不戀娑婆。

【色不異空】

以心觀境，境上有空，見色便見空，心即是空。

眾生法性只在目前。應物顯形，長者長形，短者短形。方者方空，圓者圓空，白者白空，黃者黃空，小者小空，大者大空，遠者遠空，近者近空。反觀自己，是色，色即是空，應現種種相。種種相，即是空幻化。空身即法身，“法身覺了無一物，本源自性天真佛”。

寶公道：“有相身中無相身。”

會么？雨洗淡紅桃萼嫩，風搖淺碧柳絲輕。

【空不異色】

色與空一種，凡夫見兩般。諸佛菩薩，常行平等智，不生分別相。三世諸佛、菩薩亦是空，二十八祖、六代祖師亦是空，四聖、六凡亦是空。上至諸佛，下至螻蟻，各各本來總是空。只為眾生執著，不知是空。迷己逐物，隨物

流轉，不能歸一。機見不同，有色有空，墮落二見。若人於此，廓徹悟空，平等身心，內外無餘，不見空色，不被物轉，平等法界，何更有二。

會么？不見一法即如來，方得名為觀自在。

【色即是空】

眼是色不能見，只是真空能見。耳是色不能聞，只是真空能聞。鼻是色不能嗅，只是真空能嗅。舌是色不能說，只是真空能說。身是色不能覺觸，只是真空能覺觸。腳是色不能行，只是真空能行。手是色不能行拳，只是真空能行拳。無眼能見，無耳能聽，無鼻能嗅，無舌能談，無腳能行，無手能行拳。意根有名無形，分為八萬四千。見聞覺知，總歸六根，遍身互換，神通妙用。

古雲：“通身是，遍身是。”會得色即是空，空即是色，色空不異，真空妙理。所以道：“色可色，非真色；空可空，非真空。”總歸大空、畢竟空、自性空、本性空、空空、不可得空……，二十空門原不有。

且道到這裏，似個什麼？常憶江南三月裏，鷓鴣啼處百花新。

【空即是色】

諸佛菩薩，見十方世界，只是一空界，平等無二。有情、無情，著相分別，見種種相，隨聲逐色，出胎入胎，不知不覺。聖賢不見有色有空，內外無分別，常自寂滅相，光明動耀，遍周沙界。安色空二字，俱不可得。

會么？亦無空，亦無色，布袋和尚逢拾得。

【受想行識】

因有眼故，便受其色。因有色故，便受其想。因有想故，便受其行。因有行故，便受其識。因有識故，便有六根。因有六根，便有六塵。因有六塵，便有六識。因有六識，共成十八界。因有十八界，便有四大、五蘊。因有四大、五蘊，便起六十二見，便起八萬四千差別相。隨聲逐色，流浪生死，終無止住。若要生死斷、輪回息，但從一根照破，令四大、五蘊淨盡，廓然無我，當下空寂，直下承當。空劫以前自己，寂而常照，照而常寂，寂無所寂，唯見於空，空無所空，八萬四千，塵勞妄想，一時頓息。此時，人亦空，法亦空，二相本來同。

會么?佛祖位中留不住，夜來依舊宿蘆花。

【亦復如是】

既無我故，萬法皆無，總歸於空，喚做萬法歸一，不落第二見。到這裏，言語道斷，心行處滅，動念即乖，安排即錯。文殊與淨名，對談不二。如何是不二?不得動著!動則三十棒。

會么?百舌未休枝上語，鳳凰那肯共同棲。

【舍利子】

諸漏已盡，已歸寂滅。求出三界，天地不能拘。迴超法界外，自在更無憂。名曰“舍利子”。前解釋竟。

【是諸法空相】

從上諸佛，一味談空，只為眾生，直下是空擔負不行，起百種方便，種種假名，引導有情、無情，皆歸空寂。若信未及，但去靜坐，反照照見，五蘊實無所有，自然人空。既得人空，其法亦空，人法俱空，自然休去歇去。

經雲：“我身本不有，憎愛何由生。”到這裏，自然放下，無佛可做，無生死可斷，無涅槃可證。圓頓之位，等覺、妙覺之地。若更有絲毫可證可修，則墮生死界，永劫受沉淪。若能徹底無依無倚，直下承當空劫，圓陀陀，光燦燦。

會么?亦無人，亦無佛，大千沙界海中漚，一切聖賢如電拂。

【不生不滅】

“不生不滅”者，全談理性。有生有滅，全談事相。此語直言直說眾生具足法身。虛空之體，亙古亙今，不曾生、不曾滅，不變、不移，無去、無來，無舊、無新，湛然常寂。四大五蘊從他虛生虛設，於自己法身，總無交涉。和光塵不染，三界獨尊。此是長劫虛空不壞之身。經雲：“雲何得長壽?金剛不壞身。”

會么?竹影掃階塵不動，月輪穿海水無痕。

【不垢不淨】

亦說眾生本來具足法身。眾生法身清淨，無瑕、無染、無汙，不長、不短，不方、不圓，無濁、無淨。壞不得，燒不得，染汙不得，如世界如虛空，如蓮花不著水。心清淨，不垢不淨，長劫如然，如水中月。

要見么？佛面猶如淨滿月，亦如千日放光明。

【不增不減】

虛空之體，迢迢空劫之身，增不得、減不得、壞不得。在聖而不增，在凡而不減，如如不動。上乘菩薩信無疑，中下之士聞之必生怪。

會么？喚作一物即不中。

【是故空中】

清淨本然。棒打虛空空不痛，刀斫虛空空不斷，繩縛虛空空不住，火燒虛空空不著，箭射虛空空不穿，雨打虛空空不濕，典賣虛空不值錢。

會么？欲言言不及，山東河北好商量。

【無色受想行識】

虛空之體，安色空不受色，安聲空不受聲，安受空不受受，安想空不受想，安行空不受行，安識空不受識。六道四生，一切假名，都無所受，纖塵不立。清虛之理，畢竟無身，行如鳥道，坐若太虛。十二時中，佛眼覷不見。

為甚覷不見？錦鱗在深處，白鷺不知蹤。

【無眼耳鼻舌身意】

有此六根，隨順眾生之說。諸佛具大慈悲，現三十二相，八十種好，以幻滅幻，非幻不滅。不滅者，是眾生本來具足法身。“法身即非法身，是名法身。”

法身有名無形，要見法身么？在眼曰見，在耳曰聞，在鼻曰嗅，在舌談論，在手執捉，在足運奔。全體起用，全體法身，非是六根、四大、五蘊。見聞

覺知，切忌妄認。四大、六根，凡所有相，皆是虛妄，盡是假名。引導眾生，須是親見法身，若得親見，轉凡成聖。

豈不見僧問雲門：“如何是清淨法身？”雲門曰：“花藥欄。”僧雲：“便憑么去時如何？”雲門雲：“金毛獅子。”雪竇頌雲：“花藥欄莫顛預，星在秤方不在盤。便憑么太無端，金毛獅子大家看。”

僧問大龍：“色身敗壞，如何是堅固法身？”龍曰：“山花開似錦，澗水湛如藍。”祖師一一為眾生指出，若親見自己法身，萬劫不受輪回。

要見法身么？是何顏，剔起眉毛著眼看，擬議之間隔千山。

【無色聲香味觸法】

此六塵，皆從一根上起，但去一根，反照從何而起？若識得起處，知根本生。反照根本身，非我有我身。既無十八界，頓然清淨。觀身無身，觀法亦然，總歸空寂。更去靜坐，觀過去所作，現在所作，多種聲色香味觸法，安頓何在？既無所有，猶如昨夢。我心本空，罪福無主。何者是罪，何者是福？諦觀心是本來空，是則名為真懺悔。

三祖乞二祖懺罪，二祖雲：“將罪來，我與你懺。”三祖雲：“覓罪了不可得。”二祖雲：“懺罪已竟。”三祖於此大悟。

會么？對坐不相見，光影照驢面。靜坐絕纖塵，虛空不通線。

【無眼界乃至無意識界】

此十八界，因執有眼界，而連累十八界，是諸惡業。但去眼根，反究虛假，六根皆歸敗壞，總無真實。靜觀四大，都無實義，為虛空之體，長劫不壞之身，湛然常寂，亦無修證。那伽常在定，無有不定時。無散無亂，孤明獨照，猶同秋月。圓陀陀，光燦燦，普天匝地照徹十方，山河大地不能隔礙。靈光獨耀，迴脫根塵，體露真常，不拘文字。心性無染，本自圓成，但離妄緣，即如如佛。

【無無明】

開發眾生，人人盡有無明，起多種差別，百種煩惱。常取六根，起十八界。心處六情，如鳥投網，造眾惡業，如蛾赴燈。出殼入殼，輾轉不覺，流浪經劫，皆因無明而起。因有無明，無明緣行，行緣識，識緣名色，名色緣六入，六入緣觸，觸緣受，受緣愛，愛緣取，取緣有，有緣生，生緣老死。憂悲苦惱，皆由無明為始。於此忽然親見無明，降伏令死，死中更死，萬緣俱息。諸漏已盡，永斷煩惱，根本既除，三毒自滅。一切眾生，不識無明惡毒緣起，因被所累，曆劫受苦，忽然自覺，無明起處。朝打三千，暮打八百，直教大死一回，末後再蘇，欺君不得。

一僧問投子：“大死的人，卻活時如何？”投雲：“不許夜行，投明須到。”於此直截根源，掃除心地，不見有身。身盡無明盡，塵垢盡除，萬劫塵沙之罪一時頓消，輪轉生死一時頓脫。

古雲：“剎那滅卻阿鼻業，了得萬法本來空。”如何是本來空？“無明實性即佛性，幻化空身即法身。”法身覺了無一物，於此一一明得，轉凡成聖，轉無明作佛。

【亦無無明盡】

有身即有無明，有無明即有三毒。因有三毒，起三惡業，三業昏暗，背覺合塵，不覺不知。若能轉三毒作三德，轉六根作六神通。於此一一轉得，轉凡成聖，凡夫即是聖人，聖人即是凡夫。若轉不得，凡夫被物所轉，百姓日用而不知，終日忙忙，無本可據。若能轉得，會萬物歸於自己，終日忙忙，那事無妨。終日吃飯，不曾咬破一粒米，終日著衣，不掛一縷絲。終日為，未嘗為。如此轉得，混融魔界，居塵不染塵，在欲而無欲。身心一如，內外無餘。須是打成一片，與空劫齊，形影不存，纖毫不立，體露堂堂。才有纖塵，遍界空生，即墮生死。但去反觀自己，不見有身。我身既無，無明亦無。

經雲：“永斷無明，方成佛道。”只這“佛”之一字，亦不可得，覓元字腳，亦不可得。

古雲：無卓錫之地，喚做了事的人，喚做無心道人。“莫道無心雲是道，無心猶隔一重關。”且道隔那一重關？

會么？一片白雲橫穀口，幾多歸鳥盡迷巢。

【乃至無老死】

既得無明盡，便無老死。諸佛修行，只到無身處。身既無，生死何有？佛不見身，是佛見。

經雲：“若無我相、人相、眾生相、壽者相，即是菩薩。若有我相、人相、眾生相、壽者相，不名菩薩。”眾生顛倒，被目前幻景所惑。行影變動，隨物流轉，因執人我，妄心不滅。迢迢塵劫，人我不除，執著聲色，墮落生死，對治⑤目前，亦有生滅。若是見性之人，目前無法，亦無眾生。心、佛及眾生，是三無差別。

⑥，平等真法界，佛不度眾生。一體同觀，萬法歸一。到這裏，生則從它生，老則從它老，病則從他病，死則從他死。若是到家的人，不見有生死，亦無生滅。

古雲：“不見一法即如來，方得名為觀自在。”天堂地獄，六道四生，一切幻化，於大徹底人，總無交涉，自然全身放下。“諸行無常一切空，即是如來大圓覺。”

且道死了燒了，向甚么處去？

會么？無影樹下，嘯月吟風。無縫塔前，安身立命！

【亦無老死盡】

學道之人，如剝芭蕉，去一重又去一重，直得去盡，無下手處，反本還原，得五蘊空，如未生相似，燒了一般。到空不空處，脫體全忘，不存蹤跡，通身手眼，不立纖塵。名字不可得，十二因緣、六度萬行、頭陀苦行，一時頓脫。如枯木，如死灰百不會的人。

古雲：“不是息心除妄想，只緣無事可思量。”若更說生、說死、說因、說果、說心、說性。“心是根，法是塵，兩種猶如鏡上痕，痕垢盡除光始現。”心法雙忘，方到無生死之地。人法俱忘，複是何物？

會么？木人半夜穿靴去，石女天明戴帽歸。

【無苦集滅道】

小乘之人，日夜精進，六度萬行，心外求法。免此四諦，出三界，免輪回，無有是處。諸佛為大事因緣出現於世，不以小乘法濟度於群生。大乘之者，學無為法，端坐念實相，“眾罪如霜露，慧日能消除”。在於閑處，收攝其

心，端然不動，觀一切法，皆無所有。反觀四大，有身非覺體，無相乃明真，自知空寂。今知空寂，頓脫淨盡，無功之功，長劫不壞，如如不動，湛然常寂。諸法從本來，常自寂滅相。佛子行道已，來世得做佛。定慧力莊嚴，無迷無悟，無苦無藥，無集無滅，無道無德，無慧無癡，“本來無一物，明鏡亦非台”。到這裏修證即不悟，染汙即不得，一直超入如來地。

要見如來么？竹密不妨流水過，山高豈礙白雲飛。

【無智亦無得】

此句反照自身，常不可得，豈有得乎？亦無人亦無佛，不是心，不是佛，不是物，一切聖賢如電拂。到這裏如賊入空屋，得無所得。離種種見，脫體無依，自性清淨，實無一法可當情。“本來付有法，付了言無法，各各須自悟，悟了無無法。”無得無失，無進無修，燃燈佛無一法授記。胸次才有絲毫有得有失，我能我會，我悟我達，我聰明我智慧，有道有德，盡是增上慢的人。我不除，皆隨生死。若是真實的人，總不如此，自有出身之路。

如何是出身之路？昨日有人從天台來，卻過南嶽去。

【以無所得故】

修行人到這裏，入圓頓之位。眾生因何流浪？不能出期只為不曾見性，鮮於智慧，不能廣知無量空義。胸次學解，誤卻本心。從門入者，不是家珍。眾生被其幹慧，廣覽義理，蠱毒人心。蘊在胸懷，成增上慢。

古雲：“才有纖毫，即是塵。一翳在眼，遍界空生翳。”若不銷，不出門知天下事。翳若消盡，始知庵內人，不見庵外事。須是參究到空劫齊，不落第二見，歸根得旨。才有所得，執著人我，我慢不除，生陷地獄。雲光法師講得天花亂墜，貪嗔不改，墮落堰牛。西天長爪梵志，講得天帝釋、閻老來聽法，免地獄苦，不得騰空，見佛請益，聞佛方悟。若要超佛越祖，須是念念空寂。世間幻化，一切客塵、太虛之體，聲色不存，如世界如虛空，是了事安樂清淨道人。

要見清淨道人么？因我得禮你，衲僧眼見鬼。朗州山，澧州水。

【菩提薩埵】

了得人空，名曰“菩提”。了得法空，名曰“薩埵”，人法俱空，名曰妙覺。四果小乘，著相修行，精進苦行，修無漏，斷塵沙惑，果行圓滿，得四果阿羅漢。如獨跳，神通狹劣，墮在聲聞辟支佛，不能接物利生。若不見性，萬劫不能成佛。若要入圓頓之位，須是見性。若得見性，反掌之間，轉凡成聖，自然機緣，悟佛三昧。無師智、自然智，多種方便，度諸迷悟，同到彼岸，更不受生。教外別傳，不勞寸刃，入圓覺無礙法門。

如何是無礙法門？此去西天十萬餘。

【依般若波羅蜜多故】

此中間六個字，依此前種種解說，得大智慧，最尊最勝。悟性般若，天上天下，無有及之。

古雲：“千日學慧，不如一日學般若。”般若通透，大光明藏，如人入海，轉入轉深。開佛知見，入佛知見，悟佛知見。有大神通，種種變化，種種方便，應現種種相。隨機利物，引導群迷，同到彼岸。三界唯心，萬法唯識，體用雙行，渾融歸一。無二亦無三，唯有一乘法。動靜言談，句句平等，不落第二。一體同觀，平等真法界，無眾生可度，豈有差別？脫體無依，果行圓滿，名曰“蜜多”。三世諸佛，被思大和尚，一口吞盡了也。

會么？破鏡不重照，落花難上枝。

【心無掛礙】

到此悟真空妙理，廓徹太空，清淨本然。如來與一切眾生，平等性空，於諸修行，實無有二，超過礙無礙境。

古雲：“心同虛空界，示得虛空法，證得虛空持。”無是無非法，外清淨、內清淨、內外清淨，外空、內空、內外空，當體即空。天地未有，先有此空。有物混成，先天地生。無名天地之始，有名萬物之母。太始太初，太微太極，視之不見，聽之不聞，搏之不得，迎之不見其首，隨之不見其後，五目不睹其蹤，二聽絕聞其響。

六祖雲：“我有一物，上拄天下拄地，無人識得，若親見一回，超過佛祖。出三界，不輪回，為人自肯、自信，自能保任，得無礙法，決定無疑。”

會么？三歲孩兒抱花鼓，八十老翁滾繡球。

【無掛礙】

經雲：“汝何不見吾不見之地，若不見吾不見之地，自然非物。”雲何非吾？達諸法相，稽首如空，無依無倚。如百千燈，光照一室，其光遍滿。一切幻化，虛妄境界，於此總無障礙。東去無窮，西去無極，縱橫自在，無去無來。幻景不能所拘，本源自性天真。長劫不壞，清淨之體，無去無來，無變無異，故曰如來。

要見如來么？南有天台，北有五台。

【故】

“故”之一字，圓滿極則。不可說，不可說。說亦不得，因說不得，故曰“故”。即無法可說，是名說法。

【無有恐怖】

悟得性空，東西不辨，南北不分，不受明暗之所拘，不與萬法為侶。來去無伴侶，佛眼不能睹。常獨行，常獨步，達者同遊涅槃路。上天之仰無窮，入地去之無極。山河石壁，地水火風，於此來往，總無隔礙。不動道場，一剎那間，周遊法界。側掌行千裏，回程轉似飛，陰陽不能遷變。四聖六凡，拘系不能得，千聖不奈何。無掛、無礙，長劫如然，喚做自在大覺金仙。格外超佛越祖之久，決定無疑。究竟圓覺，遍十方故。

要見此人么？白頭童子智猶長，半夜三更渡渺茫，任運往來無間斷，不須船子與浮囊。

【遠離顛倒夢想】

若要遠離，先斷貪欲，及除愛渴，愛為根本。發心修行，先取見性，愛欲自除。眾生輪回，顛倒不息，從過去劫中，不信般若，流浪生死。至於今日，被幻境所惑，貪著五欲，業識茫茫，日夜顛倒，被此幻身，三業昏暗，不覺不知。忽然自覺無常，知此過幻，念念變滅，頓然覺悟，即知此身，畢竟無體。

古雲：“聖人無己無固，無必無我，無依無倚，無晦無明，無名無相，無強無弱，無淨無穢，無立無作，無生無滅，無住無默，無言無說，絕思絕慮。”一切語言道斷，心行處滅。實無可得，得無所得，其道常存。朝聞道，夕

死可矣！死了燒了，無饑無渴，無寒無熱，無起無倒，無睡無眠，無六根無九竅，無四百四病，無八萬四千蟲，永無顛倒夢想。若不如此悟去，清淨界中，才一念間浮，早過八千年。會即剎那間，不會塵沙劫。死死生生，轉轉不覺，睡長夢而不醒，萬劫顛倒而無止。顛顛倒倒，死了又生，生了又死，夢醒又夢，如夢幻泡影，流轉世間，夢中說夢，終無了期。若有人打得徹，透得過，永免顛倒，夢幻頓斷。

且道向甚么處去？千聖覓他蹤不見，全身隱在太虛中。

【究竟涅槃】

反究此身，本來無此四大，迷已逐物，認賊為子，妄認四大六根為自己。一切眾生，從無始以來，妄想執有我、人、眾生及與壽者，認四顛倒，自不覺知，不能解脫。忽然自醒，於此日夜不離當念，自覺自照，照盡五蘊，從塵劫以來，本自無有，廓然頓空，實無我相，如圓覺性。本無菩提及與涅槃，亦無成佛及不成佛。古雲：“若悟無人我，逍遙出六塵。”

“竟”者，盡也。窮盡之法，廓徹無己，萬緣頓息，內外無餘，湛然常寂。“生滅滅已，寂滅為樂。”全身放下，離四句，絕百非，知見無見，斯即涅槃，故曰“涅槃”。

如何是涅槃？咫尺之間，不睹師顏。

【三世諸佛】

過去、未來、現在。過去莊嚴劫，一千佛。三世三千佛，更有窮劫佛，不可說，不可說。數量不可窮，但去靜坐，觀過去、現在、未來皆同一體，如虛空。不異相，不自相、不他相，非無相、非取相；不此岸、不彼岸，不中流。觀身寂滅，永不斷滅。若人於此頓悟，直下承當，迢迢空劫，盡在如今。於光動地，人法皆忘，不見過去、未來、現在，究竟到盡、無盡地，即是空空。我、無我、我我尚不可得，空色亦無，三世自空。非識滅空，識性自空。前際後際空，故中際亦空，不落空。

要見三世諸佛么？鎮州蘿卜猶自可，青州布衫更愁人。

【依般若波羅蜜多故】

此句是三世諸佛之母，從此流出十方諸佛。依此句修行，果行圓滿，成等正覺。離此句修行，雖經多劫，又守勤苦，有希望成道，屬小乘法，墮在聲聞、緣覺、辟支佛。有為之法，終不成就一切聖果。須常精進，存有所能，依般若波羅蜜多法，得阿耨多羅三藐三菩提，即非阿耨多羅三藐三菩提，是名阿耨多羅三藐三菩提。修行更無過此，最上極則，果位無上正真。唯此一事實，餘二則非真，圓頓上乘。若外別修行，過此法者，無有是處。此是教外別傳，世尊最後拈花，迦葉微笑，正法眼藏，吩咐於摩訶大迦葉。

此法親見自性，不容授記，圓頓之位，獨孤標法。參善知識，憑師指示，有緣契悟圓頓，教沒人情。若有思心傳授，是外道法。有吩咐，有傳授，有得有失，有教有授，盡是外道邪見，生死根本。三世諸佛、六代祖師，自修自證。我宗無語句，亦無一法與人。若有一法授記，不名釋迦。若被人教壞，急需吐卻，大凡為人須從自己流出，無價珍用無盡，利物應機終不吝。上根之人，一聞千悟，具大總持。中下之機，多聞多不信。說此難信之法，稀有之事。

會么？月下樹無影，日午打三更。

【得阿耨多羅三藐三菩提】

此是梵語，“阿”之言無；“耨多羅”言上；“三藐”言正；“三菩提”言真。此名無上正真，又雲成等正覺。此四個字須是親見，見道方修道。五千四十八卷，說此四個字，窮不能盡。過去諸佛，說亦不能盡。三世諸佛一切賢聖，皆依此四個字，修證盡歸聖果。三世諸佛、初發心，求此四個字，各得果位，圓成等覺、妙覺。末代眾生若依此修行，般若波羅蜜多三藐三菩提法，廓然頓悟，親見無上正真，自知當作佛，直超聖果。

要見無上正真么？山河大地，全露法王身。

【故知般若波羅蜜多】

過去諸佛慈濟眾生，百種智慧方便，隨機利物。泥龕塑像，黃卷赤軸，一切語言，說因說果，但以假名字引導於有情。天堂地獄，諸佛位次，三賢十聖，緣覺聲聞，四聖六凡，次第接引。忽然自悟，見自本性，超過諸佛位，一直超入如來地圓頓之位，不立名字。若不見性，向外馳求，終不成就。

悟，有年有月有日有時，因甚么事，發明此事？學道先須有悟，由若不如此，離文字外，行住坐臥，火急自究。一旦頓悟，同修同學，同悟同證，同契同道，諸善上人，同歸一處。若自學解，就人馳求，各執外道邪見，生死各路，隨業受報，不可共語。

豈不見須菩提，塵沙劫前修行，直至釋迦會下，只得解空。第一方等會中，《金剛經》請問“四句偈”，廓然頓悟，涕淚悲泣，自歎雲：“前所慧眼，未曾聞此經。”三世諸佛皆從此經出。如何是此經？

要識此經么？西瞿耶尼，北鬱單越。

【是大神咒】

此咒亦是眾生具足心咒，亦是眾生心地法門。得此法門，有大神通，拘邪立正，變大地作黃金，攪長江為酥酪。一毫端上，顯寶王刹，一微塵裏，轉大法輪。信手拈來，亦能殺人，亦能活人。此神咒，舉心動念，外道魂驚。反真歸源，魔宮震動。如來秘密神咒！

要識此咒么？神通並妙用，運水及搬柴。

【是大明咒】

心光發現！此咒照天照地，燦破乾坤。此咒遍覆三千大千世界，光明洞耀，普照十方，包含法界。大光明藏過於日月，無處不照，是大明咒。

要識此咒么？鑿池不待月，池成月自來。

【是無上咒】

此咒最上，更無過者，是諸咒之王。此咒第一，將別神咒過於此咒，終不能及。一切萬法，無不出於心咒。無能越者，是無上咒。

要見此咒么？杖林山下竹根鞭。

【是無等等咒】

此咒無邊際，不可比。況將諸咒，比並此咒，終不能得。此咒世間稀有，說此難信之咒，須是親見此咒。為人自肯，不可說，不可說。

要見此咒么？麻三斤，兩腳駱駝藏北鬥。

【能除一切苦】

佛意慈湣眾生，墮在娑婆，流浪經劫，受苦無窮，種種方便，救度眾生，同歸極樂。世尊自歎雲：“吾過去劫中，曾作大身，積骨如須彌，吃娘乳如大海水，未說種種身。”佛大慈悲，出現於世，救度群迷同出火宅，為眾生貪著五欲，無有出期。若有人諦信達摩西來，直指人心，見性成佛，念茲在茲，忽然見性，自知當作佛，是心是佛。求出火宅，永免輪回，更不受生。自信一去不回頭，直待彌勒下生，隨機利物，應現種種相，種種方便，化度群生。從上諸聖，久受勤苦，方得見自本性。心心念念，處處逢渠，且道末後向甚么處去？

會么？處處逢歸路，時時復故鄉。古今成現事，何必待商量。

【真實不虛】

一切諸佛，說此神咒，度脫有情，真實不虛。不異語、不誑語，“證實相、無人法，剎那滅卻阿鼻業”。“凡所有相，皆是虛妄”。唯此無相之相，是真實之相。大千俱壞，此相不壞。為甚不壞？為同大千。壞與不壞主元在，欲識庵中不死人，豈離而今這皮袋。皮袋定壞，此主不壞。古雲：“古骸俱潰散，一物鎮長靈。”

經雲：“我有無價寶珠，系在衣裏。日夜推究，忽然而見摩尼珠。”人不識，如來藏裏親收得。然雖如此，見道易，守道難。

要見此珠么？朝看雲片片，暮聽水潺潺。

【故說般若波羅蜜多咒】

此句結前，多種方便。語言總歸於一，具大總持，同歸一心之法。

經雲：“應觀法界性，一切唯心造。”迷者呼為情識，死後受輪回。悟者為秘密神咒，得無生法。如來有密語，迦葉有密藏。悟此神咒，若人專心受持，功行圓滿。常持此咒，鬼神遠離，諸天寂聽常歡喜。

要見此咒么？不在外，不在內，不在中間與內外。且道在什麼處？

會么？上大人，丘乙巳，諦聽諦聽！

【即說咒曰】

重舉四揭諦，維護持經人，不離其側。四揭諦順念逆念，世間一切，所求無不果遂。

會么？雨過莓苔潤，春來草自生。

【揭諦揭諦】

反觀自己頓空，空中更空。不見有空，萬緣頓息。過去所作一切善惡，幻化五蘊蕩然淨盡。塵勞妄念一時頓除，太虛之中絲毫不掛。“揭諦”者，人空。又“揭諦”者，法空。人法俱空，二空全忘。故曰“揭諦、揭諦”。

會么？不勞懸石鏡，天曉自分明。

【波羅揭諦】

到空無所空，生死永斷，同到彼岸，永不受生。故曰“波羅揭諦”。

會么？月上中峰頂，還應過別山。

【波羅僧揭諦】

此是諸佛清淨境界。五欲塵勞，汙染不得。混融魔界，異類中行，龍蛇混雜，凡聖同居。逆行順行，聖賢莫測，反本其源，歸根得旨。故曰“波羅僧揭諦”。

會么？自從泥牛鬥入海，直到如今不見蹤。

【菩提薩婆訶】

“菩提”是初，“薩婆訶”是末。

發菩提心，勇猛修行，日夜為道，行頭陀行，精進苦行，漸漸修進，永無退轉。久守勤苦，忽然悟道，達本性空，即是菩提。超出三界，了無所了，得無所得，蕩然清淨，極樂之所，善說無窮，故曰“薩婆訶”。

看讀至此，廓然頓悟！涕淚悲泣，喜極則悲。若能如此，欲報佛恩，廣開印施，續佛慧命。若不醒悟，不過知音者，徒勞話歲寒。

更有末後一句，未敢分付！鴛鴦繡出從君看，不把金針度與人。

大顛和尚解心經全文完